

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 119./CBTT-TMS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP.HCM**

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX**

Mã chứng khoán: TMS

Địa chỉ trụ sở chính: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 84-8 2220 2888

Fax: 84-8 2220 2889

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Thái Nhi

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (cơ quan): 84-8 2220 2888

Fax: 84-8 2220 2889

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Transimex (chi tiết như file đính kèm).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/04/2023 tại đường dẫn: [www.transimex.com.vn](http://www.transimex.com.vn)

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

Báo cáo thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Transimex.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NCBTT (1)

**Người được ủy quyền công bố thông tin**



**Nguyễn Thị Thái Nhi**

# DRIVING EXCELLENCE



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
ANNUAL REPORT 2022

## NỘI DUNG

- 04 Sự kiện nổi bật năm 2022
- 06 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị
- 08 Thông tin chung
- 10 Lịch sử phát triển
- 12 Thành tích
- 14 Ngành nghề kinh doanh
- 15 Các rủi ro trong kinh doanh dịch vụ và các biện pháp giảm thiểu rủi ro
- 16 Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi
- 18 Công ty con, Công ty Liên doanh, Liên kết
- 20 Sơ đồ tổ chức
  
- 24 Tổ chức nhân sự
- 26 Hội đồng quản trị
- 28 Ban điều hành
- 29 Ban kiểm soát
  
- 32 Tình hình hoạt động
- 33 Tình hình tài chính
- 36 Báo cáo của Ban điều hành
- 41 Báo cáo của Hội đồng quản trị
- 48 Báo cáo của Ban kiểm soát
  
- 52 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 54 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 57 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 58 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 60 Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

## CONTENT

- 05 Key Events
- 10 Development Milestone
- 12 Achievements
- 14 Business Lines
- 15 Business Risk And Mitigation Strategy
- 16 Vision, Mission, Core Values
- 20 Organizational Structure
- 26 Board of Directors
- 28 Executive Board
- 29 Board of Supervisors
  
- 99 Chairman's Key Message
- 101 Report of The Executive Board on Business Performance in 2022 and Business Plan in 2023
- 105 Report of The BOD in 2021 and Operation Plan in 2022
- 112 Report of The Board of Supervisors in 2022
  
- 116 Independent Auditor's Report
- 118 Consolidated Balance Sheet
- 121 Consolidated Income Statement
- 122 Consolidated Cash Flow Statement
- 124 Notes To The Consolidated Financial Statement



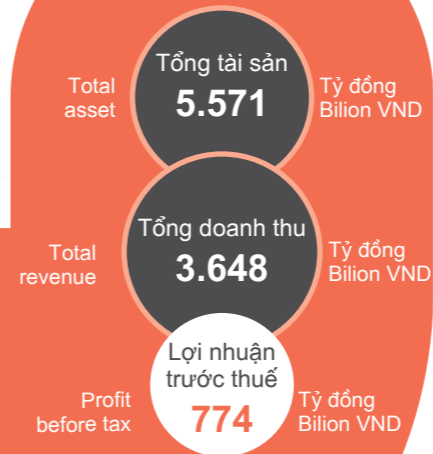
Tiếp tục xếp hạng TOP 50 Doanh nghiệp lớn Việt Nam (VNR500) năm 2022.

*Continue to be ranked as Top 500 largest Vietnamese enterprises in 2021 (VNR500).*



TOP 10 Công ty Vận tải và Logistics uy tín nhất Việt Nam năm 2021.

*Top 10 most prestigious Transport and Logistics companies in Vietnam in 2021.*



Thành lập Công ty Cổ phần Transimex Hi-Tech Logistics.

*Establishment of Transimex Hi-Tech Logistics Corporation.*

Thông qua Sơ đồ tổ chức mới của Công ty, xóa bỏ Phòng Logistics khỏi Sơ đồ tổ chức hiện tại

*Approved for the new corporate organization chart, dismissed the Logistics Department from the current organization chart.*

## CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT

## KEY EVENTS



Top 50 Doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2020 & 2021.

*Top 50 Most Effective Business Enterprises in Vietnam in 2020 & 2021.*



Transimex được vinh danh TOP 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2022.

*Ranked in the TOP 50 largest listed companies in Vietnam for the year of 2022.*

Thành lập Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Transimex Tại Vĩnh Long.

*Establishment of Representative Office of Transimex Corporation in Vĩnh Long.*

Chuyển nhượng 100% vốn góp trong Công ty TNHH ECPVN Bình Dương 1 cho đối tác.

*Transfer of 100% contributed capital in ECPVN Binh Duong 1 Company Limited to a partner.*

Trở thành công ty mẹ của Công ty Cổ phần Cảng Mippec.

*Becoming a parent company of Mippec Port Joint Stock Company.*

# THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ!

Lợi nhuận trước thuế  
hợp nhất 774 tỷ đồng

Tổng tài sản đạt  
5.571 tỷ đồng



Kính gửi: Quý Cổ đông, Đối tác, Khách hàng thân quý của Transimex,  
Cùng toàn thể đội ngũ Transimex thân mến,

Trên hành trình từng bước hiện thực hóa Tầm nhìn và Sứ mệnh của mình là trở thành doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics trọn gói hàng đầu Việt Nam, Transimex đã đạt được rất nhiều thành tựu quan trọng, đặc biệt, năm 2022, Transimex đạt được lợi nhuận trước thuế hợp nhất cao nhất trong 39 năm hoạt động của mình với 774 tỷ đồng, tổng tài sản tại ngày 31/12/2022 đạt 5.571 tỷ đồng và chính thức trở thành Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Cảng Mipec để sở hữu cảng biển đầu tiên trong hệ sinh thái Transimex.

Năm 2023 sẽ là một cột mốc đặc biệt của Công ty, bởi lẽ, năm 2023 đánh dấu trọn vẹn 40 năm hình thành và phát triển - gần 15.000 ngày không ngừng chuyển mình để tốt hơn mỗi ngày, hoàn thiện chuỗi dịch vụ, đem lại niềm tự hào cho chính từng thành viên trong tập đoàn Transimex. Bên cạnh các mục tiêu tăng trưởng về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận, Transimex đặt mục tiêu sở hữu những tàu biển và container đầu tiên mang tên Transimex trong năm 2023, góp phần hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ logistics tổng thể từ đường hàng không, đường bộ đến đường biển. Đây là cột mốc quan trọng đánh dấu bước chuyển mình mạnh mẽ của Transimex trong hành trình bền bỉ phục vụ khách hàng và giữ vững vị thế của một doanh nghiệp logistics hàng đầu Việt Nam cũng như đặt nền móng vững chắc cho những bước phát triển tiếp theo.

Trong những tháng đầu tiên của năm 2023 ý nghĩa này, tập thể Transimex tràn đầy hứng khởi trong hàng loạt hoạt động chào mừng sinh nhật tuổi 40 của mình - **40 năm không ngừng hướng đến sự xuất sắc**. Với Transimex, xuất sắc chưa phải là hoàn hảo. Nhưng nếu không xuất sắc sẽ không có hoàn hảo, nên nếu hoàn hảo là đích đến thì xuất sắc là từng điểm chạm trên hành trình. Đây cũng chính là thông điệp xuyên suốt trong chuỗi hoạt động kỷ niệm 40 năm thành lập, với hình ảnh của chiếc xe địa hình mạnh mẽ, cá tính, tiên phong, đại diện cho thương hiệu Transimex không ngừng vượt qua thách thức và tiến

về phía trước. Bằng bản lĩnh tiên phong, chiến lược đúng đắn, tầm nhìn rộng mở, cộng với sự đồng lòng của lãnh đạo và cán bộ nhân viên nhiều thế hệ, chiếc xe địa hình Transimex đang đi tới tuổi 40 năm 2023 với những thành quả và niềm tin tưởng lớn lao của Quý Cổ đông, Đối tác và Khách hàng dành cho Transimex. Thay mặt Hội đồng quản trị, chúng tôi xin chân thành cảm ơn niềm tin quý báu của Quý Cổ đông, Đối tác, Khách hàng! Đó chính là động lực thôi thúc Transimex từng ngày, để hôm nay, nhìn lại hành trình 40 năm qua, chúng tôi có thể tự hào về những chiến lược và hướng đi đúng đắn của Công ty, cùng sự kiên trì, bền bỉ, nỗ lực vượt qua rất nhiều thách thức trong suốt quá trình hình thành và phát triển.

Chúng tôi cũng xin chân thành cảm ơn Ban điều hành Transimex hiện tại cũng như Ban điều hành Transimex các thời kỳ, lãnh đạo các đơn vị thành viên cùng toàn thể cán bộ nhân viên đã cống hiến hết sức mình cho sự phát triển của Transimex. Sự cống hiến đó của tập thể chính là nguồn nhiên liệu vô hạn để chiếc xe địa hình Transimex của chúng ta luôn mạnh mẽ và vững vàng tiến về phía trước.

Một lần nữa, xin trân trọng cảm ơn và kính chúc Quý Cổ đông, Đối tác, Khách hàng và Tập thể Transimex luôn hạnh phúc, mạnh khỏe, thành công! Chúc Transimex tuổi 40 rực rỡ và hành trình đi đến tuổi 50-60-70 và nhiều hơn thế nữa luôn **không ngừng hướng đến sự xuất sắc!**

Trân trọng,

**BÙI TUẤN NGỌC**

**CHỦ TỊCH HĐQT**

## THÔNG TIN CHUNG

Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX**  
Tên tiếng Anh: **TRANSIMEX CORPORATION**  
Tên giao dịch: **TRANSIMEX**  
Mã chứng khoán: **TMS**

Địa chỉ trụ sở chính:  
**172 (lầu 9-10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam.**

Tel: **(84-28) 2220 2888 (16 lines)**  
Fax: **(84-28) 2220 2889**  
Email: **info@transimex.com.vn**  
Website: **www.transimex.com.vn**

Vốn điều lệ: **1.058.715.480.000 VNĐ**  
(Một nghìn không trăm năm mươi tám tỷ bảy trăm mười lăm triệu bốn trăm tám mươi ngàn Đồng Việt Nam)  
Số lượng cổ phiếu đã phát hành  
(đến 31/12/2022): **105.871.548 cổ phiếu**  
Ngân hàng: **Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Số tài khoản: **VND 007 100 000614 6**  
**USD 007 137 008267 1**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301874259 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp lần đầu ngày 03/12/1999 (được sửa đổi bổ sung tại từng thời điểm).



### CẢNG ICD TRANSIMEX

429/8 Đường Song Hành Hà Nội, Khu phố 7, Phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tel: (84-28) 3731 1528  
Fax: (84-28) 3731 3079  
Email: [icd.info@transimex.com.vn](mailto:icd.info@transimex.com.vn)

### TRUNG TÂM VẬN TẢI THỦY TRANSIMEX

429/8 Đường Song Hành Hà Nội, Khu phố 7, Phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tel: (84-28) 3731 0397  
Fax: (84-28) 3731 0406

### CÁC CHI NHÁNH

#### CHI NHÁNH TRANSIMEX TẠI HÀ NỘI

Tầng 9 - 10 - 11 Grand Building, số 30 - 32, phố Hòa Mã, Phường Phạm Đình Hổ, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Tel: (84-24) 3632 0241  
Fax: (84-24) 3632 0246  
Email: [tmsan.info@transimex.com.vn](mailto:tmsan.info@transimex.com.vn)

#### CHI NHÁNH TRANSIMEX TẠI HẢI PHÒNG

Phòng 414, Tòa nhà Thành Đạt 1, Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.

Tel: (84-225) 3757 068  
Fax: (84-225) 3757 099  
Email: [tmsph.info@transimex.com.vn](mailto:tmsph.info@transimex.com.vn)

#### CHI NHÁNH TRANSIMEX TẠI ĐÀ NẴNG

184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam.

Tel: (84-236) 356 1587  
(84-236) 356 1587  
Fax: (84-236) 356 1589  
Email: [tmsdn.info@transimex.com.vn](mailto:tmsdn.info@transimex.com.vn)

### VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

#### VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI ĐỒNG NAI

4D, Tổ 17B, Khu phố 2, Phường Bình Đa, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tel: (84-251) 629 3458  
Fax: (84-251) 629 3485  
Email: [dno.info@transimex.com.vn](mailto:dno.info@transimex.com.vn)

#### VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI BẾN TRE

Xã Quới Sơn, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam  
Tel: (84-275) 363 6679

Fax: (84-275) 363 6579  
Email: [tmsbt.info@transimex.com.vn](mailto:tmsbt.info@transimex.com.vn)

### VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI VĨNH LONG

Số A2-28, Khu Dân cư Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị Xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.

Tel: (84-28) 2220 2888  
Fax: (84-28) 2220 2889  
Email: [info@transimex.com.vn](mailto:info@transimex.com.vn)

### CÁC TRUNG TÂM LOGISTICS VÀ TRUNG TÂM PHÂN PHỐI

#### TRUNG TÂM LOGISTICS TRANSIMEX TẠI ĐÀ NẴNG

Lô C 2-9, Đường số 10, KCN Hòa Cẩm, Phường Hoà Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam.

Tel: (84-236) 379 8668  
(84-236) 379 8778  
Fax: (84-236) 378 5678  
Email: [logisticscenter\\_tmsdn@transimex.com.vn](mailto:logisticscenter_tmsdn@transimex.com.vn)

#### TRUNG TÂM LOGISTICS THĂNG LONG TẠI HƯNG YÊN

Xã Dị Sử, Huyện Mỹ Hòa, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Tel: (84-221) 3589 886  
Fax: (84-221) 3589 887  
Email: [info@tll.com.vn](mailto:info@tll.com.vn)  
Website: [www.tll.com.vn](http://www.tll.com.vn)

#### TRUNG TÂM LOGISTICS KHU CÔNG NGHỆ CAO

Lô BT, Đường D2, Khu Công Nghệ Cao TP. Hồ Chí Minh, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam.

Tel: (84-28) 3720 6666  
Fax: (84-28) 3720 6777  
Email: [tmssthp.info@transimex.com.vn](mailto:tmssthp.info@transimex.com.vn)

#### TRUNG TÂM PHÂN PHỐI TRANSIMEX TẠI BÌNH DƯƠNG

Đường Số 23, Khu Công Nghiệp Sóng Thần 2, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Tel: (84-274) 3794 676  
Fax: (84-274) 3794 678  
Email: [transimex-dc@transimex.com.vn](mailto:transimex-dc@transimex.com.vn)

#### TRUNG TÂM LOGISTICS VINATRANS ĐÀ NẴNG

Lô C2-9, Đường số 10, Khu Công Nghiệp Hòa Cẩm, Phường Hòa Thọ Tây, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng, Việt Nam.

Tel: (84-236) 3675 929  
Fax: (84-236) 3821 310  
Email: [infor@vinatransdn.com.vn](mailto:infor@vinatransdn.com.vn)  
Website: [www.vinatransdn.com](http://www.vinatransdn.com)

# LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

## DEVELOPMENT MILESTONE

### 1983

Thành lập Công ty Kho vận Giao nhận Ngoại thương, là tiền thân của Công ty Cổ phần Transimex ("Transimex"), trụ sở tại 172 Hai Bà Trưng, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM, Việt Nam.

*Establishment of the Transforwarding Warehousing Company, which was the precursor of the Transimex Corporation ("Transimex"), located at 172 Hai Ba Trung St., Dakao Ward, Dist.1, HCMC, Vietnam.*

### 1997

Thành lập Cảng ICD Transimex tại Phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

*Established Transimex ICD Port (Inland Clearance Depot) at Truong Tho Ward, Thu Duc City, HCMC, Vietnam.*

### 2000

T.01 Transimex chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần theo QĐ số 989/QĐ-TTg, ngày 26/10/1999 của Thủ Tướng Chính phủ

T.03 Thành lập Chi nhánh tại Đà Nẵng, Hà Nội và Hải Phòng.

T.08 Niêm yết 2.200.000 Cổ phiếu của Transimex (Mã CK: TMS) tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM.

*Jan. Transimex officially converted and operated as a joint stock company... In accordance with the Decision No. 989/QĐ-TTg, issued on November 26th by the Prime Minister*

*Mar. Established Da Nang Branch, Ha Noi Branch and Hai Phong Branch.*

*Aug. Listed 2,200,000 shares of Transimex (Code: TMS) at HOSE.*

### 2009

T.03 Thành lập Công ty TNHH MTV Vận tải Giao nhận Ngoại thương (TMS Trans).

T.04 Tòa nhà TMS BUILDING tại 172 Hai Bà Trưng, P. Đa Kao, Q.1, TP. HCM chính thức đi vào hoạt động.

*Mar. Established the Freight Forwarding and Foreign Trade Transportation Single member Limited Company (TMS Trans)*

*Apr. Operated TMS BUILDING located 172 Hai Ba Trung St., Da Kao Ward, Dist. 1, HCMC, Vietnam.*

### 2012

T.04 Ký kết "Thỏa thuận liên kết hợp tác kinh doanh - Hợp tác chiến lược" với Công ty CP Vinafreight.

T.11 Đổi tên Công ty thành Công ty Cổ Phần Transimex-Saigon.

*Apr. Signed "Strategic Business Cooperation Agreement" with Vinafreight Corporation.*

*Nov. Officially renamed as "Transimex-Saigon Joint Stock Company".*

### 2013

T.04 Khai trương Trung Tâm Phân Phối Transimex tại KCN Sóng Thần 2, Tỉnh Bình Dương.

T.08 Được chỉ định là Tổng Đại lý cho Hãng tàu Dongjin (Hàn Quốc) tại Việt Nam.

*Apr. Grand opening of the Transimex Distribution Center at Song Than 2 Industrial Zone, Binh Duong Province*

*Aug. Appointed as General Agent for Dongjin Shipping (Korea) in Vietnam.*

### 2015

Khai trương Trung tâm Logistics Transimex Đà Nẵng tại KCN Hòa Cầm, Đà Nẵng.

*Grand opening of the Da Nang Transimex Logistics Center at Hoa Cam Industrial Zone, Da Nang.*

### 2016

T.03 Trở thành cổ đông chiến lược của Cholimex (Mã CK: CLX)

Khai trương Trung Tâm Logistics Transimex Khu Công Nghệ Cao tại TP. HCM.

T.04 Đổi tên Công ty thành Công ty Cổ Phần Transimex.

*Mar. Became strategic shareholder of Cholimex (Code: CLX)*

*Grand opening the Transimex High-Tech Logistics Center at Saigon Hi-Tech Park HCMC*

*Apr. Renamed as "Transimex Corporation".*

### 2018

Thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long với 5 Cổ đông chính: Công ty Cổ phần Transimex,

Công ty Cổ phần Vinafreight, Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải và Ngoại thương, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu & Đầu tư Chợ Lớn và Công ty TNHH TM&VT Tuấn Mạnh.

T.10 Khai trương Trung tâm Logistics Thăng Long tại Hưng Yên.

*Established Thang Long Logistics Corporation with 5 Major Shareholders: Transimex Corporation, Vinafreight Corporation, VNT Logistics, Cholimex and Tuan Manh Trading and Transportation Co.,Ltd*

*Oct. Grand opening Thang Long Logistics Center in Hung Yen Province.*

### 2019

Hợp tác đầu tư xây dựng Cảng Mipec tại Hải Phòng. Cảng Mipec có quy mô 26ha, với 380m cầu cảng, 02 cần cầu Quay Crane chuyên dụng, 01 cần cầu Liebherr đa năng, 04 cần khung RTG. Công suất: có thể tiếp nhận 14 tàu container/tuần và xử lý 1 triệu TEU/năm.

T.12 Ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Transimex với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu & Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) và Công ty Cổ phần Vinafreight để thành lập Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc và đầu tư xây dựng Trung tâm Logistics Vĩnh Lộc. Dự án này được xây dựng trên diện tích 6 ha đất, bao gồm 70.000 m<sup>2</sup> kho tổng hợp và kho lạnh - mát, tương đương 130.000 vị trí pallets.

*Co-operating to invest into MIPEC Port in Hai Phong City. Port area 26ha, 02 berths with length of 380m, equipped 02 Container QC, 01 Liebherr Port Crane, 04 RTG. Capacity: 14 container vessels/Week, 1 Million TEU/Year.*

*Dec. Transimex Corporation signed co-operation agreement with Cholimex and Vinafreight to build Vinh Loc Logistics Center with an area of 6 ha, consisting of 70,000 Sqm general warehouse and cold storage equivalent to 130,000 pallet positions.*

### 2020

T.12 Thay đổi logo và hệ thống nhận diện thương hiệu mới với slogan: "Simply Better".

*Dec. Changed the Corporate new logo & brand identity system with slogan "Simply Better".*

### 2021

T.5 Ký kết "Thỏa thuận hợp tác chiến lược, liên kết hợp tác kinh doanh" với Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản.

T.7 Khai trương tàu Transimex 21 với trọng tải 3.780 tấn, sức chở 200 teus.

T.9 Thành lập Công ty TNHH MTV Đầu tư Long An.  
T.10 Thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Hưng Yên và Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Long An.  
T.11 Thành lập Công ty Cổ phần ICD Hưng Yên.  
T.12 Trở thành cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Cảng Mipec.

Khai trương Trung tâm Logistics Vinatrans Đà Nẵng.

*May. Signing ceremony "Agreement on strategic cooperation, association and business cooperation" with Special Aquatic Joint Stock Company.*

*Jul. Opening ceremony of the ship Transimex 21 with tonnage of 3,780 tons and capacity of 200 teus.*

*Sep. Establishment of Long An Investment Single-Member Limited Liability Company.*

*Oct. Establishment of Hung Yen Logistics Corporation and Long An Logistics Corporation.*

*Nov. Establishment of Hung Yen ICD Corporation.*

*Dec. Becoming a major shareholder of Mipec Port Joint Stock Company.*

*Opening Ceremony of Vinatrans Danang Logistics Center.*

### 2022

T.4 Thành lập Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Transimex Tại Vĩnh Long.

T.7 Thành lập Công ty Cổ phần Transimex Hi-Tech Logistics.

T.9 Thông qua Sơ đồ tổ chức mới của Công ty, xoá bỏ Phòng Logistics khỏi Sơ đồ tổ chức hiện tại.

T.10 Chuyển nhượng 100% vốn góp trong Công ty TNHH ECPVN Bình Dương 1 cho đối tác.

T.11 Trở thành công ty mẹ của Công ty Cổ phần Cảng Mipec.

*Apr. Establishment of Representative Office of Transimex Corporation in Vinh Long.*

*Jul. Establishment of Transimex Hi-Tech Logistics Corporation.*

*Sep. Approved for the new corporate organization chart, dismissed the Logistics Department from the current organization chart.*

*Oct. Transfer of 100% contributed capital in ECPVN Binh Duong 1 Company Limited to a partner.*

*Nov. Becoming a parent company of Mipec Port Joint Stock Company.*

# THÀNH TÍCH ACHIEVEMENTS



## 1990

Thành viên của Hiệp hội FIATA - Liên đoàn các Hiệp hội Giao nhận Vận tải Quốc tế.

*Member of the FIATA - International Federation of Freight Forwarders Association.*

## 2000

Thành viên của IATA – Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế.

*Member of the IATA – International Air Transport Association.*

## 2016

T.08 Transimex đạt Chứng nhận cam kết chất lượng đạt chuẩn ISO 9001-2015 do SGS cấp.

T.12 Transimex được xếp hạng TOP 500 Doanh nghiệp lớn Việt Nam năm 2016 (VNR500) do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report), kết hợp cùng Báo VietnamNet bình chọn.

*Aug. Received Certificate from SGS for ISO 9001-2015.*

*Dec. Ranked in the TOP 500 largest Vietnamese enterprises in 2016 (VNR500) by the Vietnam Report Joint Stock Company (Vietnam Report) in conjunction with VietnamNet Newspaper.*

## 1993

Thành viên của VCCI - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

*Member of the VCCI - Vietnam Chamber of Commerce Industry.*

## 2003

Đạt được Chứng nhận cam kết chất lượng đạt chuẩn ISO 9001-2000 do SGS cấp.

*Received Certificate from SGS for ISO 9001-2000*

## 2017

T.09 Transimex được vinh danh TOP 50 Công ty niêm yết lớn nhất Việt Nam 2017.

T.12 Transimex được xếp hạng TOP 500 Doanh nghiệp lớn Việt Nam năm 2017 (VNR500) do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report), kết hợp cùng Báo VietnamNet bình chọn.

*Sep. Ranked in the TOP 50 largest listed companies in Vietnam for the year of 2017.*

*Dec. Ranked in the TOP 500 largest Vietnamese enterprises in 2017 (VNR500) by the Vietnam Report Joint Stock Company (Vietnam Report) in conjunction with VietnamNet Newspaper.*

## 1994

Thành viên của VIFFAS - Hiệp hội Giao nhận Kho vận Việt Nam, nay là VLA - Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam.

*Member of the VLA - VietNam Logistics Association.*

## 2010

Đạt được Chứng nhận cam kết chất lượng đạt chuẩn ISO 9001-2008 do SGS cấp.

*Received Certificate from SGS for ISO 9001-2008*

## 2018

Xếp hạng TOP 500 Doanh nghiệp lớn Việt Nam (VNR500) năm 2018 và TOP 10 Doanh nghiệp Logistics uy tín nhất Việt Nam.

*Ranked as TOP 500 largest Vietnamese enterprises in 2018 (VNR500) and Top 10 most reputed Vietnamese Logistics companies.*

## 2019

Xếp hạng TOP 500 Doanh nghiệp lớn Việt Nam (VNR500) năm 2019 và TOP 10 Doanh nghiệp Logistics uy tín nhất Việt Nam.

Doanh nghiệp xuất sắc khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (APEA) năm 2019 do Enterprise Asia vinh danh và trao giải thưởng.

*Ranked as TOP 500 largest Vietnamese enterprises in 2019 (VNR500) and TOP 10 most reputed Vietnamese Logistics companies. Transimex Corporation has been received Asia Pacific Entrepreneurship Award 2019 (APEA 2019) awarded by Enterprise Asia.*

## 2020

Thành viên của Hiệp hội WCA - Hiệp Hội Hàng Hóa Toàn Cầu (World Cargo Alliance).

Xếp hạng TOP 500 Doanh nghiệp lớn Việt Nam (VNR500) năm 2020 và TOP 10 Doanh nghiệp Logistics uy tín nhất Việt Nam.

TOP 50 doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc thuộc bảng xếp hạng Fast 500 năm 2020.

TOP 100 doanh nghiệp bền vững của quốc gia năm 2020.

Doanh nghiệp thành phố Hồ Chí Minh tiêu biểu năm 2020.

*Member of the WCA - World Cargo Alliance.*

*Continue to be ranked as Top 500 largest Vietnamese enterprises in 2018 (VNR500) and Top 10 most reputed Vietnamese Logistics companies.*

*TOP 50 excellent growing enterprises in the Fast 500 list in 2020.*

*TOP 100 National Sustainable Enterprises in 2020.*

*Typical Ho Chi Minh City Enterprises in 2020.*

## 2021

Xếp hạng TOP 500 Doanh nghiệp lớn Việt Nam (VNR500) năm 2021.

Top 50 Doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2020 & 2021. TOP 10 Công ty Vận tải và Logistics uy tín nhất Việt Nam năm 2021.

*Continue to be ranked as Top 500 largest Vietnamese enterprises in 2021 (VNR500).*

*Top 50 Most Effective Business Enterprises in Vietnam in 2020 & 2021.*

*Top 10 most prestigious Transport and Logistics companies in Vietnam in 2021.*

## 2022

Transimex tiếp tục xếp hạng TOP 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2022 (VNR500).

Transimex tiếp tục duy trì vị trí thứ 4 trong TOP 10 Công ty Uy tín ngành Logistics năm 2022.

Transimex tiếp tục được vinh danh TOP 50 Công ty Kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2022.

Transimex được vinh danh TOP 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2022.

TOP 50 doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc thuộc bảng xếp hạng Fast 500 năm 2022.

*Continue to be ranked as TOP 500 largest Vietnamese enterprises in 2022 (VNR500).*

*Maintain the 4<sup>th</sup> position in the TOP 10 most Prestigious Logistics Companies in 2022.*

*Continue to be honored in the TOP 50 Most Effective Business Enterprises in Vietnam in 2022.*

*Ranked in the TOP 50 largest listed companies in Vietnam for the year of 2022.*

*TOP 50 excellent growing enterprises in the Fast 500 list in 2022.*



# NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

## BUSINESS LINES



### Các hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải.

Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Logistics; Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

### Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.  
Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.  
Vận tải hàng hóa hàng không.  
Dịch vụ đóng gói.  
Chuyển phát.

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Hoạt động kinh doanh bất động sản; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán mô tô, xe máy; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.

Sửa chữa máy móc, thiết bị.  
Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn.  
Sản xuất điện. Truyền tải và phân phối điện.  
Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.  
Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.

### The transportation support activities.

Details: Shipping agency/freight forwarding services; Logistics activities; Other transportation support activities.

### Warehousing & storage

Freight transport by road.  
Coastal and sea freight water transport.  
Freight air transport.  
Packaging services.  
Courier activities.

Trading of own or rented property and land use rights; Real Estate Activities; Real estate consultancy, brokerage and auctioning, land use right auctioning.

Wholesale of other machinery, equipment and related supplies; Wholesale of other household goods; Wholesale of agricultural and forest raw materials (except wood, cork and bamboo) and live animals; Wholesale of food; Other retail sale in non-specialized stores; Wholesale of fabrics, made-up textiles and footwear; Wholesale of construction materials and equipment; Sale of motorcycles; Other specialized wholesale not elsewhere classified.

Repair of machinery and equipment.  
Repair of prefabricated metal products.  
Electric power generation. Transmission and distribution of electric power.  
Processing and preserving of meat and meat products.  
Retail sale of pharmaceutical and medical equipment, cosmetics and hygiene products in specialized stores.

## CÁC RỦI RO TRONG KINH DOANH DỊCH VỤ VÀ CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU RỦI RO

### BUSINESS RISK AND MITIGATION STRATEGY

#### 1. Rủi ro về thị trường kinh doanh dịch vụ logistics

Thị trường dịch vụ logistics Việt Nam là thị trường đang tăng trưởng tuy nhiên vẫn tiềm ẩn những rủi ro nhất định như tình trạng tập trung độc quyền cung cấp dịch vụ logistics tại một số lĩnh vực ngành hàng, hoặc việc các doanh nghiệp logistics Việt Nam khó tiếp cận trực tiếp với các doanh nghiệp FDI.

#### 2. Rủi ro về tài chính:

Chênh lệch tỷ giá cũng như tình hình lãi suất cho vay cao là những rủi ro tiềm ẩn đáng cảnh báo, đây cũng là lý do các doanh nghiệp logistics nhỏ và vừa không mạnh dạn đầu tư vào cơ sở hạ tầng và góp phần làm giảm khả năng cạnh tranh của cộng đồng các doanh nghiệp logistics thuần Việt.

#### 3. Rủi ro về nguồn nhân lực:

Nguồn nhân lực đáp ứng cho ngành dịch vụ logistics đang thiếu hụt, do vẫn thiếu các cơ sở đào tạo chuyên nghiệp hoặc đào tạo không đủ cung cấp cho thị trường. Transimex hiện cũng đang rất cần những nhân sự quản lý, khai thác cấp cao.

#### 4. Những biện pháp giảm thiểu rủi ro

- Đầu tư thêm phương tiện và hạ tầng phục vụ logistics, mở rộng địa bàn đến những vùng trọng điểm trên cả nước nhằm đủ khả năng cung cấp tất cả các loại dịch vụ logistics cho khách hàng.
- Huy động nguồn lực tài chính từ các cổ đông, cũng như tạo sự đồng thuận trong các chủ trương đầu tư vào cơ sở vật chất phục vụ cho dịch vụ kinh doanh cốt lõi của Công ty là logistics.
- Tăng cường tự đào tạo nguồn nhân lực, kết hợp với thường xuyên gửi cán bộ/nhân viên đi đào tạo nghề logistics, bảo đảm nguồn nhân lực cho sự phát triển của công ty.

#### 1. Logistics services market risk

Vietnam logistics market is an emerging market but having got risky circumstance such as the situation of exclusively on providing logistics service for a certain industry or difficult to approach the FDI enterprises from the Vietnamese logistics enterprises.

#### 2. Risk on financial factors:

The ROE gap so far happening in Vietnam, as well as the high bank loan interest are also the alerted risk. These are also the reason that SME logistics are not willing to invest into logistics facilities and infrastructure, which partly made low competition capability of pure Vietnamese logistics enterprises.

#### 3. Risk on weak of human resources:

The human resource supply is weak in Vietnam logistics market, the reason is lack of training organization and/or not enough supply of man power. Transimex group is also looking for senior and skillful management staffs.

#### 4. Mitigation strategy of transimex group

- Invest into logistics facilities and infrastructure to covering all key regions of the nation in order to capable provide all kind of logistics services to customer.
- Mobilization all sources from major shareholders, as well as to make a higher agreement from all shareholders for all of projects which will be support to core business.
- Strengthening on in-house training together with vocational logistics training to ensure a capable human resources in order to meet the growth of group of companies.

# VISION

## TẦM NHÌN

Trở thành tập đoàn cung cấp dịch vụ Logistics tổng thể tốt nhất Việt Nam.

To become the best total logistics service provider in Vietnam.

# MISSION

## SỨ MỆNH

Luôn hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ, cung cấp giải pháp Logistics tổng thể với chất lượng tốt nhất cho khách hàng.

Always perfect the service supply chain and provide total logistics solutions with the best quality for customers.

# CORE

# VALUES

## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

**Chính trực:** Trung thực trong mọi hoạt động, minh bạch trong mỗi giao dịch.

**Tôn trọng:** Mỗi một thành viên trong tập thể Transimex đều hiểu rằng tôn trọng đồng nghiệp, tôn trọng Công ty, tôn trọng khách hàng và đối tác cũng chính là tôn trọng bản thân mình.

**Trách nhiệm:** Đề cao và duy trì tinh thần trách nhiệm trong từng hoạt động, với từng cá nhân để đạt được kết quả tốt nhất.

**Hợp tác:** Sẵn sàng hợp tác, sẻ chia với tinh thần đôi bên cùng có lợi.

**Tuân thủ:** Tuân thủ luật pháp, thực hành bộ quy tắc ứng xử và các quy chế, chính sách và quy định của Công ty.

**Integrity:** Honesty in every activity, transparency in every transaction.

**Respect:** Every member of Transimex understands that their respect for their colleagues, for the Corporation and for its customers and partners is also their respect for themselves.

**Responsibility:** A sense of responsibility must be enhanced and maintained in each activity by each staff member to achieve the best results.

**Cooperation:** Being ready for cooperation and sharing with the win-win spirit.

**Compliance:** Abiding by laws and practicing the Corporation's Code of Conduct and its other rules, policies and regulations.

# CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

## CÔNG TY CON

### CÔNG TY TNHH MTV TRANSIMEX HI TECH PARK LOGISTICS

Tên giao dịch: TRANSIMEX SHTP LOGISTICS  
**Đ/c:** Lô BT, đường D2, Khu Công nghệ cao TP. HCM, P. Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam.  
**Tel:** (84-28) 3720 6666  
**Fax:** (84-28) 3720 6777  
**Email:** tmshtp.info@transimex.com.vn  
Ngành nghề kinh doanh: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường biển, đường hàng không; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 99,39%.

### CÔNG TY TNHH MTV TRUNG TÂM PHÂN PHỐI TRANSIMEX

Tên giao dịch: TMS DC  
**Đ/c:** Đường số 23, Khu công nghiệp Sóng Thần 2, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.  
**Tel:** (84-274) 3794 676  
**Fax:** (84-274) 3794 678  
**Email:** transimex-dc@transimex.com.vn  
Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh dịch vụ kho phân phối hàng hóa; Dịch vụ bao bì, đóng gói, phân phối hàng hóa. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 100%.

### CÔNG TY TNHH MTV BẮT ĐỘNG SẢN TRANSIMEX

Tên giao dịch: TMS-PROPERTY  
**Đ/c:** 172 Hai Bà Trưng, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM, Việt Nam.  
**Tel:** (84-28) 2220 2882  
**Fax:** (84-28) 3827 5557  
**Email:** tmsbuilding@transimex.com.vn  
Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh bất động sản; Lưu giữ hàng hóa; Vệ sinh nhà cửa và các công trình; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; Cho thuê máy móc; Thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); Chuyển phát. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 100%.

### CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Tên giao dịch: TRANSIMEX LOGISTICS  
Mã chứng khoán: TOT  
**Đ/c:** Lô A1-A2-A7 Đường số 1, Khu Công nghiệp Bình Chiểu, P. Bình Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam.  
**Tel:** (84) 948 666 057  
**Fax:** (84-28) 3720 6816  
**Email:** tmstrans.info@transimex.com.vn  
Ngành nghề kinh doanh: Vận tải hàng hóa đường bộ; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Bốc xếp hàng hóa; Lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi); Dịch vụ đóng gói. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 75,48%.

### CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LOGISTICS THĂNG LONG

Tên giao dịch: TLL  
**Đ/c:** Xã Dĩ Sĩ, Huyện Mỹ Hòa, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.  
**Tel:** (84-221) 3589 886  
**Fax:** (84-221) 3589 887  
**Email:** info@tll.com.vn  
**Web:** www.tll.com.vn  
Ngành nghề kinh doanh: Trung tâm phân phối logistics, Kho bãi và Vận chuyển container. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 67,04%.

### CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Tên giao dịch: VINAFREIGHT  
Mã chứng khoán: VNF  
**Đ/c:** Lầu 1, Block C, Tòa nhà văn phòng Waseco, Số 10 Đường Phổ Quang, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam.  
Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ giao nhận hàng không, dịch vụ giao nhận đường biển, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ cho thuê kho bãi, dịch vụ giá trị gia tăng. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 57,05%

### CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG VÉC TƠ QUỐC TẾ

Tên giao dịch: VECTOR AVIATION CO., LTD  
**Đ/c:** 39B Trường Sơn, Lầu 11, Tòa nhà Hải

Âu, P. 4, Q. Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam.  
Vận tải hàng không; cho thuê kho bãi, văn phòng; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; vận tải hành khách đường bộ khác. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 51,34%.

### CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI CON ĐƯỜNG VIỆT

Tên giao dịch: VIET WAY INVESTMENT DEVELOPMENT TRADING CO., LTD  
**Đ/c:** A8 Trường Sơn, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam.  
Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ vận tải hàng hóa; Đại lý bán vé máy bay. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 26,18%.

### CÔNG TY TNHH HẬU CẦN TOÀN CẦU SFS VIỆT NAM

**Đ/c:** Lầu 1, Block C, Tòa nhà văn phòng Waseco, Số 10 Đường Phổ Quang, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam.  
Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 57,05%.

### CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VĨNH LỘC

Tên giao dịch: VINH LOC LOGISTICS  
**Đ/c:** Một phần Lô I.9, Đường số 5, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, TP. HCM, Việt Nam.  
Hoạt động chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng, kho bãi. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 59,51%.

### CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI MIỀN TRUNG

Tên giao dịch: VINATRANS ĐÀ NẴNG  
**Đ/c:** 184 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam.  
Hoạt động chính: Dịch vụ vận tải hàng hóa. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 38,40%

### CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ LONG AN

**Đ/c:** Một phần thửa đất số 9, 10 (Một phần thửa), Tờ bản đồ số 2, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.  
Hoạt động chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 99,39%

### CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LOGISTICS LONG AN

**Đ/c:** Một phần thửa đất số 9, 10 (Một phần thửa), tờ bản đồ số 2, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Việt Nam.  
Hoạt động chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 99%

### CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LOGISTICS HƯNG YÊN

**Đ/c:** Tổ dân phố Bưởi, xã Dĩ Sĩ, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.  
Hoạt động chính: Trung tâm phân phối logistics, Kho bãi và Vận chuyển container. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 99%

### CÔNG TY CỔ PHẦN ICD HƯNG YÊN

**Đ/c:** Tổ dân phố Bưởi, xã Dĩ Sĩ, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.  
Hoạt động chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Kho bãi và Vận chuyển container. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 99%

### CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX HI-TECH LOGISTICS

**Đ/c:** 172 Hai Bà Trưng, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM, Việt Nam.  
Hoạt động chính: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường biển, đường hàng không; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 99,39%.

### CÔNG TY TNHH LOGISTICS XUÊ HẰNG VIỆT NAM

**Đ/c:** Lầu 4, Tòa nhà Hải Âu, 39B Trường Sơn, P.4, Q. Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam.  
Hoạt động chính: Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Vận tải hàng hóa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bốc xếp hàng hóa; Hoạt động dịch vụ khác liên quan đến vận tải. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 29,09%.

## CÔNG TY LIÊN DOANH

### CÔNG TY TNHH NIPPON EXPRESS (VIỆT NAM)

Tên giao dịch: NIPPON EXPRESS (VIETNAM)  
**Đ/c:** 364 Cộng Hòa, Phòng 5.2&5.3, Tòa nhà Etown, P. 13, Q. Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam.

Hình thức liên doanh: Liên doanh giữa Công ty Cổ phần Transimex và Công ty Nippon Express Nhật Bản, trong đó Transimex chiếm 50% vốn điều lệ và Nippon Express chiếm 50%.  
Hoạt động chính: Dịch vụ giao nhận hàng hóa đường hàng không và đường biển, vận chuyển hàng hóa đường bộ, vận chuyển và lắp đặt máy móc, thiết bị nặng, dịch vụ kho bãi, làm thủ tục hải quan và các dịch vụ Logistics. Tỷ lệ Transimex sở hữu: 50%.

## CÔNG TY LIÊN KẾT

### CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Tên giao dịch: CHOLIMEX  
Mã chứng khoán: CLX  
**Đ/c:** 631-633 Nguyễn Trãi, P. 11, Q. 5, TP. HCM, Việt Nam.  
Hoạt động chính: Phát triển, mở rộng kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; Sản xuất chế biến và phân phối lương thực thực phẩm, hàng nông thủy hải sản xuất khẩu; Kinh doanh xuất nhập khẩu; Tổ chức mạng lưới phân phối sản phẩm trong và ngoài nước. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 30,11%.

### CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Tên giao dịch: VNT LOGISTICS JSC  
Mã chứng khoán: VNT  
**Đ/c:** Số 2 Bích Câu, P. Quốc Tử Giám, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam.  
Hoạt động chính: Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải quốc tế; giao nhận, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải; Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 33,87%.

### CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Tên giao dịch: TRANSCO  
Mã chứng khoán: TJC  
**Đ/c:** Tòa nhà Thành Đạt, số 3 Lê Thánh Tông, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.  
Hoạt động chính: Dịch vụ vận tải hàng hóa trong và ngoài nước; Dịch vụ đại lý, liên hiệp vận chuyển, giao nhận hàng hóa, môi giới và cung ứng tàu biển. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 49,51%.

### CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG MIPEC

Tên giao dịch: MPC

**Đ/c:** Bán đảo Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam.

Hoạt động chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 38,34%.

### CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN KHU CÔNG NGHIỆP VĨNH LỘC

Tên giao dịch: VLIPP JSC  
**Đ/c:** Quốc lộ 1, Ấp Voi Lúa, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.  
Hoạt động chính: Truyền tải, phân phối và mua bán điện.  
Vốn điều lệ thực góp: 30.000.000.000 đồng.  
Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 20,00%

### CÔNG TY TNHH VẬN TẢI CONTAINER HẢI AN

Tên giao dịch: HACT, LTD  
**Đ/c:** Tầng 5, Tòa nhà Hải An, Km 2 Đường Đình Vũ, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam.  
Hoạt động chính: Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 20,00%

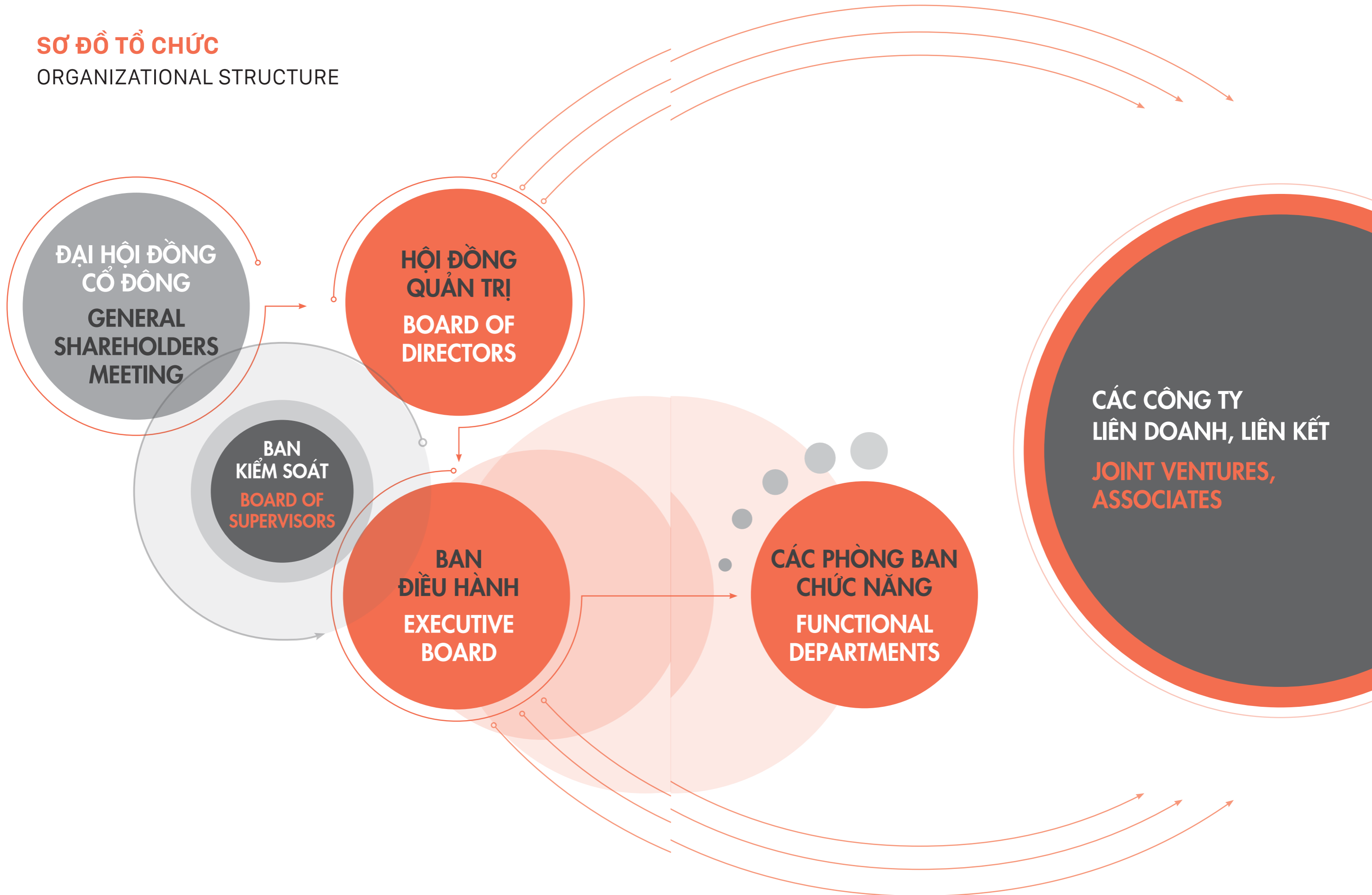
### CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN

Tên giao dịch: SEASPIMEX  
**Đ/c:** 51/14 Hòa Bình, P. Tân Thới Hòa, Q. Tân Phú, TP. HCM, Việt Nam.  
Hoạt động chính: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 20,04%



# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

## ORGANIZATIONAL STRUCTURE



# TỔ CHỨC NHÂN SỰ



## TỔ CHỨC NHÂN SỰ



Số lượng nhân viên của tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.295 người. Tại Transimex, con người được xem là tài sản lớn nhất và nguồn lực quan trọng của Công ty. Transimex đã xây dựng được đội ngũ nhân viên với nhiều năm kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn, có quyết tâm phát triển nghề nghiệp, có tinh thần trách nhiệm, tinh thần kỷ luật cao và luôn chủ động trong công việc. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo nhạy bén, có

khả năng và kinh nghiệm quản trị doanh nghiệp.

Những thành viên đó đã hợp thành một đội ngũ mạnh cùng chung mục tiêu nâng cao vị thế của Công ty thành một Công ty logistics hàng đầu của Việt Nam. Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Lê Duy Hiệp	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Bích Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Vũ Chinh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Charvanin Bunditkitsada	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Toshiyuki Matsuda	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Masafumi Inoue	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022

### BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Kim Hậu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018

### BAN ĐIỀU HÀNH

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Duy Hiệp	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2018
Ông Nguyễn Chí Đức	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2013
Ông Lê Phúc Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm 19 tháng 3 năm 2021
Ông Tôn Thất Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Bảo Trung	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 13 tháng 02 năm 2023
Ông Nguyễn Hoàng Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 03 năm 2023

### CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tại Transimex, phát triển sự nghiệp và kỹ năng của nhân viên là một yếu tố quan trọng để thành công trong tương lai. Trên cơ sở niềm tin này, Transimex hiện đang triển khai các chương trình nhằm hỗ trợ nhân viên phát triển tối đa năng lực của họ.

#### Môi trường làm việc lý tưởng

Transimex không ngừng nuôi dưỡng và phát triển tài sản quan trọng nhất của Công ty bằng cách duy trì đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, tận tâm, có trình độ chuyên môn cao để đáp ứng được mọi thách thức trong nền kinh tế thị trường. Chúng tôi đề cao giá trị của nhân viên bằng việc cung cấp cho họ sự nghiệp vững chắc, môi trường làm việc với điều kiện tốt, tạo tâm lý thoải mái cho nhân viên khi làm việc tại Công ty và khuyến khích nhân viên cân bằng giữa cuộc sống và công việc. Bên cạnh đó chúng tôi chú trọng xây dựng tinh thần đồng đội và tăng cường mối quan hệ giữa các đồng nghiệp thông qua các hoạt động nhóm.

#### Đào tạo và phát triển nhân viên

Chúng tôi tôn trọng và hỗ trợ nhân viên có tinh thần cầu tiến, tích cực học hỏi để bổ sung thêm kiến thức, khuyến khích và cởi mở với những ý tưởng mới, đồng thời, chia sẻ niềm đam mê công việc và thành công của họ.

Chúng tôi luôn đẩy mạnh công tác phát triển nguồn nhân lực, phát triển đội ngũ nhân sự kế thừa. Thực hiện nâng

cao chất lượng nguồn nhân lực bằng các chương trình đào tạo tại chỗ và đào tạo bên ngoài, luôn coi trọng công tác quản trị nguồn nhân lực, hoàn thiện các chính sách tuyển dụng, đào tạo, đãi ngộ, gắn quyền lợi đi đôi với trách nhiệm nhằm mang lại hiệu quả cao nhất trong công việc.

Đồng thời, chúng tôi luôn tạo điều kiện thuận lợi cho nhân viên phát huy tính sáng tạo, chủ động trong công việc cũng như nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

#### Đảm bảo an toàn lao động và phúc lợi cho toàn thể nhân viên

Sức khỏe và sự an toàn của nhân viên là ưu tiên hàng đầu đối với chúng tôi. Chúng tôi hiểu rằng khi sức khỏe thể chất và tinh thần của nhân viên được đảm bảo thì hiệu quả công việc sẽ được nâng cao. Vì thế, Transimex luôn đảm bảo công tác an toàn lao động tại nơi làm việc.

Chúng tôi cũng thường xuyên tổ chức các chương trình tập huấn an toàn lao động và hướng dẫn, tổ chức các hoạt động thể thao giúp nhân viên duy trì một lối sống lành mạnh.

Bên cạnh đó, hàng năm, chúng tôi định kỳ thực hiện các chương trình kiểm tra sức khỏe, du lịch nhằm đảm bảo phúc lợi cho nhân viên. Chúng tôi hiểu rằng trong khi công việc là một khía cạnh quan trọng trong cuộc sống của nhân viên, thì sức khỏe của họ nên được ưu tiên trước nhất.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**BOARD OF DIRECTORS**



Ông/Mr. **BUI TUAN NGOC**  
Chủ tịch Hội đồng Quản Trị  
Quốc tịch: Việt Nam

**Chairman**  
Nationality: Vietnamese



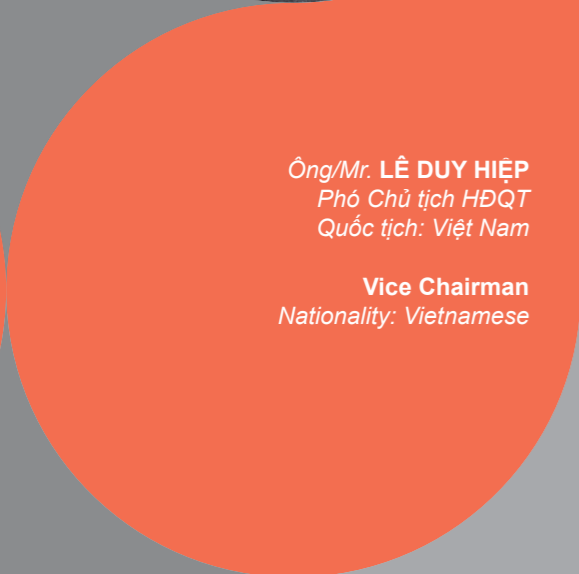
Ông/Mr. **NGUYEN BICH LÂN**  
Thành viên HĐQT  
Quốc tịch: Việt Nam

**Member**  
Nationality: Vietnamese



Ông/Mr. **VU CHINH**  
Thành viên HĐQT  
Quốc tịch: Việt Nam

**Member**  
Nationality: Vietnamese



Ông/Mr. **LE DUY HIỆP**  
Phó Chủ tịch HĐQT  
Quốc tịch: Việt Nam

**Vice Chairman**  
Nationality: Vietnamese



Ông/Mr. **TOSHIYUKI MATSUDA**  
Thành viên HĐQT  
Quốc tịch: Nhật bản

**Member**  
Nationality: Japanese



Ông/Mr.  
**CHARVANIN BUNDITKITSADA**  
Thành viên HĐQT  
Quốc tịch: Thái Lan

**Member**  
Nationality: Thai



Ông/Mr. **BUI MINH TUÂN**  
Thành viên HĐQT  
Quốc tịch: Úc

**Member**  
Nationality: Australian



## BAN ĐIỀU HÀNH EXECUTIVE BOARD

Ông/Mr. **LÊ DUY HIỆP**

*Tổng Giám Đốc  
Quốc tịch: Việt Nam*

**General Director / CEO**  
*Nationality: Vietnamese*



Ông/Mr. **LÊ PHÚC TÙNG**

*Phó Tổng Giám Đốc  
Quốc tịch: Việt Nam*

**Deputy General Director**  
*Nationality: Vietnamese*



Ông/Mr. **NGUYỄN CHÍ ĐỨC**

*Phó Tổng Giám Đốc  
Quốc tịch: Việt Nam*

**Deputy General Director**  
*Nationality: Vietnamese*



Ông/Mr. **TÔN THẮT HƯNG**  
*Phó Tổng Giám Đốc  
Quốc tịch: Việt Nam*

**Deputy General Director**  
*Nationality: Vietnamese*



## BAN KIỂM SOÁT BOARD OF SUPERVISORS



Bà/Ms. **LÊ THỊ NGỌC ANH**

*Trưởng ban Ban Kiểm Soát  
Quốc tịch: Việt Nam*

**Chief of the Board of Supervisors**  
*Nationality: Vietnamese*



Bà/Ms. **NGUYỄN KIM HẬU**

*Thành viên Ban Kiểm Soát  
Quốc tịch: Việt Nam*

**Member of the Board of Supervisors**  
*Nationality: Vietnamese*



Bà/Ms. **PHAN PHƯƠNG TUYỀN**

*Thành viên Ban Kiểm Soát  
Quốc tịch: Việt Nam*

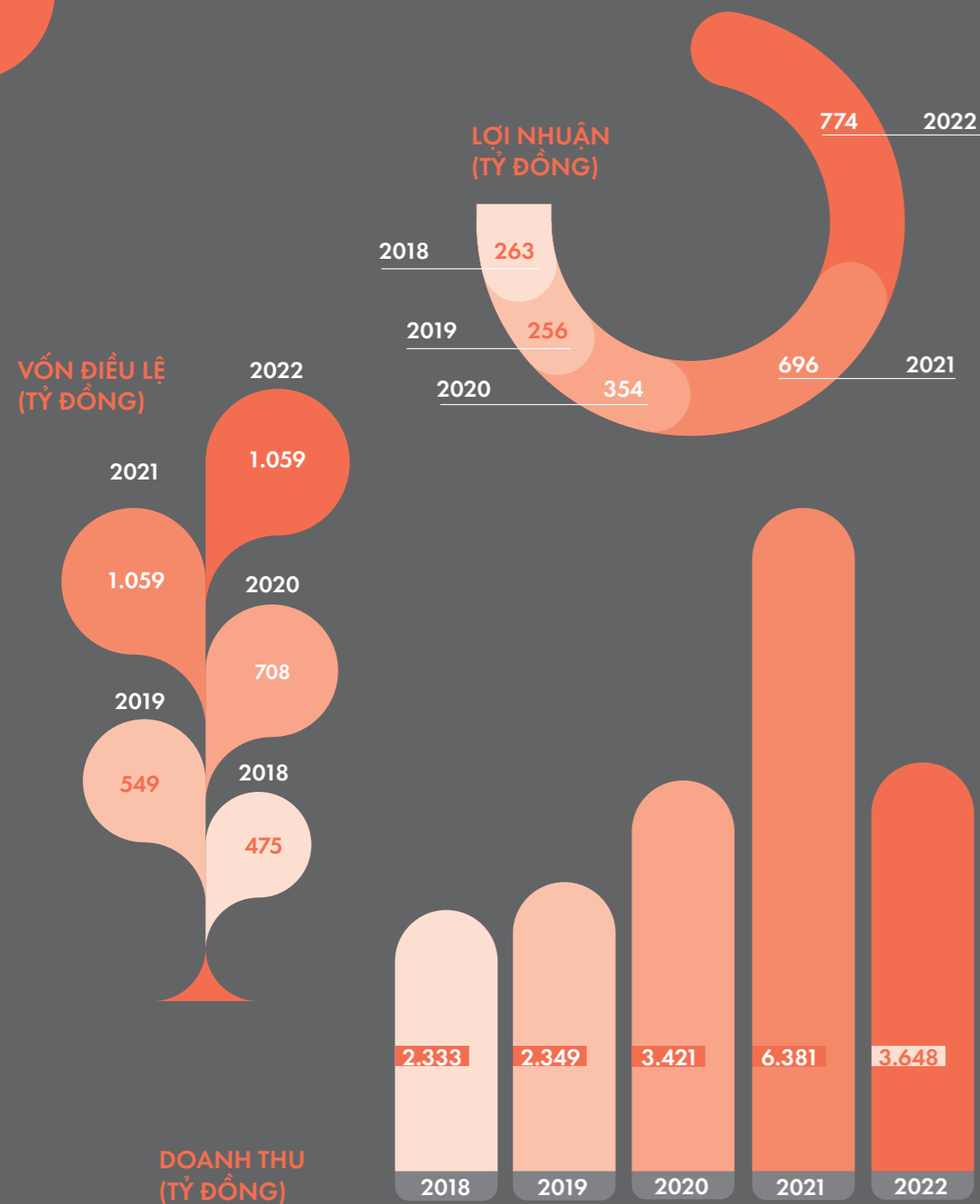
**Member of the Board of Supervisors**  
*Nationality: Vietnamese*



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN NĂM 2022

### I. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

#### 1 Các khoản đầu tư dự án:

Danh mục	Số tiền (VND)
Công ty Cổ phần Transimex Hi-Tech Logistics	570.500.000.000
Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc	23.140.000.000

#### 2 Các khoản đầu tư tài chính:

Danh mục	Số tiền (VND)
Công ty Cổ phần Cảng Mipec	120.796.850.000
Công ty Cổ phần Vinafreight	12.554.320.075
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại	27.667.143.442
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương	21.713.851.995
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	19.460.532.825
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	110.270.879.236
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	19.316.992.090

#### 3 Các khoản đầu tư sử dụng nguồn vốn từ Trái phiếu Công ty Cổ phần Transimex 2021 (TMSL1922001)

Nội dung	Tổng số tiền đã giải ngân đến cuối kỳ báo cáo (VND)
Đầu tư Tài sản cố định để phát triển các hoạt động và các trung tâm logistics	167.000.000.000
Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh vận tải và kho bãi	120.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>287.000.000.000</b>

#### 4 Các khoản đầu tư sử dụng nguồn vốn từ phát hành cổ phiếu riêng lẻ năm 2021

Nội dung	Tổng số tiền đã giải ngân đến cuối kỳ báo cáo (VND)
Thanh toán một phần gốc trái phiếu Công ty cổ phần Transimex 2019	120.000.000.000
Thực hiện dự án đầu tư cảng cạn Transimex tại huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	0
Đầu tư nâng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại công ty liên kết và công ty ngành logistics khác thông qua việc mua thêm cổ phiếu các công ty này trên sàn giao dịch chứng khoán, cụ thể:	60.000.000.000
Đầu tư tài sản cố định	25.600.000.000
Bổ sung vốn lưu động	117.800.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>323.400.000.000</b>

Số tiền dự kiến giải ngân cho dự án đầu tư cảng cạn Transimex tại huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên là 153 tỷ đồng. Dự án hiện vẫn đang hoàn thiện thủ tục xin chủ trương đầu tư và lập qui hoạch 1/500. Trước đó, dự án cảng cạn Transimex đã được UBND tỉnh đồng ý chủ trương tiếp nhận và đề xuất bổ sung vào quy hoạch cảng cạn trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.

## II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### 1 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	5.734.083.964.756	5.570.603.363.655	-2,9%
Doanh thu thuần	6.381.265.627.918	3.648.087.847.709	-42,8%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	692.023.899.525	771.581.018.436	11,5%
Lợi nhuận khác	3.827.300.980	2.648.694.253	-30,8%
Lợi nhuận trước thuế	695.851.200.505	774.229.712.689	11,3%
Lợi nhuận sau thuế	620.899.931.038	682.314.631.810	9,9%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	25,6%		

### 2 CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,48	2,03	
+ Hệ số thanh toán nhanh	1,47	2,01	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,39	0,26	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,64	0,34	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	751,49	241,80	
+ Vòng quay tổng tài sản	1,32	0,65	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,10	0,19	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,18	0,16	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,11	0,12	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,11	0,21	

## III. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU NĂM 2022

### 1 CỔ PHẦN

Chỉ tiêu	Số cổ phần
Tổng số cổ phần	105.871.548
Loại cổ phần:	
Chuyển nhượng tự do	93.653.153
Hạn chế chuyển nhượng	12.218.395

### 2 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

#### 1. Cơ cấu cổ đông phân theo tiêu chí cổ đông lớn/cổ đông nhỏ

Đối tượng	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông lớn	95.018.825	89,75%
Cổ đông nhỏ	10.852.723	10,25%

#### 2. Cơ cấu cổ đông phân theo tiêu chí cổ đông tổ chức/cổ đông cá nhân

Đối tượng	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông tổ chức	84.543.583	79,85%
Cổ đông cá nhân	21.327.965	20,15%

#### 3. Cơ cấu cổ đông phân theo tiêu chí cổ đông trong nước/cổ đông nước ngoài

Đối tượng	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông trong nước	59.574.050	56,27%
Cổ đông nước ngoài	46.297.498	43,73%

#### 4. Cơ cấu cổ đông phân theo tiêu chí cổ đông nhà nước/cổ đông khác

Đối tượng	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông nhà nước	3.307.038	3,12%
Cổ đông khác	102.564.510	96,88%

### 3 TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2022, Công ty không có đợt tăng vốn cổ phần.

### 4 GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 11.619 cổ phiếu

Các giao dịch cổ phiếu quỹ được thực hiện trong năm: không có

### 5 CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC:

Công ty chưa thực hiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2022 theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ. ĐHĐCĐ-TMS ngày 28/04/2022, do chưa đáp ứng điều kiện về nguồn vốn phát hành cổ phiếu trả cổ tức theo ý kiến của UBCKNN.

# BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023

### I. KẾT QUẢ KINH DOANH DỊCH VỤ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2022

#### 1 Kết quả kinh doanh năm tài chính 2022 (Hợp nhất):

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Khoản mục	Thực hiện 2021	Năm 2022		% thực hiện 2022 so với	
			Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022
1	Doanh thu hợp nhất	6.381.266	3.455.210	3.648.088	57,2%	105,6%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất (LNTT)	695.851	497.842	774.230	111,3%	155,5%
3	Tỷ trọng LNTT/Tổng doanh thu	10,9%	14,4%	21,2%	194,6%	147,3%
4	Cổ tức (tiền mặt và/hoặc cổ phiếu)	15%	20%	-		

#### 2 Đánh giá kết quả thực hiện kinh doanh dịch vụ của Công ty:

- **Doanh thu hợp nhất năm 2022 đạt 3.648 tỷ đồng**
- **Lợi nhuận trước thuế (LNTT) hợp nhất năm 2022 đạt 774 tỷ đồng.**
- Sản lượng các mảng hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty năm 2022 tăng trưởng so với năm 2021 như sau:
  - Sản lượng thông qua hệ thống kho của toàn Công ty đạt **2.030.997 tấn** hàng hóa, tăng 14% so với năm 2021. Trong đó: Kho lạnh đạt 264.384 tấn (tăng 13,4%); Kho CFS đạt 458.956 tấn (tăng 92,0%), Kho tổng hợp đạt 1.307.657 tấn (tương đương năm 2021)
  - Sản lượng thông qua cảng ICD Transimex đạt **277.652 teu** (bằng 75,6% năm 2021)
  - Sản lượng vận chuyển container đường thủy đạt **232.795 teu** (bằng 91,4% năm 2021), vận chuyển container đường bộ đạt 37.488 Teu (tăng 16,5%)
  - Sản lượng vận chuyển hàng bách hóa đạt **36.386 chuyến** (tăng 33,3%). Sản lượng thực hiện dịch vụ logistics đạt **28.935 teu** hàng nhập xuất đường biển (tăng 32,9%) và 1.691 tấn hàng nhập xuất đường hàng không (bằng 77,6% so với năm 2021)
  - Sản lượng thực hiện dịch vụ đại lý giao nhận quốc tế đạt **17.655 teus hàng FCL, 3.138 CBM hàng LCL và 524 tấn hàng nhập xuất** đường hàng không, trong đó hàng FCL tăng 29,9% so với năm 2021.
  - Sản lượng thực hiện dịch vụ logistics cho hàng siêu trường siêu trọng đạt **5.000 tấn**.

- Dịch vụ đại lý vận chuyển Container Quốc tế (Hãng tàu Dongjin): Transimex đã thu xếp cho **914 chuyến tàu** có hàng của Hãng tàu Dongjin cập và rời cảng Việt Nam an toàn. Transimex đã thực hiện dịch vụ vận chuyển quốc tế từ Cảng đến Cảng với tổng sản lượng **68.400 teu**.

### 3 Những kết quả đạt được trong công tác quản trị, chính sách đãi ngộ, đào tạo và bảo vệ môi trường - phát triển Logistics xanh:

- Tiếp tục hoàn thiện về cơ cấu tổ chức tại tất cả các đơn vị trực thuộc; tổ chức tái cấu trúc phù hợp hơn nhằm chuẩn bị tiến đến thực hiện quản trị theo mô hình tập đoàn. Trong năm 2022, Công ty đã tiến hành sáp nhập hoạt động dịch vụ Logistics của Công ty mẹ vào Công ty Cổ phần Vận tải Transimex (Công ty con) nhằm gia tăng hiệu quả của việc quản trị Công ty cũng như hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ Logistics nói chung của toàn tập đoàn.
- Đã thành lập Văn phòng Hội đồng quản trị để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ đã được Hội đồng quản trị thông qua, cụ thể, các công việc liên quan đến phụ trách quản trị công ty, pháp chế, kiểm soát nội bộ tính tuân thủ, quản trị rủi ro và thư ký thuộc Hội đồng quản trị; đáp ứng yêu cầu về nâng cao công tác quản trị, tăng cường tính tuân thủ trong toàn hệ thống Công ty.
- Tiếp tục tăng cường và triển khai việc áp dụng công nghệ thông tin trong quản trị Logistics, quản trị công ty và số hóa công tác điều hành khai thác dịch vụ.
- Từng bước kiện toàn cơ cấu tổ chức Phòng Sales & Marketing và đã mang lại nhiều hiệu quả, nhiều hợp đồng lớn với khách hàng mới đã được ký kết trong năm 2022.
- Tiếp tục thực hiện việc quản lý theo ngành dọc của Công ty mẹ đối với các Công ty thành viên nhằm tăng cường công tác quản trị tập trung.
- Chính sách thưởng, phúc lợi, đãi ngộ luôn được chú trọng với nhiều hình thức:
  - Chính sách thưởng theo hiệu quả công việc, theo kết quả kinh doanh được áp dụng một cách công khai và công bằng cho tất cả người lao động.
  - Thưởng đột xuất và khen thưởng hàng năm cho các cán bộ nhân viên có thành tích xuất sắc.
  - Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ nhân viên và nâng cấp gói khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ cán bộ quản lý lên mức cao cấp nhất (chuẩn quốc tế).
  - Tổ chức các chuyến nghỉ mát hàng năm cho tất cả cán bộ nhân viên, đồng thời, cán bộ quản lý của Công ty được tham gia thêm chuyến du lịch các nước tại Châu Âu nhằm mở mang kiến thức và văn hóa của các nước trên thế giới.
  - Tặng quà và tổ chức các chương trình chào mừng các ngày lễ 8/3, 20/10 cho các lao động nữ trong toàn Công ty.
  - Các chính sách hiếu hỉ, hỗ trợ người lao động khác được thực hiện theo thỏa ước lao động tập thể của Công ty.
- Về phát triển Logistics Xanh, trong toàn hệ thống Transimex đã đầu tư hệ thống điện sử dụng năng lượng mặt trời tại Công ty TNHH Một thành viên Transimex Hi Tech Parks Logistics, Cảng ICD Transimex, Trung tâm Logistics Vinatrans Đà Nẵng, Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long, hiện các hệ thống này đang phát điện tốt và tiết kiệm được chi phí điện lưới đáng kể. Tiếp tục nghiên cứu các vị trí có thể lắp đặt điện mặt trời áp mái cho các dự án đang triển khai.

### 4 Công tác quảng bá thương hiệu:

- Các công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu Công ty tiếp tục được duy trì và dịch vụ của Công ty ngày càng được các khách hàng biết đến nhiều hơn.
- Tăng khả năng nhận diện và độ phủ sóng của thương hiệu, đồng thời, tìm kiếm khách hàng thông qua các hình thức marketing offline cũng như online như PR trực tuyến thông qua website Công ty, thông qua mạng xã hội như Google Adword, Facebooks Ads, LinkedIn,...

### 5 Hoạt động đoàn thể và trách nhiệm xã hội:

- Tổ chức các hoạt động thể thao như đá bóng, quần vợt... nhằm tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên luyện tập thể thao, thi đấu giao lưu giữa các phòng ban và các đơn vị thành viên trong Công ty và các Công ty liên kết. Đồng thời, cán bộ nhân viên Công ty cũng luôn tích cực tham gia phong trào thể thao do các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết tổ chức.
- Công ty đang triển khai các chương trình và hoạt động kỷ niệm 40 năm thành lập (1983-2023), vào ngày 18/2/2023, đã tổ chức thành công sự kiện chạy bộ Fun-Run với sự tham gia của các đối tác, khách hàng và hơn 400 cán bộ nhân viên trong toàn tập đoàn.
- Công ty luôn quan tâm cải thiện chất lượng cuộc sống cho người lao động, bảo vệ môi trường, an toàn lao động và đạo đức kinh doanh.
- Sự phát triển của Công ty đã góp phần vào sự phát triển kinh tế bền vững của ngành Logistics, của đất nước.
- Công ty luôn chú trọng trách nhiệm xã hội và cộng đồng, coi trọng việc quan tâm đóng góp cho xã hội, công tác thiện nguyện. Cụ thể là Công ty và Công đoàn Công ty đã thực hiện các chuyến từ thiện giúp đỡ các trẻ em nghèo hiếu học ở các vùng sâu, vùng xa và xây dựng nhà tình nghĩa cho các hộ nghèo tại các Tỉnh miền Tây Nam Bộ và tham gia chương trình hiến máu nhân đạo do Hiệp hội VLA tổ chức.

## II. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2023

		ĐVT: Triệu đồng
STT	Khoản mục	Số tiền
1	Doanh thu thuần hợp nhất	2.521.420
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất (LNTT)	317.050
3	Tỷ trọng LNTT/Tổng doanh thu	12,57%
4	Cổ tức năm 2023 (tiền mặt và/hoặc cổ phiếu)	20%

## III. CÁC BIỆN PHÁP, CHIẾN LƯỢC KINH DOANH NĂM 2023

Công ty tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển bền vững và tập trung vào ngành nghề cốt lõi thông qua việc thực hiện các chiến lược tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng Logistics phủ khắp các vùng kinh tế trọng điểm nhằm đa dạng chuỗi cung ứng dịch vụ Logistics và nâng cao thị phần của Công ty trong ngành logistics.

Các mục tiêu và kế hoạch chủ yếu sẽ thực hiện trong năm 2023 là:

- Giữ vững vị trí là TOP 10 các Công ty uy tín ngành Vận tải và Logistics, TOP 500 Doanh nghiệp lớn Việt Nam và các danh hiệu cao quý khác.
- Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc và hoàn thiện quản trị theo mô hình tập đoàn. Đẩy mạnh phát triển toàn diện cả về hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như công tác quản trị nội bộ. Tham gia góp vốn thành lập pháp nhân để vận hành và khai thác Cảng ICD Transimex.
- Tiếp tục hợp tác và phối hợp có hiệu quả với các Công ty thành viên trong tập đoàn nhằm hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ Logistics tổng thể nói chung.
- Tham gia đấu thầu thành công những dự án cung cấp dịch vụ Logistics tổng thể có quy mô lớn cho những khách hàng lớn toàn cầu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của các Công ty trong tập đoàn.

- Nâng cao hiệu quả loại hình cung cấp dịch vụ Logistics theo hợp đồng cho những khách hàng có sản lượng lớn, đa dạng; mở rộng trên phạm vi cả nước về độ phủ cung cấp dịch vụ Logistics nói chung.
- Tập trung phát triển kinh doanh và tái cơ cấu cả về dịch vụ - tổ chức nhân sự tại các công ty mà Transimex đang là cổ đông chi phối tại khu vực miền Bắc. Tiếp tục đẩy mạnh và phát triển hoạt động kinh doanh cảng biển tại Công ty Cổ phần Cảng Mipec. Từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức, quản lý nhân sự, xây dựng kế hoạch, chiến lược kinh doanh, đầu tư mua sắm tàu để phục vụ cho hoạt động kinh doanh nhằm khai thác tối ưu các lợi thế của Cảng Mipec và đưa Công ty Cổ phần Cảng Mipec phát triển tương xứng với tiềm năng của Cảng.
- Cùng với các đối tác đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án Trung tâm Logistics Vĩnh Lộc.
- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh tại Trung tâm Logistics Transimex Đà Nẵng, Trung tâm Logistics Vinatrans Danang, Trung tâm Logistics tại Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm Logistics Thăng Long tại Hưng Yên, phát triển các loại hình dịch vụ mới, mặt hàng mới nhằm bổ sung, đa dạng hóa chuỗi cung ứng dịch vụ.
- Chuẩn bị kế hoạch khai thác Trung tâm Logistics tại Bến Lức, Long An sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng.
- Triển khai thực hiện đầu tư giai đoạn 2 của Trung tâm Logistics Thăng Long.
- Thực hiện các phương án và theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong việc thoái vốn khoản đầu tư khỏi Công ty liên doanh TNHH Nippon Express (Việt Nam).
- Sử dụng có hiệu quả các công trình hệ thống điện năng lượng mặt trời tại Trung tâm Logistics Khu công nghệ cao, Cảng ICD Transimex, Trung tâm Logistics Thăng Long, Trung tâm Logistics Vinatrans Danang và tiếp tục nghiên cứu áp dụng tại các Trung tâm Logistics khác trong tập đoàn nhằm tăng cường sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, góp phần bảo vệ môi trường.
- Tiếp tục thực hiện công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực mang tính lâu dài, luôn xem con người là yếu tố quan trọng bậc nhất trong phát triển doanh nghiệp. Có kế hoạch cụ thể về tổ chức mô hình đào tạo cập nhật về nghiệp vụ chuyên môn tại doanh nghiệp và gửi đi đào tạo tại các cơ sở đào tạo có uy tín. Tổ chức thường xuyên, có chọn lọc về chủ đề nghiệp vụ thông qua hình thức hội thảo trong nội bộ tập đoàn về trao đổi nghiệp vụ, nâng cao năng suất lao động chung trong cả tập đoàn, tạo ra một tiêu chuẩn về dịch vụ tiên tiến mang thương hiệu TRANSIMEX.
- Tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường tự động hóa trong hoạt động lưu trữ /phân phối hàng hóa nhằm đem lại hiệu quả hoạt động tốt hơn cho Công ty.
- Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty nhằm đánh dấu cột mốc 40 năm hình thành và phát triển bền vững của Công ty, tri ân khách hàng, người lao động cũng như quảng bá thương hiệu của Công ty phủ rộng hơn trên thị trường.
- Tiếp tục đóng góp, thực hiện trách nhiệm xã hội cộng đồng của Doanh nghiệp, phát triển chương trình Logistics Xanh nhằm bảo vệ môi trường, tiết kiệm chi phí sử dụng năng lượng.

Trân trọng,

**TM. BAN ĐIỀU HÀNH**



**LÊ DUY HIỆP**  
Tổng Giám đốc

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

## I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2022

Kết quả kinh doanh năm tài chính 2022 của Công ty Cổ phần Transimex (hợp nhất):

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Khoản mục	Thực hiện 2021	Năm 2022		% thực hiện 2022 so với	
			Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022
1	Doanh thu hợp nhất	6.381.266	3.455.210	3.648.088	57,2%	105,6%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất (LNTT)	695.851	497.842	774.230	111,3%	155,5%
3	Tỷ trọng LNTT/Tổng doanh thu	10,9%	14,4%	21,2%	194,6%	147,3%
4	Cổ tức (tiền mặt và/hoặc cổ phiếu)	15%	20%	-		

## II. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

### 1 Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên ("ĐHĐCĐ") năm 2018 đã bầu Hội đồng quản trị ("HĐQT") nhiệm kỳ V (2018 – 2023) gồm 7 thành viên, HĐQT đã bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT.
- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã bầu Ông Toshiyuki Matsuda – Thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ V thay thế Ông Masafumi Inoue đã gửi Đơn từ nhiệm ngày 11/03/2022.
- Danh sách các thành viên HĐQT chốt đến ngày 31/12/2022 như sau:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Tỉ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết tại ngày 31/12/2022
1.	Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	0,59%
2.	Lê Duy Hiệp	Phó Chủ tịch HĐQT	0,44%
3.	Vũ Chinh	Thành viên HĐQT	0,47%
4.	Charvanin Bunditkitsada	Thành viên HĐQT	0
5.	Toshiyuki Matsuda	Thành viên HĐQT	0,2%
6.	Nguyễn Bích Lân	Thành viên HĐQT	0,14%
7.	Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	14,49%

- Các tiểu ban thuộc HĐQT như sau:
  - Tiểu ban: Nhân Sự và Lương, Thưởng;
  - Tiểu ban: Quản Trị Kinh Doanh và Tài Chính;
  - Tiểu ban: Chính Sách Phát Triển và Đầu Tư;
  - Tiểu ban: Liên Doanh Liên Kết.

## 2 Các hoạt động của HĐQT năm 2022:

- (a) Để thực hiện các nhiệm vụ do ĐHĐCĐ giao, HĐQT Công ty đã tiến hành triển khai hoạt động theo quy định của Điều lệ Công ty, tuân thủ Luật Doanh nghiệp và pháp luật hiện hành.
- (b) Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty và có sự tham dự của Ban điều hành, Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc tài chính.
- (c) HĐQT đã trực tiếp thảo luận, quyết định các nội dung trình ĐHĐCĐ biểu quyết tại Đại hội. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, phê duyệt các tờ trình của Ban điều hành và nghe Ban điều hành báo cáo tình hình và kết quả kinh doanh của Công ty định kỳ.
- (d) Kết quả biểu quyết các vấn đề đều đạt đồng thuận cao, các Biên bản, Nghị quyết của HĐQT đều có sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ và thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định.
- (e) Đã thực hiện tái cơ cấu các phòng nghiệp vụ để tinh gọn bộ máy tổ chức Công ty đồng thời tăng tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh và quản trị doanh nghiệp, cụ thể Công ty đã hợp nhất Phòng Logistics vào Công ty Cổ phần Transimex Logistics (tên cũ là Công ty Cổ phần Vận tải Transimex).
- (f) Đổi tên Công ty Cổ phần Vận tải Transimex thành Công ty Cổ phần Transimex Logistics nhằm mang tính thương hiệu và mở rộng đối với dịch vụ logistics của toàn Công ty và các công ty con.
- (g) Định biên, cơ cấu lại tình hình nhân sự và đưa ra các điều chuyển, bổ nhiệm các vị trí quản lý cấp cao kịp thời, chính xác nhằm tăng cường hệ thống quản trị nhân sự, nâng tầm quản lý của các cán bộ quản lý trong hoạt động quản trị doanh nghiệp và kinh doanh của Công ty.
- (h) Trong năm 2022, HĐQT đã có 16 phiên họp và ban hành 18 nghị quyết (bao gồm 56 quyết định), cụ thể như sau:
  - (1) Thông qua phương án bán cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CLX);
  - (2) Thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022.
  - (3) Thông qua Báo cáo hoạt động tài chính, hoạt động đầu tư năm 2021.
  - (4) Thông qua Báo cáo tình hình đầu tư dự án năm 2021 và kế hoạch năm 2022.
  - (5) Thông qua Báo cáo tiến độ thực hiện giao dịch chuyển nhượng và thuê lại kho Transimex DC.
  - (6) Thông qua việc thực hiện quỹ lương năm 2021 và kế hoạch ngân sách quỹ lương năm 2022.
  - (7) Thông qua việc thực hiện trích lập quỹ HĐQT, quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021 và quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022.
  - (8) Thông qua việc chi quỹ Hội đồng quản trị năm 2021.
  - (9) Thông qua mức sinh hoạt phí của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Thư ký Công ty.
  - (10) Thông qua việc gia hạn thời hạn hoạt động của Công ty liên doanh TNHH Nippon Express (Việt Nam).
  - (11) Thông qua việc chuyển đổi Cảng ICD và Trung tâm Vận tải thủy Transimex thành công ty cổ phần.
  - (12) Thông qua việc chuyển nhượng một phần hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Transimex cho các công ty thành viên.
  - (13) Thông qua chủ trương chuyển Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics thành công ty đại chúng.
  - (14) Thông qua việc thay đổi chủ sở hữu của Công ty TNHH MTV Đầu tư Long An.
  - (15) Thông qua việc tăng vốn điều lệ tại Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics.
  - (16) Thông qua việc đầu tư nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Cảng Mipecc (MPC).
  - (17) Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi cho cổ đông hiện hữu.
  - (18) Thông qua việc tiếp tục triển khai thực hiện phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi cho cổ đông hiện hữu và kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán.
  - (19) Thông qua việc thành lập văn phòng đại diện của Công ty tại tỉnh Vĩnh Long.
  - (20) Thông qua kế hoạch tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
  - (21) HĐQT duyệt một số nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ 2022.
  - (22) Thông qua việc thay đổi đại diện của Công ty Cổ phần Transimex tại Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express (Việt Nam).
  - (23) Thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty TNHH MTV Đầu tư Long An.
  - (24) Thông qua việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty.
  - (25) Thông qua việc tiếp tục triển khai thực hiện phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi cho cổ đông hiện hữu và kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán.
  - (26) Thông qua việc bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV Đầu tư Long An vay vốn trung dài hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam.

- (27) Thông qua đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Transimex Hi - Tech Logistics để đầu tư xây dựng Dự án Kho lạnh tại Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2 thuộc Công ty TNHH MTV Đầu tư Long An.
- (28) Thông qua kế hoạch sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của các công ty con bao gồm Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex, Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex và Công ty Cổ phần Transimex Hi - Tech Logistics.
- (29) Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi cho cổ đông hiện hữu.
- (30) Thông qua việc triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp và mô hình quản trị đối với các công ty con bao gồm Công ty Cổ phần Transimex Hi - Tech Logistics và Công ty TNHH MTV Đầu tư Long An.
- (31) Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán cho niên độ tài chính năm 2022.
- (32) Thông qua việc triển khai đăng ký thực hiện đầu tư dự án Trung tâm Logistics Khu Công nghệ cao tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh Minh năm 2022.
- (33) Thông qua phương án phát hành trái phiếu tron.
- (34) Thông qua việc điều chỉnh phương án bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV Đầu tư Long An vay vốn trung dài hạn để đầu tư dự án Kho Lạnh Long An phù hợp với phương án tài trợ của ngân hàng.
- (35) Thông qua việc điều chỉnh và sửa đổi phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
- (36) Thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi cho cổ đông hiện hữu.
- (37) Thông qua việc tăng vốn góp tại Công ty Cổ phần Transimex Hi - Tech Logistics theo phương án mua cổ phiếu do Transimex Hi-Tech Logistics phát hành cho cổ đông hiện hữu.
- (38) Thông qua việc thuê quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Bình Chiểu nhằm mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh logistics, kho, bãi container và sửa chữa.
- (39) Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho năm 2021 và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.
- (40) Thông qua việc triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến việc chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty TNHH ECPVN Bình Dương 1 ("ECPVN").
- (41) Thông qua Báo cáo của Ban điều hành về kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2022 và ước cả năm 2022.
- (42) Thông qua Báo cáo hoạt động tài chính, hoạt động đầu tư năm 2022.
- (43) Thông qua Báo cáo tình hình đầu tư dự án 9 tháng đầu năm 2022 và kế hoạch thực hiện 3 tháng cuối năm 2022.
- (44) Thông qua Báo cáo tiến độ thực hiện giao dịch chuyển nhượng và thuê lại kho Transimex DC.
- (45) Thông qua Tờ trình về việc tăng thêm hạn mức tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng Standard Chartered.
- (46) Thông qua việc tái bổ nhiệm Giám đốc Tài chính của Công ty Cổ phần Transimex.
- (47) Thông qua việc tái bổ nhiệm Kế toán trưởng của Công ty Cổ phần Transimex.
- (48) Thông qua phê duyệt Quy chế Kiểm toán nội bộ của Công ty Cổ phần Transimex.
- (49) Thông qua phê duyệt Quy chế Người đại diện vốn của Công ty Cổ phần Transimex.
- (50) Thông qua Sơ đồ tổ chức mới của Công ty Cổ phần Transimex.
- (51) Thông qua việc tăng vốn góp tại Công ty Cổ phần Cảng Mipecc ("Mipecc") theo phương án mua cổ phiếu do Mipecc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- (52) Thông qua trình tự thực hiện các phương án phát hành chứng khoán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
- (53) Thông qua việc vay vốn giữa Công ty Cổ phần Transimex – Công ty mẹ (Bên vay) và Công ty TNHH MTV Đầu tư Long An – Công ty con (bên cho vay).
- (54) Thông qua việc sửa đổi trình tự thực hiện các phương án phát hành chứng khoán đã được thông qua tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 57/NQHĐQT NK5-TMS ngày 21/11/2022.
- (55) Thông qua phương án triển khai phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.
- (56) Thông qua điều chỉnh loại chứng khoán của cổ phiếu chào bán riêng lẻ năm 2021 do kết thúc thời gian hạn chế chuyển nhượng theo quy định.

### III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022

Các quyết định của ĐHĐCĐ	Kết quả thực hiện
Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính niên độ tài chính năm 2022.	Đã lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (EY).
Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021, phương án trích lập quỹ Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) năm 2021 và kế hoạch trích lập Quỹ hoạt động của HĐQT, BKS năm 2022.	Đã thực hiện.
Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.	Việc đăng ký phát hành cũng dự kiến được UBCKNN chấp thuận trong tháng 12/2022. Tuy nhiên, tương tự như hồ sơ đăng ký phát hành trái phiếu chuyển đổi, hồ sơ phát hành cổ phiếu của Công ty cũng bị xem xét rất chặt chẽ. Và kết quả là Công ty chỉ lấy được ý kiến chấp thuận đối với phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu trong năm 2022 (Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 với tỉ lệ 15% chưa thực hiện được trong năm 2022). Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021, Công ty sẽ báo cáo ĐHĐCĐ trong cuộc họp thường niên 2022 và trình thông qua việc chi trả cổ tức của năm 2021 cùng với việc chi trả cổ tức của năm 2022.
Thoái vốn khoản đầu tư tại Công ty liên doanh TNHH Nippon Express (Việt Nam).	Đang thực hiện.
Bổ sung ngành, nghề kinh doanh của công ty.	Đã thực hiện.
Tiếp tục thực hiện phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi.	Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu đã được nộp cho UBCKNN vào tháng 03/2022, sau khi hoàn tất việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ, theo thứ tự ưu tiên triển khai các phương án chào bán chứng khoán được Hội đồng quản trị thông qua tại Nghị quyết số 38/NQHĐQT NK5-TMS ngày 03/11/2021. Công ty đã liên tục thực hiện nhiều đợt giải trình, điều chỉnh, bổ sung hồ sơ đăng ký chào bán vào các tháng 05, 08, 10, 12/2022 tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Mặc dù được kỳ vọng sẽ hoàn tất việc xin cấp giấy phép chào bán vào cuối tháng 12/2022, nhưng với chủ trương siết chặt các hồ sơ đăng ký phát hành, đặc biệt là trái phiếu, trong suốt thời gian qua, cuối cùng hồ sơ xin cấp phép của Công ty đã bị dờ lại và chưa hoàn tất trong năm 2022. Sau khi có Báo cáo tài chính kết thúc năm 2022, Công ty tiến hành cập nhật lại hồ sơ đăng ký chào bán để nộp cho UBCKNN. Theo lộ trình kế hoạch, việc nộp lại hồ sơ dự kiến sẽ hoàn tất trong bốn tháng.
Sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.	Đã thực hiện.
Giao dịch nhận chuyển nhượng cổ phiếu TMS để nâng tỷ lệ sở hữu mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.	Đã thực hiện.

### KẾT QUẢ GIÁM SÁT VÀ HỖ TRỢ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN ĐIỀU HÀNH

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với BDH được thực hiện thông qua việc HĐQT chất vấn BDH về kết quả kinh doanh trong kỳ tại các phiên họp định kỳ, đồng thời, giám sát nhiều hoạt động khác. HĐQT luôn giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2022; tăng cường các hoạt động quản trị doanh nghiệp, các hoạt động kiểm soát nội bộ và kiểm soát rủi ro trong Công ty; Chủ tịch HĐQT thường xuyên tham dự các cuộc họp giao ban hàng tuần của Công ty, luôn giám sát và chỉ đạo kịp thời các hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Các Nghị quyết của HĐQT đều được HĐQT ủy quyền cho BDH Công ty triển khai thực hiện và báo cáo HĐQT;
- HĐQT đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm 2022 của BDH như sau:
  - BDH đã thực hiện tốt và đầy đủ các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT; tích cực thực hiện các dự án đầu tư của Công ty và đưa vào hoạt động có hiệu quả cao;
  - BDH đã điều hành Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ, thực hiện theo quy chế quản trị nội bộ, theo đúng điều lệ Công ty và quy định của pháp luật;
  - Tuân thủ nghiêm túc và đầy đủ các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của các Cơ quan quản lý Nhà nước;
  - Công tác đào tạo được chú trọng, nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn của Cán bộ Nhân viên trong Công ty;
  - Công tác quản lý tài chính được thực hiện tốt, bảo đảm cân đối nguồn vốn phục vụ đầu tư phát triển kinh doanh;
  - Hoạt động tăng cường và triển khai tốt việc áp dụng công nghệ thông tin trong quản trị Logistics, quản trị công ty và số hóa công tác điều hành khai thác dịch vụ;
  - Đã thực hiện đầu tư hệ thống điện sử dụng năng lượng mặt trời tại Công ty TNHH Một thành viên Transimex Hi Tech Parks Logistics, Cảng ICD Transimex, Trung tâm Logistics Vinatrans Đà Nẵng, Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long và vận hành phát điện tốt dẫn đến tiết kiệm được chi phí điện lưới đáng kể;
  - Đã và đang triển khai tốt các chương trình và hoạt động kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty (1983 – 2023), vào ngày 18/2/2023, đã tổ chức thành công sự kiện chạy bộ Fun-Run với sự tham gia của các đối tác, khách hàng và hơn 400 cán bộ nhân viên trong toàn tập đoàn.

### IV. BÁO CÁO THU NHẬP CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

Năm 2022, các Thành viên HĐQT được trả thù lao theo quy định, nằm trong hạn mức đã được phê duyệt của ĐHĐCĐ thường niên. Cụ thể, thù lao của HĐQT năm 2022 như sau:

STT	Họ tên	Chức danh	Thù lao (trước thuế TNCN) (VNĐ)	Ghi chú
1.	Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch Hội đồng quản trị	440.000.000	
2.	Lê Duy Hiệp	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	240.000.000	
3.	Vũ Chinh	Thành viên Hội đồng quản trị	153.333.336	
4.	Bùi Minh Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị	153.333.336	
5.	Nguyễn Bích Lân	Thành viên Hội đồng quản trị	153.333.336	
6.	Masafumi Inoue	Thành viên Hội đồng quản trị	57.500.000	Giảm từ tháng 5/2022
7.	Charvanin Bunditkitsada	Thành viên Hội đồng quản trị	172.500.000	
8.	Toshiyuki Matsuda	Thành viên Hội đồng quản trị	115.000.000	Tăng từ tháng 5/2022
<b>Tổng cộng</b>			<b>1.485.000.008</b>	



## V. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

- Phấn đấu thực hiện kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2023:

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Khoản mục	Số tiền
1	Doanh thu thuần hợp nhất	2.521.420
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất (LNTT)	317.050
3	Tỷ trọng LNTT/Tổng doanh thu	12,57%
4	Cổ tức năm 2023 (tiền mặt và/hoặc cổ phiếu)	15% - 20%

Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, đề xuất trình Đại hội các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

- Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty nhằm đánh dấu cột mốc 40 năm hình thành và phát triển bền vững của Công ty, tri ân khách hàng, người lao động cũng như quảng bá thương hiệu của Công ty phủ rộng hơn trên thị trường.
- Tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển logistics bền vững thông qua việc phát triển logistics xanh và hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ logistics mở rộng địa bàn trên phạm vi cả nước, tập trung đầu tư vào ngành nghề cốt lõi của Công ty.
- Tiếp tục theo dõi và đưa ra các chỉ đạo kịp thời cho Ban điều hành triển khai thực hiện đầu tư giai đoạn 2 của Trung tâm Logistics Thăng Long.
- Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu cả về dịch vụ, tổ chức nhân sự tại các Công ty con.
- Tiếp tục tập trung phát triển kinh doanh và tái cơ cấu cả về dịch vụ - tổ chức nhân sự tại các công ty khác mà Transimex đang là cổ đông chi phối, công ty mẹ tại khu vực miền Bắc như Công ty Cổ phần Cảng Mipec, Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương, Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại.
- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức nhân sự, quản trị doanh nghiệp tại các công ty mới thành lập là Công ty Cổ phần Transimex Shipping và Công ty Cổ phần Cảng Transimex.
- Cùng với các đối tác đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án Trung Tâm Logistics Vĩnh Lộc, Kho lạnh tại Bến Lức, Long An cũng như chuẩn bị cho việc khai thác dịch vụ sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng.
- Phối hợp với các cổ đông lớn của Công ty có cùng ngành nghề dịch vụ để phát triển và bổ sung các dịch vụ mới cho Công ty.
- Tiếp tục đầu tư vào các Công ty cùng ngành nghề có tiềm năng phát triển và có các dịch vụ hỗ trợ cho Công ty, hợp tác cùng các Công ty này đầu tư xây dựng kho bãi, khai thác có hiệu quả các quỹ đất hiện hữu của các đối tác.
- Quản lý có hiệu quả việc đầu tư tại các công ty liên doanh, liên kết thông qua các hình thức kết nối về dịch vụ, hợp tác kinh doanh và tham gia công tác quản trị ... nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.
- Tiếp tục chỉ đạo, hỗ trợ BDH tìm kiếm thêm các dự án mới, nghiên cứu đầu tư những trung tâm logistics, kho bãi tại những vị trí tiềm năng và nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ logistics của Công ty nhằm hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ logistics toàn quốc, đặc biệt tại các tỉnh, thành phố trọng điểm.
- Thực hiện các hoạt động tăng cường hiệu quả quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại trong hoạt động kinh doanh, quản trị kho hàng, quản trị chi phí, ....
- Tiến hành đàm phán và thực hiện các công việc để thoái vốn khoản đầu tư khỏi Công ty liên doanh TNHH Nippon Express (Việt Nam).
- Xác định nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng, đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Công ty trong năm tới cũng như trong tương lai, HĐQT sẽ chú trọng vào chính sách phát triển nguồn nhân lực bằng cách đẩy mạnh việc đào tạo, phát triển và quy hoạch nguồn nhân lực cho Công ty.

HĐQT đánh giá cao và cảm ơn BDH, toàn thể CB-NV Công ty đã đóng góp để Công ty hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2022. Hội đồng quản trị Công ty sẽ cùng BDH tiếp tục đề ra các biện pháp, kế hoạch, chiến lược để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2023.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**BÙI TUẤN NGỌC**

Chủ tịch Hội đồng quản trị



# BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

Căn cứ nhiệm vụ quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Transimex.

Ban Kiểm Soát (BKS) kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên (ĐHĐCĐTN) năm 2022 báo cáo đánh giá tình hình hoạt động năm 2022 của như sau:

## I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Tham gia các buổi họp định kỳ của Hội đồng quản trị.
2. Kiểm tra tính hợp lý, tính trung thực và việc tuân thủ các quy định nội bộ cũng như các quy định pháp luật của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
3. Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị.
4. Kiểm tra các hoạt động đầu tư, sử dụng và quản lý vốn.
5. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị và Ban điều hành tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

## II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

### 1 Đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị:

- (i) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được triệu tập và tổ chức theo đúng quy định Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty.
- (ii) Trong năm 2022, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã cung cấp đầy đủ thông tin cho Ban kiểm soát về hoạt động kinh doanh, kế hoạch đầu tư và tình hình tài chính của Công ty thông qua các buổi họp trực tiếp và thông qua hình thức gửi thư điện tử.
- (iii) Hội đồng quản trị giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua các báo cáo kết quả kinh doanh định kỳ, báo cáo về biến động nhân sự, định hướng phát triển kinh doanh và đầu tư trung và dài hạn. Hội đồng quản trị đã phối hợp tốt cùng với Ban điều hành chỉ đạo điều hành toàn diện mọi hoạt động của Công ty.

### 2 Đánh giá hoạt động của Ban điều hành:

- (i) Ban điều hành đã triển khai và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2022.
- (ii) Ban điều hành thường xuyên họp với các Phòng ban trong Công ty; kịp thời nắm bắt các vấn đề phát sinh để ra quyết định mang lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- (iii) Ban điều hành đã nghiêm túc báo cáo đầy đủ kết quả kinh doanh, tình hình đầu tư cũng như xin ý kiến chỉ đạo từ Hội đồng quản trị.
- (iv) Ban kiểm soát nhận thấy Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực và luôn tuân thủ các yêu cầu trong hệ thống quản trị nội bộ của Công ty.

## 3 Thẩm định báo cáo tài chính năm 2022:

- (i) Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam và đưa ra báo cáo kiểm toán, với ý kiến chấp nhận toàn phần.
- (ii) Tổng kết năm 2022, hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty đạt chỉ tiêu như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

(%) TH 2022 so với

STT	CHỈ TIÊU	KH 2022	TH 2022	TH 2021	KH năm	Cùng kỳ 2021
1	Tổng doanh thu	3.455	3.648	6.381	106%	57%
2	Lợi nhuận trước thuế	498	774	696	155%	111%

- (iii) Qua các số liệu trên cho thấy doanh thu và lợi nhuận trước thuế của Công ty đều vượt kế hoạch đề ra. Tuy nhiên chỉ tiêu doanh thu đạt 57% so với năm 2021 chủ yếu do công ty con là Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc Tô Quốc tế hết hạn hợp đồng đại lý với một hãng hàng không từ năm 2022 nên doanh thu năm 2022 giảm theo.
- (iv) Về đầu tư:
  - (a) Công ty đã mua thêm 15.931.550 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cảng Mipec, nâng tỷ lệ sở hữu từ 35,86% lên 38,34%.
  - (b) Công ty đã chuyển nhượng 4.254.200 cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CLX) tương đương tỷ lệ 4,91%.
  - (c) Công ty đã mua 249.700 cổ phiếu Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT), tăng tỷ lệ từ 31,33% lên 33,87%.
  - (d) Công ty đã mua 1.421.780 cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (TJC), nâng tỷ lệ sở hữu từ 32,98% lên 49,51%.
  - (e) Mặc dù trong bối cảnh tình hình thị trường năm 2022 có nhiều khó khăn, thách thức nhưng Công ty cũng có kết quả kinh doanh đáng ghi nhận. Đó cũng nhờ vào sự nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể nhân viên Công ty.

## III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Các hoạt động của Công ty trong năm qua tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT. Hoạt động công bố thông tin của Công ty cũng tuân thủ theo các quy định liên quan áp dụng cho doanh nghiệp niêm yết.
2. Một số kiến nghị: Với quy mô Công ty ngày càng lớn, để phát huy kết quả năm 2022 và đạt kế hoạch mục tiêu cho năm 2023, Ban kiểm soát có một số đề nghị sau:
  - (i) Cần có sự kết hợp tốt hơn nữa giữa các phòng ban để có thể sử dụng tối đa nguồn nhân lực sẵn có của Công ty và có chiến lược cụ thể để thu hút và giữ nhân tài lâu dài cho Công ty.
  - (ii) Tăng cường công tác quản lý công nợ, tránh để khách hàng chiếm dụng vốn lâu và tìm hiểu kỹ năng lực khách hàng trước khi giao dịch để hạn chế rủi ro về nợ xấu.
  - (iii) Tiếp tục tăng cường công tác quản lý đánh giá hoạt động của các công ty con, phòng ban nâng cao hiệu quả chung trong toàn Công ty.

- (iv) Ngoài ra thị trường kho bãi, logistics của Việt Nam phát triển nhanh sau đại dịch Covid do nhu cầu mua bán trực tuyến tăng cao, do vậy xu hướng trong những năm gần đây đã có nhiều Công ty đã đầu tư vào bất động sản kho bãi, sẽ làm gia tăng tính cạnh tranh trên thị trường. Trước tình hình trên, Công ty tập trung vào những vấn đề sau:
- (a) Logistics thương mại điện tử đang phát triển, vì vậy việc đầu tư vào công nghệ, phát triển mạnh chiến lược bán dịch vụ online là một lợi thế.
  - (b) Hiện nay đang có sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp Việt Nam và các doanh nghiệp nước ngoài, nên để tạo được hệ thống chất lượng dịch vụ tốt để tăng tính cạnh tranh thì Công ty tập trung phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn tốt về quản lý, an ninh, vận hành, xuất nhập khẩu ....
  - (c) Quảng cáo, tiếp cận các khách hàng tiềm năng thông qua nhiều kênh như: tổ chức sự kiện, đầu tư website công ty, quảng cáo qua các kênh mạng xã hội ....

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát năm 2022 kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. Thay mặt Ban kiểm soát, tôi xin chân thành cảm ơn HĐQT, Ban điều hành và các Phòng ban Công ty Cổ phần Transimex đã tạo điều kiện để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian qua.

Trân trọng.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**



**Lê Thị Ngọc Anh**  
Trưởng Ban kiểm soát

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2022



# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam  
Số 02 Đường Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại: (028) 38525252 Fax: (028) 38315090  
Email: eyhcmc@vn.ey.com Website: www.ey.com/vn

Số tham chiếu: 61712123/22990818/FN-HN

## Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Transimex

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Transimex ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 54 đến trang 96, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

## Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



## Hàng Nhật Quang

Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1772-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 3 năm 2023

## Phạm Xuân Tuân

Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 4639-2023-004-1

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.744.350.322.596</b>	<b>2.430.451.915.331</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>556.774.624.464</b>	<b>1.073.681.032.249</b>
1. Tiền	111		377.274.624.464	847.681.032.249
2. Các khoản tương đương tiền	112		179.500.000.000	226.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>551.148.209.885</b>	<b>197.798.809.187</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.2	215.391.919.946	79.646.809.187
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6.2	(975.910.061)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.1	336.732.200.000	118.152.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>571.935.142.410</b>	<b>1.091.404.225.603</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	277.995.368.655	742.976.762.065
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	91.621.708.717	24.141.378.712
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	210.083.011.832	328.746.498.173
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(7.764.946.794)	(4.460.413.347)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>15.394.505.094</b>	<b>10.230.876.303</b>
1. Hàng tồn kho	141		15.394.505.094	10.230.876.303
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>49.097.840.743</b>	<b>57.336.971.989</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	12.498.158.445	14.811.550.933
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		35.447.369.600	36.853.358.663
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.142.337.698	5.659.725.803
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		9.975.000	12.336.590
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.826.253.041.059</b>	<b>3.303.632.049.425</b>
<b>I. Phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>25.488.810.290</b>	<b>11.560.780.833</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	25.488.810.290	11.560.780.833
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.116.555.569.241</b>	<b>1.098.714.384.569</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.092.515.210.172	988.090.064.585
Nguyên giá	222		1.726.970.228.840	1.562.183.136.732
Giá trị khấu hao lũy kế	223		(634.455.018.668)	(574.093.072.147)
2. Tài sản thuê tài chính	224	14	6.204.414.413	20.781.135.507
Nguyên giá	225		8.557.812.978	27.035.271.522
Giá trị khấu hao lũy kế	226		(2.353.398.565)	(6.254.136.015)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	17.835.944.656	89.843.184.477
Nguyên giá	228		26.745.066.603	108.360.832.663
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.909.121.947)	(18.517.648.186)

VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>43.609.887.430</b>	<b>46.892.345.012</b>
1. Nguyên giá	231		88.395.738.648	85.949.359.948
2. Giá trị khấu hao lũy kế	232		(44.785.851.218)	(39.057.014.936)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>102.996.085.240</b>	<b>94.511.111.882</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	102.996.085.240	94.511.111.882
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>16</b>	<b>2.357.605.205.601</b>	<b>1.975.815.767.050</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh và liên kết	252		2.345.064.719.114	1.937.075.080.607
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.540.486.487	11.540.486.443
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		1.000.000.000	27.200.200.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>179.997.483.257</b>	<b>76.137.660.079</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	135.706.339.552	35.450.344.321
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	30.2	9.906.409.331	-
3. Lợi thế thương mại	269	17	34.384.734.374	40.687.315.758
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>5.570.603.363.655</b>	<b>5.734.083.964.756</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.423.017.571.102</b>	<b>2.244.168.104.894</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>858.786.213.245</b>	<b>1.643.209.181.351</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	127.174.081.298	424.265.596.266
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.050.748.218	3.763.384.194
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	93.411.789.136	36.152.355.167
4. Phải trả người lao động	314		39.052.702.027	37.042.448.873
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	36.588.646.955	32.100.664.891
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.191.501.299	535.945.291
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	220.741.416.933	344.346.107.841
8. Vay ngắn hạn	320	22	278.622.398.176	716.762.034.731
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	54.952.929.203	48.240.644.097
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>564.231.357.857</b>	<b>600.958.923.543</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	21	18.695.607.789	17.694.328.319
2. Vay dài hạn	338	22	545.535.750.068	583.264.595.224
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>4.147.585.792.553</b>	<b>3.489.915.859.862</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>4.147.585.792.553</b>	<b>3.489.915.859.862</b>
1. Vốn cổ phần	411	24.1	1.058.715.480.000	1.058.715.480.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.058.715.480.000	1.058.715.480.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	24.1	716.705.756.123	716.705.756.123

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND				
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	24.1	47.701.198.595	9.959.446.608
4. Cổ phiếu quỹ	415	24.1	(189.990.900)	(189.990.900)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	24.1	156.721.919.506	154.721.919.506
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	24.1	1.773.271.320.172	1.165.728.934.021
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.115.476.908.135	595.114.514.960
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm này	421b		657.794.412.037	570.614.419.061
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	24.4	394.660.109.057	384.274.314.504
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>5.570.603.363.655</b>	<b>5.734.083.964.756</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 3 năm 2023



**Nguyễn Thanh Tùng**  
Người lập



**Nguyễn Hồng Kim Chi**  
Kế toán trưởng



**Bùi Tuấn Ngọc**  
Chủ tịch

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25.1	3.656.259.677.895	6.389.529.794.726
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25.1	(8.171.830.186)	(8.264.166.808)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.648.087.847.709	6.381.265.627.918
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26, 29	(3.098.145.979.664)	(5.835.008.777.835)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		549.941.868.045	546.256.850.083
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25.2	160.207.863.911	79.970.631.211
7. Chi phí tài chính	22	27	(88.695.338.812)	(91.507.536.349)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(58.088.693.621)	(54.953.264.188)
8. Phần lãi trong công ty liên kết	24		353.783.843.815	372.115.579.719
9. Chi phí bán hàng	25	28, 29	(29.783.011.326)	(55.162.502.579)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28, 29	(173.874.207.197)	(159.649.122.560)
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		771.581.018.436	692.023.899.525
12. Thu nhập khác	31		11.263.499.641	6.610.300.387
13. Chi phí khác	32		(8.614.805.388)	(2.782.999.407)
14. Lợi nhuận khác	40		2.648.694.253	3.827.300.980
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		774.229.712.689	695.851.200.505
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30.1	(101.821.490.210)	(74.951.269.467)
17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52	30.1	9.906.409.331	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		682.314.631.810	620.899.931.038
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		660.744.996.699	570.614.419.061
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		21.569.635.111	50.285.511.977
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24.5	5.427	5.208
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	24.5	5.427	5.208

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 3 năm 2023



**Nguyễn Thanh Tùng**  
Người lập



**Nguyễn Hồng Kim Chi**  
Kế toán trưởng



**Bùi Tuấn Ngọc**  
Chủ tịch

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>774.229.712.689</b>	<b>695.851.200.505</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao và hao mòn	02		124.576.484.435	108.302.173.336
Dự phòng	03		4.280.443.508	1.557.524.800
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(14.562.740.596)	(16.942.086.215)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(470.697.735.032)	(379.165.167.685)
Chi phí đi vay	06	27	63.544.647.746	62.195.475.605
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>481.370.812.750</b>	<b>471.799.120.346</b>
Giảm (tăng) các khoản phải thu	09		466.978.671.642	(502.008.616.910)
Tăng hàng tồn kho	10		(5.163.628.791)	(4.932.582.406)
(Giảm) tăng các khoản phải trả	11		(321.058.014.409)	209.201.018.906
Tăng chi phí trả trước	12		(61.255.054.488)	(230.146.514)
Tăng chứng khoán kinh doanh	13		(129.071.442.283)	(19.997.544.807)
Tiền lãi vay đã trả	14		(59.888.467.095)	(56.463.860.261)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(43.868.792.342)	(67.346.192.387)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(37.156.943.324)	(15.572.245.756)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>290.887.141.660</b>	<b>14.448.950.211</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21		(266.875.743.792)	(214.270.638.309)
Tiền thu do thanh lý tài sản cố định	22		171.207.497.815	12.856.516.297
Tiền chi cho vay, tiền gửi kỳ hạn	23		(820.342.000.000)	(328.840.107.945)
Tiền thu hồi cho vay, tiền gửi kỳ hạn	24		627.962.000.000	360.676.907.945
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(279.439.981.466)	(347.208.034.430)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ)	26		171.462.490.000	43.123.920.601
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức nhận được	27		48.615.104.990	77.424.225.981
<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(347.410.632.453)</b>	<b>(396.237.209.860)</b>

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	24.1	-	488.532.880.000
Nhận vốn góp từ cổ đông không kiểm soát		24.4	22.716.400.000	79.838.870.000
Tiền thu từ đi vay	33	23	1.105.558.355.908	2.799.129.764.772
Tiền trả nợ gốc vay	34	23	(1.563.899.797.383)	(2.323.831.206.864)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	23	(7.147.566.236)	(7.534.404.670)
Tiền chi trả cổ tức	36		(17.541.362.576)	(41.174.989.975)
<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(460.313.970.287)</b>	<b>994.960.913.263</b>
<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(516.837.461.080)</b>	<b>613.172.653.614</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>1.073.681.032.249</b>	<b>460.731.977.838</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(68.946.705)	(223.599.203)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>556.774.624.464</b>	<b>1.073.681.032.249</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 3 năm 2023

**Nguyễn Thanh Tùng**  
Người lập

**Nguyễn Hồng Kim Chi**  
Kế toán trưởng



**Bùi Tuấn Ngọc**  
Chủ tịch

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Transimex ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0301874259 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 12 năm 1999, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") vào ngày 4 tháng 8 năm 2000.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là đại lý giao nhận và vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; dịch vụ kho ngoại quan, kho CFS, kho ICD; kinh doanh kho bãi, xếp dỡ, lưu giữ hàng hóa, làm thủ tục hải quan; đại lý tàu biển và môi giới hàng hải. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 172 (lầu 9-10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.295 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.384).

### Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cơ cấu tổ chức của Tập đoàn bao gồm 14 công ty con với chi tiết như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu		Tỷ lệ biểu quyết	
		Số cuối năm %	Số đầu năm %	Số cuối năm %	Số đầu năm %
1. Công ty Cổ phần Transimex Logistics ("TOT")	Dịch vụ vận tải	75,48	75,48	75,48	75,48
2. Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex ("BDS")	Dịch vụ cho thuê văn phòng	100	100	100	100
3. Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex ("DC")	Dịch vụ kho bãi	100	100	100	100
4. Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics ("SHTP")	Dịch vụ kho bãi	99,39	100	99,39	100
5. Công ty Cổ phần Logistics Thăng Long ("TLL")	Dịch vụ logistics	67,04	66,51	77,78	77,78
6. Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Vĩnh Lộc ("VLL")	Dịch vụ logistics	59,51	55,48	67,40	64,50
7. Công ty Cổ phần Vinafreight ("VNF")	Giao nhận vận tải quốc tế	57,05	54,92	57,05	54,92
8. Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc Tơ Quốc tế	Dịch vụ vận tải hàng hóa	51,34	49,43	90	90
9. Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con Đường Việt	Dịch vụ vận tải hàng hóa; đại lý bán vé máy bay	26,18	25,21	94,9	94,9
10. Công ty TNHH Hậu cần Toàn cầu SFS Việt Nam	Dịch vụ giao nhận hàng hóa	57,05	54,92	100	100
11. Công ty TNHH Logistics Xuê Hằng Việt Nam	Dịch vụ giao nhận hàng hóa	29,01	28,01	51	51
12. Công ty TNHH MTV Đầu tư Long An ("LAI")	Dịch vụ kho bãi	99,39	100	99,39	100
13. Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Da Nang")	Giao nhận vận tải quốc tế	38,40	37,80	50,38	50,38
14. Công ty Cổ phần Transimex Hi-Tech Logistics ("SHTL")	Dịch vụ kho bãi	99,39	-	99,39	-
15. Công ty TNHH ECPVN Bình Dương 1 (Thuyết minh số 4.1)	Dịch vụ kho bãi	-	100	-	100

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

### 2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND.

### 2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Công cụ, dụng cụ, và nhiên liệu - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - chi phí dịch vụ mua ngoài và lao động trực tiếp cộng chi phí chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

#### Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

#### Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải

trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

#### Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Tập đoàn mua.

### 3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 30 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 – 15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 – 20 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 – 6 năm
Phần mềm máy tính	3 – 6 năm

Tập đoàn không phân bổ giá trị quyền sử dụng đất khi quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng lâu dài.

### 3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	25 – 30 năm
--------------------------	-------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

### 3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

### 3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn để phân bổ dần từ 1 đến 3 năm hoặc ghi nhận phù hợp với doanh thu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn và được sử dụng trên một năm;
- Tiền thuê đất trả trước;
- Chi phí bảo hiểm; và
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng.

#### Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"), khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của các hợp đồng thuê.

### 3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

### 3.12 Các khoản đầu tư

#### Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức và lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

#### Đầu tư vào liên doanh

Khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi liên doanh của các quỹ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Cổ tức và lợi nhuận được chia từ cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được căn trừ vào giá trị khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

#### Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

#### Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi hay lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

### 3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển  
Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi  
Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### 3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

### 3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp và hoàn thành.

#### Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

### 3.19 Thuế

#### Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

### 3.21 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Tập đoàn là vận tải quốc tế và nội địa, giao nhận hàng, kinh doanh cho thuê kho bãi và văn phòng. Trong đó, hoạt động cho thuê văn phòng chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Tập đoàn chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là ngành nghề vận tải và kho vận, và theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

## 4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

### 4.1 Chuyển nhượng toàn bộ vốn góp trong ECPVN BD

Vào ngày 11 tháng 11 năm 2022, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp trong ECPVN BD 1 với tổng số tiền là 45.000.000.000 VND. Theo đó, ECPVN BD 1 không còn là công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

### 4.2 Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong VNF

Ngày 6 tháng 5 năm 2022, Tập đoàn đã đăng ký mua thêm 580.348 cổ phiếu của VNF từ các cổ đông hiện hữu với số tiền là 12.554.320.075 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong VNF tăng từ 54,92% lên 57,11%.

Vào ngày 16 tháng 9 năm 2022, VNF đã hoàn tất việc phát hành 5.277.279 cổ phiếu phổ thông để chi trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2022 của VNF số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022, và theo các Nghị quyết Hội đồng Quản trị có liên quan. Theo đó, Tập đoàn đã nhận được 3.015.830 cổ phiếu từ nghiệp vụ phát hành này.

Vào ngày 7 tháng 12 năm 2022, VNF đã phát hành 36.400 cổ phiếu theo chương trình Kế hoạch sở hữu cổ phần nhân viên cho các thành viên điều hành chủ chốt của VNF. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong VNF giảm từ 57,11% xuống 57,05%.

Chênh lệch giữa giá trị mà Tập đoàn đầu tư vào VNF và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của VNF và các công ty con thay đổi tại ngày giao dịch với số tiền là 176.844.177 VND được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### 4.3 Hỏa hoạn xảy ra tại Nippon

Vào ngày 26 tháng 7 năm 2022, một trận hỏa hoạn đã xảy ra tại nhà kho của Nippon, công ty liên doanh của Tập đoàn,

tọa lạc tại Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nippon, công ty bảo hiểm và các khách hàng bị ảnh hưởng vẫn đang trong quá trình xác định thiệt hại nếu có của trận hỏa hoạn này.

## 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	5.344.243.263	7.564.880.279
Tiền gửi ngân hàng	368.745.381.201	840.116.151.970
Tiền đang chuyển	3.185.000.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	179.500.000.000	226.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>556.774.624.464</b>	<b>1.073.681.032.249</b>

(\*) Số cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất dao động từ 4,6%/năm đến 6,0%/năm.

## 6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

### 6.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	311.532.000.000	118.152.000.000
Trái phiếu (***) (Thuyết minh số 31)	25.200.200.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>336.732.200.000</b>	<b>118.152.000.000</b>

(\*) Số cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn gốc từ ba (3) đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 4,6% đến 8,3%/năm.

(\*\*) Số cuối năm thể hiện giá trị của trái phiếu chuyển đổi được phát hành bởi Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương ("VNT"), công ty liên kết của Công ty, với lãi suất 7%/năm, đáo hạn ngày 29 tháng 1 năm 2023. Vào ngày 27 tháng 1 năm 2023, VNT đã thực hiện việc chuyển đổi toàn bộ khoản trái phiếu trên thành cổ phiếu VNT cho Tập đoàn. Theo đó, số lượng cổ phiếu VNT mà Tập đoàn đang nắm giữ tăng từ 5.135.140 lên 7.103.747 cổ phiếu.

### 6.2 Chứng khoán kinh doanh

	VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai ("PDN") (*)	136.705.160.694	153.515.778.000	-	26.433.280.643	50.225.588.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài ("NCT")	40.256.385.685	40.579.908.000	-	20.795.852.860	21.298.020.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng ("CDN")	19.270.679.211	18.904.690.000	(365.989.211)	-	-	-
Công ty Cổ phần Vinafco ("VFC")	9.403.585.990	13.157.760.000	-	3.955.486.080	4.546.700.000	-
Công ty Cổ phần Long Hậu ("LHG")	5.403.189.731	6.868.295.000	-	-	-	-

## 6.2 Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Nhà ("ITC")	2.325.451.130	1.715.530.280	(609.920.850)	2.325.451.130	3.022.039.000	-
Công ty Cổ phần Searefico ("SFR")	1.670.673.261	1.677.520.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink ("VNL")	247.699.994	312.000.000	-	247.699.994	399.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Ba ("SBA")	66.029.750	66.029.750	-	66.029.750	171.462.500	-
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hiệp Phước ("HPI")	43.064.500	46.600.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái ("CLL")	-	-	-	25.823.008.730	33.135.185.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>215.391.919.946</b>	<b>236.844.111.030</b>	<b>(975.910.061)</b>	<b>79.646.809.187</b>	<b>112.797.994.500</b>	<b>-</b>

(\*) Vào ngày 13 tháng 2 năm 2023, Tập đoàn đã thế chấp một phần cổ phiếu PDN để làm tài sản đảm bảo cho khoản trái phiếu (Thuyết minh 22.5).

## 7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ bên khác	275.115.620.946	740.271.889.220
- Công ty TNHH Logistics Shibushawa	21.502.530.318	19.488.232.633
- Công ty TNHH Henkel Adhesive Technologies Việt Nam	18.651.324.009	19.266.253.346
- Maersk Line A/S	12.611.298.067	6.860.063.105
- Công ty TNHH Kinh Đô Miền Bắc	10.935.292.981	8.536.399.145
- Công ty TNHH Dịch Vụ EB	6.694.437.206	6.789.904.064
- Công ty TNHH Logistics Thoresen Vinama	3.441.985.920	55.425.439.976
- Công ty Cổ phần Giao Nhận Toàn Cầu DHL Việt Nam	-	59.120.669.216
- Công ty TNHH Samsung SDS Việt nam	-	44.468.181.172
- Công ty Cổ phần ALS SDS	-	42.898.950.301
- Công ty TNHH Logistics Agility	-	26.249.529.820
- Công ty TNHH Viettrans	1.794.076.967	20.882.726.113
- Các khách hàng khác	199.484.675.478	430.285.540.329
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 31)	2.879.747.709	2.704.872.845
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>277.995.368.655</b>	<b>742.976.762.065</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng	(7.764.946.794)	(4.460.413.347)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>270.230.421.861</b>	<b>738.516.348.718</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.460.413.347	2.902.888.547
Dự phòng trích lập trong năm	3.507.036.736	1.557.524.800
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(202.503.289)	-
Số cuối năm	7.764.946.794	4.460.413.347

## 8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Searefico	42.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hàng Không Lữ hành Việt Nam	19.897.868.642	-
Các nhà cung cấp khác	29.723.840.075	24.038.114.712
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 31)	-	103.264.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>91.621.708.717</b>	<b>24.141.378.712</b>

## 9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng nhân viên	77.498.174.067	29.001.332.451
Ký quỹ (*)	55.047.396.689	204.355.171.816
Chi hộ	30.403.225.889	45.805.611.761
Lãi dự thu	7.348.897.766	3.059.673.011
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 31)	616.114.123	729.480.882
Khác	39.169.203.298	45.795.228.252
	<b>210.083.011.832</b>	<b>328.746.498.173</b>
<b>Dài hạn</b>		
Ký quỹ	14.384.571.890	10.984.909.680
Khác	11.104.238.400	575.871.153
	<b>25.488.810.290</b>	<b>11.560.780.833</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>235.571.822.122</b>	<b>340.307.279.006</b>

(\*) Số cuối năm chủ yếu thể hiện các khoản tiền ký quỹ tại ngân hàng để bảo lãnh thanh toán theo yêu cầu của các hãng hàng không cho dịch vụ vận chuyển quốc tế và được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 22).

## 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>12.498.158.445</b>	<b>14.811.550.933</b>
Chi phí sửa chữa	4.307.035.862	3.642.827.355
Công cụ, dụng cụ	3.296.719.217	2.540.529.182
Chi phí bảo hiểm	1.577.246.055	1.528.878.186
Chi phí phát hành trái phiếu trả trước	-	4.200.000.000
Khác	3.317.157.311	2.899.316.210
<b>Dài hạn</b>	<b>135.706.339.552</b>	<b>35.450.344.321</b>
Chi phí thuê đất	101.672.399.413	6.748.258.716
Chi phí sửa chữa	13.406.619.719	9.613.518.380
Tiền đến bù giải phóng mặt bằng	8.037.392.920	8.212.435.960
Công cụ, dụng cụ	3.783.541.865	3.392.752.486
Khác	8.806.385.635	7.483.378.779
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>148.204.497.997</b>	<b>50.261.895.254</b>

## 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Số đầu năm	776.951.977.796	74.696.226.272	591.680.187.238	12.391.777.799	106.462.967.627	1.562.183.136.732
Mua trong năm	6.029.828.800	9.293.833.209	118.398.903.328	154.409.091	456.000.000	134.332.974.428
Đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	90.950.907.217	28.816.510.089	750.000.000	-	-	120.517.417.306
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	7.894.394.632	-	-	7.894.394.632
Thanh lý	(35.004.750.428)	(2.429.356.427)	(55.956.293.325)	(4.402.294.078)	(165.000.000)	(97.957.694.258)
Số cuối năm	838.927.963.385	110.377.213.143	662.767.191.873	8.143.892.812	106.753.967.627	1.726.970.228.840
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	57.936.327.897	505.052.500	117.326.162.653	3.314.519.950	23.236.441.907	202.318.504.907
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Số đầu năm	(205.868.324.101)	(15.902.648.076)	(298.304.648.863)	(8.142.708.076)	(45.874.743.031)	(574.093.072.147)
Khấu hao trong năm	(30.622.600.512)	(8.903.743.939)	(58.906.676.161)	(2.906.013.321)	(5.459.920.150)	106.798.954.083)
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	(2.434.105.013)	-	-	(2.434.105.013)
Thanh lý	14.093.471.214	81.742.568	31.424.487.101	3.111.911.634	159.500.058	48.871.112.575
Số cuối năm	(222.397.453.399)	(24.724.649.447)	(328.220.942.936)	(7.936.809.763)	(51.175.163.123)	(634.455.018.668)
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	571.083.653.695	58.793.578.196	293.375.538.375	4.249.069.723	60.588.224.596	988.090.064.585
Số cuối năm	616.530.509.986	85.652.563.696	334.546.248.938	207.083.049	55.578.804.504	1.092.515.210.172

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Tập đoàn đã thế chấp quyền một số tài sản nhằm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

## 12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Trang web	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	97.334.381.074	10.993.951.589	32.500.000	108.360.832.663
Mua trong năm	900.000.000	194.000.000	-	1.094.000.000
Thanh lý	(44.285.400.000)	-	-	(44.285.400.000)
Phân loại lại	(38.424.366.060)	-	-	(38.424.366.060)
Số cuối năm	15.524.615.014	11.187.951.589	32.500.000	26.745.066.603
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	-	3.047.065.220	32.500.000	3.079.565.220
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu năm	(10.610.043.796)	(7.875.104.390)	(32.500.000)	(18.517.648.186)
Hao mòn trong năm	-	(1.001.517.557)	-	(1.001.517.557)
Thanh lý	10.610.043.796	-	-	10.610.043.796
Số cuối năm	-	(8.876.621.947)	(32.500.000)	(8.909.121.947)
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	86.724.337.278	3.118.847.199	-	89.843.184.477
Số cuối năm	15.524.615.014	2.311.329.642	-	17.835.944.656

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Tập đoàn đã thế chấp một số quyền sử dụng đất nhằm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

## 13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc
<b>Nguyên giá:</b>	
Số đầu năm	85.949.359.948
Mua trong năm	2.446.378.700
Số cuối năm	88.395.738.648
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>	
Số đầu năm	(39.057.014.936)
Khấu hao trong năm	(5.728.836.282)
Số cuối năm	(44.785.851.218)
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Số đầu năm	46.892.345.012
Số cuối năm	43.609.887.430

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn là Tòa nhà Transimex tọa lạc tại 172 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Các khoản doanh thu và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày tại Thuyết minh số 25.1 và Thuyết minh số 26.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế và giá trị thị trường của tài sản, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày này.

## 14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

VND

	Xe nâng
<b>Nguyên giá:</b>	
Số đầu năm	27.035.271.522
Thanh lý	(10.583.063.912)
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(7.894.394.632)
Số cuối năm	8.557.812.978
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>	
Số đầu năm	(6.254.136.015)
Khấu hao trong năm	(2.310.490.116)
Thanh lý	3.777.122.553
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	2.434.105.013
Số cuối năm	(2.353.398.565)
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Số đầu năm	20.781.135.507
Số cuối năm	6.204.414.413

## 15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kho lạnh	75.680.646.811	-
Trung tâm logistics Vinatrans Đà Nẵng	-	85.377.107.614
Chi phí dự án khác	27.315.438.429	9.134.004.268
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>102.996.085.240</b>	<b>94.511.111.882</b>

## 16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Thuyết minh 16.1)	2.345.064.719.114	1.937.075.080.607
Đầu tư vào đơn vị khác (Thuyết minh 16.2)	11.540.486.487	11.540.486.443
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 16.3)	1.000.000.000	27.200.200.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.357.605.205.601</b>	<b>1.975.815.767.050</b>

### 16.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tên	Quan hệ	Hoạt động kinh doanh	Tình trạng	Số cuối năm		Số đầu năm	
				Giá trị đầu tư	% Lợi ích	Giá trị đầu tư	% Lợi ích
				VND	%	VND	%
Công ty TNHH Nippon Express (Việt Nam) ("Nippon")	Công ty liên doanh	Dịch vụ vận tải	Đang hoạt động	841.873.722.908	50,00	683.561.022.030	50,00
Công ty Cổ phần Cảng Mipec ("MIPEC") (i)	Công ty liên kết	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	Đang hoạt động	570.866.799.923	38,34	424.729.752.213	35,86
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư Chợ Lớn ("Cholimex") (ii)	Công ty liên kết	Thương mại và dịch vụ	Đang hoạt động	465.636.188.291	30,11	494.829.587.230	35,02
Công ty TNHH Vận Tải Container Hải An ("HACT")	Công ty liên kết	Vận tải ven biển và viễn dương	Đang hoạt động	169.004.660.875	20,00	98.354.735.026	20,00
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận Tải Ngoại thương ("VNT") (iii)	Công ty liên kết	Dịch vụ giao nhận vận chuyển	Đang hoạt động	162.574.867.039	33,87	147.904.188.289	31,33
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Vận tải Và Thương mại ("TJC") (iv)	Công ty liên kết	Thương mại và dịch vụ	Đang hoạt động	83.324.287.753	49,51	35.799.312.560	32,98
Công ty Cổ phần Thủy Đạc Sản ("Seaspimex")	Công ty liên kết	Sản xuất và thương mại	Đang hoạt động	48.254.099.570	20,04	47.028.728.383	20,00
Công ty Cổ phần điện Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc	Công ty liên kết	Sản xuất và kinh doanh	Đang hoạt động	3.530.092.755	20,00	4.867.754.876	20,00
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>2.345.064.719.114</b>		<b>1.937.075.080.607</b>	

(i) Vào ngày 23 tháng 8 năm 2022, MIPEC đã phát hành 30.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, Tập đoàn đã đăng ký mua 15.931.550 cổ phiếu với số tiền đăng ký là 175.247.050.000 VND và quyền sở hữu trực tiếp của Tập đoàn đã tăng từ 35,86% lên 38,34%.

(ii) Năm 2022, Tập đoàn đã chuyển nhượng 4.254.200 cổ phiếu CLX, tương đương với 4,91% tỷ lệ sở hữu, với tổng số tiền là 126.463.230.200 VND. Lãi từ giao dịch thanh lý này là 70.346.221.176 VND và đã được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo tài chính hợp nhất (Thuyết minh số 25.2).

Tập đoàn đã thế chấp một phần cổ phiếu CLX để làm tài sản đảm bảo cho các khoản trái phiếu (Thuyết minh 22.5).

(iii) Năm 2022, Tập đoàn đã mua 249.700 cổ phiếu VNT từ các cổ đông hiện hữu với số tiền là 21.713.851.995 VND và tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn đã tăng từ 31,33% lên 33,87%.

(iv) Năm 2022, Tập đoàn đã mua 1.421.780 cổ phiếu của TJC với số tiền 27.667.143.442 VND và tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn đã tăng từ 32,98% lên 49,51%.



Chi tiết đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết như sau:

		VND
<b>Giá gốc</b>		
Số đầu năm		1.020.954.631.417
Tăng thêm		266.885.661.347
Thanh lý		(42.542.000.000)
Số cuối năm		1.245.298.292.764
<b>Lợi nhuận lũy kế sau khi mua các công ty liên doanh, liên kết:</b>		
Số đầu năm		916.120.449.190
Phần lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết trong năm		353.783.843.815
Cổ tức		(140.340.760.000)
Thanh lý		(29.797.106.655)
Số cuối năm		1.099.766.426.350
<b>Giá trị còn lại:</b>		
Số đầu năm		1.937.075.080.607
Số cuối năm		2.345.064.719.114

#### 16.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

			VND
Tên công ty	Số cuối năm	Số đầu năm	
Công ty Liên doanh Vận Tải Việt Nhật (Konoike Vina)	4.917.335.327	4.917.335.283	
Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam	4.246.950.000	4.246.950.000	
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	1.650.000.000	1.650.000.000	
Công ty TNHH Vận Tải Ô tô Vina Vinatrans	726.150.000	726.150.000	
Công ty Cổ phần Vận Tải và Xếp Dỡ Hải An	51.160	51.160	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.540.486.487</b>	<b>11.540.486.443</b>	

#### 16.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Số cuối năm thể hiện giá trị của 10.000 trái phiếu thường do Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam phát hành, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu, hưởng lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tham chiếu + 0,7%/năm. Các trái phiếu này sẽ đáo hạn vào ngày 28 tháng 11 năm 2024.

### 17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

		VND
<b>Nguyên giá:</b>		
Số đầu năm và số cuối năm		51.870.626.212
<b>Phân bổ lũy kế:</b>		
Số đầu năm		(11.183.310.454)
Phân bổ trong năm		(6.302.581.384)
Số cuối năm		(17.485.891.838)
<b>Giá trị còn lại:</b>		
Số đầu năm		40.687.315.758
Số cuối năm		34.384.734.374

### 18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Phải trả bên thứ ba	125.642.374.679	422.577.764.283	
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Tâm	14.694.226.350	-	
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	11.451.724.051	13.819.458.997	
- Hãng hàng không Etihad Airways	-	193.061.537.301	
- Công ty TNHH Thoresen – Vinama Logistics	455.488.562	22.827.330.658	
- Các bên khác	99.040.935.716	192.869.437.327	
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)	1.531.706.619	1.687.831.983	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>127.174.081.298</b>	<b>424.265.596.266</b>	

### 19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

					VND
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm	
Thuế giá trị gia tăng	2.548.614.897	75.100.989.307	(74.351.214.311)	3.298.389.893	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.872.064.123	101.821.490.210	(43.868.792.342)	79.824.761.991	
Thuế thu nhập cá nhân	4.998.309.004	19.338.413.503	(21.465.606.533)	2.871.115.974	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	4.697.264.041	2.367.373.863	(18.741.843)	7.045.896.061	
Thuế nhà thầu	2.036.103.102	40.698.644.533	(42.366.122.418)	368.625.217	
Thuế khác	-	283.733.002	(280.733.002)	3.000.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>36.152.355.167</b>	<b>239.610.644.418</b>	<b>(182.351.210.449)</b>	<b>93.411.789.136</b>	

### 20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Chi phí vận chuyển	18.835.103.753	20.204.183.236	
Chi phí thuê kho	9.972.067.403	-	
Chi phí lãi vay	3.022.651.929	3.322.425.403	
Khác	4.758.823.870	8.574.056.252	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>36.588.646.955</b>	<b>32.100.664.891</b>	

## 21. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>220.741.416.933</b>	<b>344.346.107.841</b>
Thu hộ các hãng tàu	107.650.784.662	129.640.753.449
Thu hộ từ bán vé máy bay và cước vận chuyển quốc tế	71.139.623.319	93.639.228.127
Nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13.723.035.370	77.529.469.691
Lãi vay	12.499.025.620	93.317.225
Cổ tức	6.175.703.632	1.302.700.985
Phí hoa hồng	670.526.450	18.785.282.772
Khác	8.882.717.880	23.355.355.592
<b>Dài hạn</b>	<b>18.695.607.789</b>	<b>17.694.328.319</b>
Nhận ký quỹ	18.695.607.789	17.694.328.319
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>239.437.024.722</b>	<b>362.040.436.160</b>
Trong đó:		
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)	763.824.376	-
Phải trả bên thứ ba	238.673.200.346	362.040.436.160

## 22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>278.622.398.176</b>	<b>716.762.034.731</b>
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 22.2)	179.082.576.379	469.039.213.226
Thuê tài chính dài hạn đến hạn phải trả (Thuyết minh 22.1)	923.351.984	7.147.575.240
Vay dài hạn đến hạn phải trả (Thuyết minh 22.2)	52.875.606.788	71.000.054.700
Vay bên liên quan đến hạn trả (Thuyết minh 22.3)	41.445.679.100	15.280.007.640
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	-	150.000.000.000
Vay khác	4.295.183.925	4.295.183.925
<b>Vay dài hạn</b>	<b>545.535.750.068</b>	<b>583.264.595.224</b>
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh 22.2)	150.533.350.074	134.324.699.150
Vay bên liên quan (Thuyết minh 22.3)	102.502.400.000	157.562.007.640
Thuê tài chính (Thuyết minh 22.1)	-	923.342.980
Trái phiếu (Thuyết minh 22.4)	292.499.999.994	290.454.545.454
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>824.158.148.244</b>	<b>1.300.026.629.955</b>

Biến động khoản vay và trái phiếu trong năm như sau:

	VND		
	Ngắn hạn	Dài hạn	Tổng cộng
Số đầu năm	716.762.034.731	583.264.595.224	1.300.026.629.955
Vay trong năm	1.035.770.640.711	69.787.715.197	1.105.558.355.908
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.189.000.000	(13.613.928.540)	(12.424.928.540)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	2.045.454.540	2.045.454.540
Trả trong năm	(1.570.343.906.134)	(703.457.485)	(1.571.047.363.619)
Phân loại lại	95.244.628.868	(95.244.628.868)	-
Số cuối năm	278.622.398.176	545.535.750.068	824.158.148.244

### 22.1 Thuê tài chính

Chi tiết khoản thuê tài chính của Tập đoàn được trình bày như sau:

Khoản nợ	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm
<b>Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease</b>			
Khoản vay 1	923.351.984	Ngày 20 tháng 6 năm 2023	9 – 9,3
Trong đó:			
Dài hạn đến hạn trả	923.351.984		
Dài hạn	-		

### 22.2 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Tập đoàn có các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động, với chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (USD)	Ngày đáo hạn	Lãi suất % /năm	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng TNHH Standard Chartered</b>					
Khoản vay 1	137.634.000.000	5.800.000	Ngày 26 tháng 12 năm 2023	9,09	Tín chấp
<b>Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam</b>					
Khoản vay 1	36.820.768.005	-	Ngày 27 tháng 4 năm 2023	4,54	Tín chấp
<b>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>					
Khoản vay 1	4.627.808.374	-	Ngày 24 tháng 2 năm 2023	4,8	Tiền gửi kỳ hạn - 135.000.000.000 VND và khoản ký quỹ (Thuyết minh số 6.1 và 9)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>179.082.576.379</b>				

## 22.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Tập đoàn có các khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động, với chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam</b>				
Khoản vay 1	82.625.000.000	Ngày 23 tháng 7 năm 2026	7,00	Khoản phải thu; máy móc và phương tiện vận tải
Khoản vay 2	3.653.000.000	Ngày 10 tháng 7 năm 2023	6,99	Quyền sử dụng đất, tài sản liên kết tại Khu Công nghệ cao Sài Gòn
Khoản vay 3	80.466.278.074	Từ ngày 26 tháng 11 năm 2028 đến ngày 6 tháng 12 năm 2028	7,00	Các quyền sử dụng đất tại số 49 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng và số 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
Khoản vay 4	28.781.699.150	Ngày 6 tháng 1 năm 2025	6,99	Hệ thống điện mặt trời hòa lưới
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>195.525.977.224</b>			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	51.191.699.150			
Vay dài hạn	144.334.278.074			
<b>Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam</b>				
Khoản vay 1	7.882.979.638	Ngày 1 tháng 3 năm 2029	7,2	Quyền sử dụng đất, nhà máy, máy móc và thiết bị
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.882.979.638</b>			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	1.683.907.638			
Vay dài hạn	6.199.072.000			

## 22.3 Vay từ bên liên quan

Tập đoàn có các khoản vay từ Ryobi Holdings Co., Ltd., một bên liên quan của Tập đoàn, với chi tiết được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND) (JPY)/(USD)	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
<b>Ryobi Holdings Co., Ltd.</b>				
Khoản vay 1 - JPY	128.128.000.000 / 700.000.000	Từ ngày 29 tháng 3 năm 2023 đến ngày 29 tháng 3 năm 2027	1,75	Máy móc và các thiết bị tại Trung tâm kho cảng ICD và Trung tâm logistics Transimex Đà Nẵng; 1.500.000 cổ phần tại VNT
Khoản vay 2 - USD	15.820.079.100 / 666.670	Từ ngày 29 tháng 9 năm 2022 đến ngày 29 tháng 9 năm 2023	3,16	Tài sản tại Trung tâm kho cảng ICD

## TỔNG CỘNG 143.948.079.100

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	41.445.679.100
Vay dài hạn	102.502.400.000

## 22.4 Trái phiếu dài hạn

Chi tiết các khoản trái phiếu thường trong nước nhằm bổ sung vốn cho các hoạt động đầu tư và kinh doanh được trình bày như sau:

Bên mua	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo (*)
Ngày phát hành: 13 tháng 8 năm 2021	300.000.000.000	Ngày 13 tháng 8 năm 2026	8,3	17.300.000 cổ phiếu CLX, 16.500.000 cổ phiếu VNF
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	(7.500.000.006)			
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>292.499.999.994</b>			
Trong đó:				
Ngân hàng KeB Hana - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	175.499.999.996			
Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam	116.999.999.998			

(\*) Vào ngày 13 tháng 2 năm 2023, Tập đoàn đã bổ sung thêm 200.000 cổ phiếu PDN làm tài sản đảm bảo cho khoản trái phiếu nêu trên.

## 23. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Số đầu năm	Tăng do trích lập (*)	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	38.154.577.556	24.927.918.663	(28.428.564.534)	34.653.931.685
Quỹ phúc lợi hình thành TSCĐ	114.352.977	-	-	114.352.977
Quỹ hoạt động và quỹ thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	9.971.713.564	18.941.309.767	(8.728.378.790)	20.184.644.541
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>48.240.644.097</b>	<b>43.869.228.430</b>	<b>(37.156.943.324)</b>	<b>54.952.929.203</b>

(\*) Giá trị quỹ được trích lập trong năm bao gồm giá trị đã trích bổ sung quỹ hoạt động và quỹ thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 với số tiền là 7.361.835.968 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2022-BB ĐHCĐ-TMS ngày 28 tháng 4 năm 2022 và quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ hoạt động và quỹ thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc với số tiền lần lượt là 15.753.305.262 VND và 11.579.473.799 VND được trích từ nguồn lợi nhuận trước thuế TNDN năm 2022 theo Nghị quyết HĐQT số 65/NQ HĐQT NK5-TMS ngày 6 tháng 3 năm 2023, phù hợp với tỷ lệ trích quỹ đã được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2022-BB ĐHCĐ-TMS ngày 28 tháng 4 năm 2022 và trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tại các công ty con của Tập đoàn là 9.174.613.401 VND.

## 24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 24.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND						
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>							
Số đầu năm	708.221.610.000	350.319.846.123	(189.990.900)	133.757.049.998	-	918.573.313.290	2.346.510.165.476
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	228.346.900.000	-	-	-	-	(228.346.900.000)	-
Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	122.146.970.000	366.385.910.000	-	-	-	-	488.532.880.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	570.614.419.061	620.899.931.038
Cổ tức công bố	-	-	-	-	9.959.446.608	(40.715.658.000)	(32.899.461.392)
Trích lập các quỹ	-	-	-	20.962.000.000	-	(43.947.181.070)	(26.695.176.960)
Mua cổ phần và góp vốn	-	-	-	2.869.508	-	(10.524.508.664)	88.165.272.296
Khác	-	-	-	-	-	75.449.404	5.402.249.404
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.058.715.480.000</b>	<b>716.705.756.123</b>	<b>(189.990.900)</b>	<b>154.721.919.506</b>	<b>9.959.446.608</b>	<b>1.165.728.934.021</b>	<b>3.489.915.859.862</b>
<b>Năm nay</b>							
Số đầu năm	1.058.715.480.000	716.705.756.123	(189.990.900)	154.721.919.506	9.959.446.608	1.165.728.934.021	3.105.641.545.358
Cổ tức bằng cổ phiếu nhận được từ công ty con	-	-	-	-	37.336.222.100	(37.336.222.100)	-
Giao dịch vốn với các cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(176.844.177)	(176.844.177)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	660.744.996.699	660.744.996.699
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.000.000.000	405.529.887	(15.076.001.068)	(12.670.471.181)
Khác	-	-	-	-	-	(613.543.203)	(613.543.203)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.058.715.480.000</b>	<b>716.705.756.123</b>	<b>(189.990.900)</b>	<b>156.721.919.506</b>	<b>47.701.198.595</b>	<b>1.773.271.320.172</b>	<b>3.752.925.683.496</b>

## 24.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm	1.058.715.480.000	708.221.610.000
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	-	228.346.900.000
Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	-	122.146.970.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.058.715.480.000</b>	<b>1.058.715.480.000</b>
<b>Cổ tức trong năm</b>	<b>-</b>	<b>268.578.639.975</b>
Cổ tức bằng tiền	-	41.174.989.975
Cổ tức bằng cổ phiếu	-	227.403.650.000

## 24.3 Cổ phiếu phổ thông

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	105.871.548	105.871.548
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	105.871.548	105.871.548
Cổ phiếu phổ thông	105.871.548	105.871.548
Cổ phiếu quỹ	(11.619)	(11.619)
Cổ phiếu phổ thông	(11.619)	(11.619)
Cổ phiếu đang lưu hành	105.859.929	105.859.929
Cổ phiếu phổ thông	105.859.929	105.859.929

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

## 24.4 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Số đầu năm</b>	<b>384.274.314.504</b>	<b>235.828.336.965</b>
Góp vốn	22.838.949.748	79.838.870.000
Giao dịch vốn với Tập đoàn	(12.500.025.646)	18.848.041.452
Lợi nhuận thuần trong năm	21.569.635.111	50.285.511.977
Cổ tức công bố	(17.541.362.576)	(2.143.250.000)
Trích lập các quỹ	(3.988.848.273)	(3.709.995.890)
Khác	7.446.189	5.326.800.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>394.660.109.057</b>	<b>384.274.314.504</b>

## 24.5 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>660.669.245.736</b>	<b>563.252.583.093</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (i)	121.738.226	109.556.902
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	5.427	5.208
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	5.427	5.208

Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh việc phát hành 15.878.297 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn thặng dư vốn cổ phần trong tháng 2 năm 2023 (Thuyết minh số 34).

Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

## 25. DOANH THU

### 25.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>3.656.259.677.895</b>	<b>6.389.529.794.726</b>
Doanh thu cước vận tải, vé máy bay và dịch vụ giao nhận hàng hóa	2.752.050.132.335	5.628.760.230.228
Doanh dịch vụ kho vận, sà lan	542.990.545.819	570.170.178.730
Doanh thu cho thuê văn phòng	60.188.144.481	54.402.736.103
Doanh thu bán bất động sản	187.000.000.000	-
Doanh thu dịch vụ khác	114.030.855.260	136.196.649.665
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Giảm giá hàng bán	(8.171.830.186)	(8.264.166.808)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>3.648.067.847.709</b>	<b>6.381.265.627.918</b>
Trong đó:		
Doanh thu bên liên quan	23.420.727.803	13.933.480.950
Doanh thu bên thứ ba	3.624.647.119.906	6.367.332.146.968

## 25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	70.346.221.176	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	36.957.312.990	42.859.189.747
Lãi tiền gửi ngân hàng	33.186.340.801	21.603.794.439
Cổ tức, lợi nhuận được chia	19.572.775.527	8.523.804.113
Khác	145.213.417	6.983.842.912
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>160.207.863.911</b>	<b>79.970.631.211</b>

## 26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cước vận tải, vé máy bay và dịch vụ giao nhận hàng hóa	2.448.782.825.923	5.253.493.590.015
Giá vốn dịch vụ kho vận, sà lan	372.908.420.174	486.247.186.105
Giá vốn cho thuê văn phòng	27.744.193.416	32.469.941.499
Giá vốn bán bất động sản	52.469.830.889	-
Giá vốn dịch vụ khác	196.240.709.262	62.798.060.216
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.098.145.979.664</b>	<b>5.835.008.777.835</b>

## 27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	58.401.732.021	54.953.264.188
Lỗ chênh lệch tỷ giá	23.803.412.371	9.572.416.109
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu, và các chi phí đi vay khác	5.455.954.125	6.019.118.181
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	975.910.062	-
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư	-	19.739.644.635
Khác	58.330.233	1.223.093.236
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>88.695.338.812</b>	<b>91.507.536.349</b>

## 28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>29.783.011.326</b>	<b>55.162.502.579</b>
Chi phí hoa hồng môi giới	28.779.590.819	54.658.962.568
Chi phí khác	1.003.420.507	503.540.011
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>173.874.207.197</b>	<b>159.649.122.560</b>
Chi phí nhân viên	96.592.004.535	99.146.578.908
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.515.604.624	39.650.480.322
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.419.514.917	2.457.518.342
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.604.095.837	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	928.150.206	1.069.717.602
Chi phí khác	28.814.837.078	17.324.827.386
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>203.657.218.523</b>	<b>214.811.625.139</b>

## 29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.632.770.989.961	5.362.360.241.005
Chi phí nhân viên	326.713.016.584	399.065.455.966
Chi phí nguyên vật liệu	149.001.634.636	126.008.668.434
Chi phí khấu hao tài sản cố định	118.273.903.051	108.302.173.336
Chi phí khác	75.043.653.955	54.083.864.233
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.301.803.198.187</b>	<b>6.049.820.402.974</b>

## 30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 30.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	95.436.963.692	74.086.973.387
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(9.906.409.331)	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	6.384.526.518	864.296.080
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>91.915.080.879</b>	<b>74.951.269.467</b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>774.229.712.689</b>	<b>695.851.200.505</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	154.845.942.538	139.170.240.101
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Điều chỉnh hợp nhất	8.956.120.826	9.993.155.033
Chi phí không được trừ	4.237.383.337	5.243.731.553
Phân bổ lợi thế thương mại	1.260.516.277	1.260.516.278
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	6.384.526.518	864.296.080
Giảm 30% thuế TNDN theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020	(760.507.552)	-
Cổ tức	(3.914.555.105)	(1.704.760.823)
Dự phòng khoản đầu tư	(8.337.577.197)	-
Lợi nhuận từ công ty liên kết	(70.756.768.763)	(79.875.908.755)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>91.915.080.879</b>	<b>74.951.269.467</b>

### 30.2 Thuế TNDN

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

### 30.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho khoản chênh lệch tạm thời như sau:

	VND			
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa thực hiện	1.568.832.134	-	1.568.832.134	-
Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết	8.337.577.197	-	8.337.577.197	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>9.906.409.331</b>	<b>-</b>	<b>9.906.409.331</b>	<b>-</b>
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

## 31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Duy Hiệp	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên HĐQT
Ông Toshiyuki Matsuda	Thành viên HĐQT
Ông Charvanin Bunditkitsada	Thành viên HĐQT
Ông Vũ Chinh	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Tôn Thất Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Chí Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Phúc Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Hải	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 6 tháng 3 năm 2023)
Ông Lê Văn Hùng	Giám đốc Tài chính
Bà Nguyễn Hồng Kim Chi	Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Bảo Trung	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 13 tháng 2 năm 2023)
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Kim Hậu	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thái Nhi	Phụ trách Quản trị
SHTL	Công ty con trực tiếp
SHTP	Công ty con gián tiếp
VNF	Công ty con trực tiếp
TLL	Công ty con trực tiếp
BDS	Công ty con trực tiếp
TOT (trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Transimex)	Công ty con trực tiếp
Vinatrans Da Nang	Công ty con trực tiếp
VLL	Công ty con trực tiếp
DC	Công ty con trực tiếp
LAI	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc Tơ Quốc Tế ("Véc Tơ Quốc Tế")	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con Đường Việt	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Hậu cần Toàn cầu SFS Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Logistics Xuê Hằng Việt Nam	Công ty con gián tiếp

### 31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Mipec	Công ty liên kết
CLX	Công ty liên kết
VNT	Công ty liên kết
TJC	Công ty liên kết
SPV	Công ty liên kết
HACT	Công ty liên kết
Nippon	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Điện Khu công nghiệp Vĩnh Lộc	Công ty liên kết
Ryobi Holdings Co.Ltd. ("Ryobi")	Công ty liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Logistics Quốc tế Ryobi (Việt Nam)	Cổ đông lớn
JWD InfoLogistics Public Company Limited	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải	Công ty liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	Công ty liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Thương mại Phú Nhuận	Công ty liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn	Công ty liên quan của Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vinaprint	Công ty liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải MACS	Công ty liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Vina	Công ty liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn	Công ty liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Merufa	Công ty liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Haneco	Công ty liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Prosper Logistics	Công ty liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	Công ty liên quan của Trưởng BKS
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	Công ty liên quan của Thành viên BKS
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành	Công ty liên quan của Giám đốc Tài chính

### 31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Nippon	Công ty liên doanh	Lợi nhuận được chia	116.500.000.000	41.500.000.000
		Cung cấp dịch vụ	13.810.006.377	6.425.154.436
VNT	Công ty liên kết	Góp vốn	21.713.851.995	-
		Sử dụng dịch vụ	11.221.500	16.219.512.440
		Cung cấp dịch vụ	145.088.566	2.816.881.299
HACT	Công ty liên kết	Lãi vay thu được	653.471.001	606.922.382
		Thu nhập cổ tức	8.000.000.000	8.000.000.000
		Sử dụng dịch vụ	70.612.458	2.092.864.431
Seaspimex	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	1.732.531.746	1.289.627.273
		Cung cấp dịch vụ	7.733.101.114	3.401.817.942
CLX	Công ty liên kết	Sử dụng dịch vụ	193.412.727	-
		Thu nhập cổ tức	7.822.140.000	-
TJC	Công ty liên kết	Sử dụng dịch vụ	6.685.540.437	-
		Góp vốn	27.667.143.442	-

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
VNT	Công ty liên kết	Trái phiếu	25.200.200.000	-
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>				
HACT	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	445.175.840	-
Nippon	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ	1.791.013.816	1.370.058.762
Seaspimex	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	643.558.053	1.219.704.308
VNT	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	-	103.790.000
Vinalink	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	-	11.319.775
			<b>2.879.747.709</b>	<b>2.704.872.845</b>
<b>Phải thu khác</b>				
Nippon	Công ty liên doanh	Thu hộ	9.191.740	610.422.382
VNT	Công ty liên kết	Thu hộ	606.922.383	119.058.500
			<b>616.114.123</b>	<b>729.480.882</b>



### 31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
VNT	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	1.214.156.619	1.169.546.524
VT&TM	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	-	482.965.900
Vinalink	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	-	35.319.559
HACT	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	317.550.000	-
			<b>1.531.706.619</b>	<b>1.687.831.983</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
Ryobi Holdings Co. Ltd.	Cổ đông lớn	Lãi vay	763.824.376	-
<b>Ứng trước cho người bán</b>				
CLX	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	-	103.264.000
<b>Vay</b>				
Ryobi Holdings Co. Ltd.	Cổ đông lớn	Vay	143.948.079.100	172.842.015.280

#### Các giao dịch khác với các bên liên quan

Thu nhập và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

VND			
Chức vụ	Năm nay	Năm trước	
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	4.162.378.408	2.283.913.134
Ông Lê Duy Hiệp	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	3.237.291.880	1.972.170.399
Ông Vũ Chinh	Thành viên HĐQT độc lập	512.095.738	99.999.996
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	512.095.738	99.999.996
Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên HĐQT	512.095.738	99.999.996
Ông Toshiyuki Matsuda	Thành viên HĐQT	115.000.000	-
Ông Charvanin Bunditkitsada	Thành viên HĐQT	526.600.000	112.500.000
Ông Masafumi Inoue	Thành viên HĐQT	411.600.000	112.500.000
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	272.911.803	99.999.996
Bà Nguyễn Kim Hậu	Thành viên Ban Kiểm soát	215.669.974	80.000.004
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên Ban Kiểm soát	215.669.974	80.000.004
Ông Lê Phúc Tùng	Phó Tổng Giám đốc	1.591.858.013	1.133.978.566
Ông Nguyễn Bảo Trung	Phó Tổng Giám đốc	1.498.458.348	1.010.940.419
Ông Nguyễn Chí Đức	Phó Tổng Giám đốc	704.691.619	1.129.352.171
Ông Tôn Thất Hưng	Phó Tổng Giám đốc	660.180.362	-
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	-	1.099.674.200
Ông Lê Văn Hùng	Giám đốc tài chính	1.203.609.157	795.135.941
Bà Nguyễn Hồng Kim Chi	Kế toán trưởng	940.383.148	678.546.936
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>17.292.589.900</b>	<b>10.888.711.758</b>

### 32. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

#### Cam kết theo hợp đồng cho thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền cho thuê phải thu tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	34.573.788.174	33.128.814.924
Trên 1 đến 5 năm	56.203.928.006	69.798.505.044
Trên 5 năm	-	79.800.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>90.777.716.180</b>	<b>182.727.319.968</b>

#### Cam kết theo hợp đồng thuê hoạt động

Tập đoàn thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động như sau:

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	33.554.219.032	28.871.613.850
Trên 1 đến 5 năm	92.354.889.247	91.147.102.733
Trên 5 năm	147.397.738.464	171.722.671.631
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>273.306.846.743</b>	<b>291.741.388.214</b>

### 33. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	6.202.220	2.234.538
- Đô la Hồng Kông (HKD)	2.500	2.500

### 34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Góp vốn thành lập các công ty con

Vào các ngày 16 và ngày 19 tháng 1 năm 2023, Công ty đã cùng các cổ đông sáng lập khác thành lập Công ty Cổ phần Transimex Shipping và Công ty Cổ phần Cảng Transimex.

Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu

Theo Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") thường niên số 01/2022-BB ĐHCĐ-TMS ngày 28 tháng 4 năm 2022 và theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ("HĐQT") số 59 ngày 23 tháng 12 năm 2022, ĐHCĐ và HĐQT đã thông qua phương án tăng vốn cổ phần bằng việc phát hành 15.878.989 cổ phiếu (tương đương tỉ lệ thực hiện 100:15 trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành) với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu cho các cổ đông từ nguồn thặng dư vốn cổ phần của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

# ANNUAL REPORT 2022

Vào ngày 8 tháng 2 năm 2023, Công ty đã phát hành 15.878.297 cổ phiếu, tương đương với tỷ lệ thực hiện là 15%, để tăng vốn cổ phần phù hợp với những Nghị quyết đã nêu trên. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 1.058.715.480.000 VND lên 1.217.498.450.000 VND vào ngày này. Vào ngày 17 tháng 2 năm 2023, Công ty đã nhận GCNĐKDN điều chỉnh được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh về việc tăng vốn điều lệ này.

*Mua thêm cổ phần do MIPEC phát hành*

Vào ngày 7 tháng 2 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất mua thêm 5.411.200 cổ phần do MIPEC phát hành với tổng số tiền là 59.523.200.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại MIPEC tăng từ 38,34% đến 38,83%.

Ngoại trừ các sự kiện trên và các sự kiện được trình bày ở Thuyết minh số 6.1 và số 23, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 3 năm 2023



**Nguyễn Thanh Tùng**  
Người lập



**Nguyễn Hồng Kim Chi**  
Kế toán trưởng



**Bùi Tuấn Ngọc**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



# CHAIRMAN'S KEY MESSAGE

Consolidated profit before  
tax reached 774 billion  
Vietnam Dong

Total assets reached 5.571  
billion Vietnam Dong



Dear Shareholders, Partners, and Customers,  
Transimex Staff,

During the journey towards realizing its Vision and Mission of becoming Vietnam's leading end-to-end logistics corporation, Transimex has attained a multitude of noteworthy achievements. Most notably, in 2022, Transimex recorded the highest consolidated profit before tax in its 39 years of operation, amounting to 774 billion Vietnam Dong. Furthermore, the total assets of the company as of 31/12/2022 reached 5,571 billion Vietnam Dong. Lastly, it is noteworthy that Transimex has officially become the parent company of Mipec Port JSC.

As Transimex approaches the end of its 40-year journey of development, the year 2023 will hold immense significance for the company. It represents nearly 15,000 days of unwavering dedication, perfecting the service chain, and providing exceptional customer service, which fills each member of Transimex with immense pride. Apart from volume, revenue, and profit growth objectives, Transimex has set its sights on owning its first ships and containers bearing the Transimex brand by 2023. This significant step will contribute to the realization of the air, road, and sea logistics service supply chain, thereby further consolidating its position as the leading logistics company in Vietnam. This milestone marks a pivotal moment in Transimex's journey to serve its customers and lays the groundwork for future growth.

**"40 YEARS OF DRIVING EXCELLENCE"** is the theme for a series of events commemorating the 40th anniversary of Transimex in 2023. Transimex believes that excellence, though not perfection in and of itself, is a crucial element in achieving perfection, and this belief has been ingrained in every step the company has taken to become a leading provider of logistics services in Vietnam. This depicts the Transimex brand as a pioneering, off-road vehicle that never stops advancing and overcoming obstacles. With the tenacity of a pioneer, the appropriate strategy, an open vision, and the consensus of leaders and employees from multiple

generations, the Transimex off-road vehicle – which will celebrate its 40<sup>th</sup> anniversary in 2023 – has earned the confidence of shareholders, business partners, and customers.

On behalf of the Board of Directors, we extend our heartfelt gratitude to our Shareholders, Partners, and Customers for their invaluable support and trust with which Transimex advances every day, allowing us to be proud of the company's correct strategies and directions, as well as its tenacity and efforts to overcome numerous obstacles during its 40-year journey of development.

We would also like to express our appreciation to the current and past leaders of Transimex, heads of member units, and all employees who have contributed to the growth of Transimex. Their devotion is an inexhaustible source of fuel for our Transimex off-road vehicle, ensuring that it remains powerful and steady as it advances towards new territories.

We extend our warmest wishes to all Shareholders, Partners, and Customers for continued happiness, health, and success. Happy 40th birthday, Transimex! May the 50 – 60 – 70 anniversaries bring us more opportunities for **DRIVING EXCELLENCE!**

Best Regards,

**BUI TUAN NGOC**

**Chairman of The Board**

# REPORT OF THE EXECUTIVE BOARD



## REPORT OF THE EXECUTIVE BOARD ON BUSINESS PERFORMANCE IN 2022 AND BUSINESS PLAN IN 2023

### I. BUSINESS RESULTS ACHIEVE IN 2022

#### 1 Business result for fiscal year 2022 (consolidated)

Unit: Million VND

No.	Indicator	2021 Result	Year 2022		2022 Result vs	
			2022 Plan	2022 Result	2021 Result	2022 Plan
1	Consolidated revenue	6,381,266	3,455,210	3,648,088	57.2%	105.6%
2	Consolidated Earnings Before Tax (EBT)	695,851	497,842	774,230	111.3%	155.5%
3	EBT/Total revenue ratio	10.9%	14.4%	21.2%	194.6%	147.3%
4	Dividend (Cash and/or in stock)	15%	20%	-		

#### 2 Key note of the Company business result:

- **The consolidated revenue** in 2022 is **VND 3,648 billion**.
- **Consolidated Earnings Before Tax (EBT)** in 2022 reached **VND 774 billion**,
- Output of some service business segments of the Company grew in 2022 compared to the same period in 2021 as follows:
  - Cargo volume through out the warehouse system of the whole Company reached **2,030,997 tons**, increase 14% compared to 2021. Of which: Cold storage reached 264,384 tons (up 13.4%); CFS warehouse reached 458,956 tons (up 92.0%), General warehouse reached 1,307,657 tons (equivalent to 2021)
  - Container throughput of ICD Transimex port reached **277,652 Teu** (equivalent to 75.6% in 2021);
  - Inland Waterway container transport volume reached **232,795 Teu** (equivalent to 91.4% in 2021), road container transport reached 37,488 teu (up 16.5%)
  - General cargo transportation cargo volume reached **36,386 shipments** (up 33.3%). Contract Logistics Service handling volume reached **28,935 teu** of goods imported and exported by sea (up 32.9%) and **1,691 tons** of imported and exported goods by air (equivalent to 77.6% compared to 2021).
  - Volume of international freight forwarding agency services reached **17,655 teus of FCL**, 3,138 CBM of LCL and **524 tons of import and export** by air, of which FCL increased by 29.9% compared to 2021.
  - Handling volume of Heavy-Lift & OOG logistics services reached **5,000 tons**.
  - International Container Liner Agency Service (Agent for Dongjin Shipping): The company has arranged for **914 Voyages** for Dongjin Shipping Line to safely berthing & Unberthing Vietnamese ports. Transimex has carried out international port-to-port services with a total volume of **68,400 teu**.

### 3 Achievements in administration, remuneration policies, training, environmental protection, and Green Logistics development

- Continue to improve the organizational structure at all affiliated units; restructure to be more suitable for the implementation of corporate governance. In 2022, the Company transferred business activities and fixed assets belonging to the Logistics Department of the Company to Transimex Logistics Corporation (Subsidiary) in order to increase the efficiency of the Company's management and complete the service supply chain of member companies.
- The Office of the Board of Directors has been established to perform the functions and tasks approved by the Board of Directors, specifically, the work related to corporate governance, legislation, internal control, risk management and secretary of the Board of Directors; meet the requirements of improving governance, enhancing compliance throughout the Company's system.
- Continue to strengthen and deploy the application of information technology in logistics management, corporate governance and digitize service operation and exploitation.
- Gradually consolidate the organizational structure of the Sales and Marketing Department and thereby strengthening operational efficiency including the signing of large contracts with many new customers in 2022.
- Maintain the vertical management by the parent company over its member companies to strengthen centralized administration.
- The policies of bonus, welfare and remuneration are always focused in various forms:
  - The policy of bonus according to work performance and business results is applied openly and fairly to all employees.
  - Extraordinary bonus and annual reward for staff with excellent achievements.
  - The Company organizes regular health checks for all employees and upgrades the regular health check package for all managers to the highest level (international standard).
  - Organizing annual company trips for all employees, especially European trips for manager-level to enhance knowledge and new cultures from over the world.
  - Giving gifts and organizing programs on the International Women's Day - 8 March, and Vietnamese Women's Day - 20 October for all female employees.
  - Other policies of hospitality and support for employees are also implemented in accordance with the Company's collective labor agreement.
- Regarding the development of Green Logistics, in the whole system, Transimex has invested in solar power systems at Transimex Hi Tech Parks Logistics Co., Ltd., Transimex ICD Port, Vinatrans Danang Logistics Center, and Thang Long Logistics Services Corporation. These systems are generating good electricity and saving significant electricity costs. Continue to research locations where rooftop solar power can be installed for ongoing projects.

### 4 Branding promotion activities

- The Company's brand communication and promotion activities continue to be maintained and the Company's services are increasingly known to customers.
- Increase brand awareness and coverage, at the same time, find customers through offline and online marketing forms such as online PR through the Company's website, through social networks such as Google Adword, Facebooks Ads, LinkedIn, ....

### 5 Society Union and Corporate social responsibility activities:

- The Company organized sports activities such as soccer and tennis, etc. for staff to practice, and launches internal competitions between its departments as well as its member companies and associated companies. At the same time, the Corporation's staffs actively take part in sports movements organized by its subsidiaries, joint ventures or associated companies.

- The company is implementing programs and activities to celebrate its 40th anniversary (1983-2023). On February 18th, 2023, successfully organized the Fun-Run running event with the participation of partners, customers and more than 400 staff throughout the group.
- The company always take care and improve the quality of life for staffs, protect the environment, labor safety and business ethics.
- The development of the Company has contributed to the sustainable economic development of the Logistics industry and the country.
- The Corporation places emphasis on its social responsibility toward the community and attaches great importance to contributing to the society and voluntary benevolent and charitable activities. Specifically, the Company and the Company's Trade Union have conducted charity trips to help poor, studios children in remote and isolated areas and built houses of gratitude for poor households in the southwestern provinces and participate in the blood donation program organized by the VLA Association.

## II. BUSINESS PLAN FOR 2023

Unit: Million VND

No.	Indicator	Amount
1	Consolidated revenue	2,521,420
2	Consolidated earnings before tax (Earnings before tax - EBT).	317,050
3	EBT/Total revenue ratio	12.57%
4	Dividend (Cash and/or in stock)	20%

## III. BUSINESS STRATEGIES & ACTION PLAN FOR 2023

- The Corporation continues to implement its strategy of sustainable development by focusing on its core business line and perfecting its logistics service supply chain across the country. It will so carry out its strategies to increase investments in logistics infrastructure across key economic regions, together with its strategy to enhance the diversity of its logistics service supply chains, in order to increase its market shares in the field of logistics services.
- The main targets and plans to be implemented in 2023 include:
  - Maintain the position of TOP 10 prestigious companies in the Transport and Logistics industry, TOP 500 large enterprises in Vietnam and other noble titles.
  - Continue to restructure and perfect the corporate governance model. Promote comprehensive development in both business activities of the Company as well as internal management. Contribute capital to establish a legal entity to operate and exploit ICD Transimex Port.
  - Continue to cooperate and coordinate effectively with the member companies in the group to complete the overall logistics service supply chain in general.
  - Successful bid for large-scale overall logistics service projects for large global customers in order to improve the competition of the companies in the group.
  - Improve the efficiency of the contract logistics service type for customers with large volume and variety services; expanding nationwide in terms of total logistics services.

- Focus on business developing and restructuring both services - organization of personnel at companies where Transimex is the dominant shareholder in the North. Continue to promote and develop seaport business at Mipec Port Joint Stock Company. Gradually perfecting the organizational structure, managing personnel, developing business plans and strategies, investing in ship procurement to serve business activities in order to optimize the advantages of Mipec Port and bring the Mipec Port Joint Stock Company develops commensurate with the potential of the Port.
- Together with partners to accelerate the implementation of Vinh Loc Logistics Center project.
- Continue to promote business development at Transimex Logistics Center Da Nang, Vinatrans Logistics Center Danang, Logistics Center in Ho Chi Minh City Hi-Tech Park and Thang Long Logistics Center in Hung Yen, develop new types of services, new products to supplement and diversify the service supply chain.
- Prepare a plan to operate the Logistics Center in Ben Luc, Long An after it is completed and put into use.
- Implement investment phase 2 (Expansion) of Thang Long Logistics Center
- Implement plans and follow the direction of the Board of Directors in divesting the investment from Nippon Express (Vietnam) Joint Venture Company.
- Effectively use solar power system projects at the Logistics Center of Hi Tech Park, ICD Transimex Port and Thang Long Logistics Center, Vinatrans Danang Logistics Center and continue to research and apply them at other centers. other logistics centers in the group to increase the use of renewable energy sources, contributing to environmental protection.
- Continue to implement long-term training and human resource development, always consider people as the most important factor in business development. Have a specific plan on organizing an updated training model on professional skills at the enterprise and sending it to training at reputable training institutions. Organize regularly and selectively on professional topics through the form of seminars within the group on professional exchange, improve overall labor productivity in the whole group, to create an advanced service standard naming Transimex.
- Continue to promote the application of information technology, increase automation in storage / distribution of goods to bring better operational efficiency to the Company.
- Organize activities to celebrate the 40th anniversary of the Company to mark the 40th anniversary of the Company's establishment and sustainable development, to show gratitude to customers and staffs as well as to promote the Company's brand to a wider coverage in the market.
- Continue to contribute and fulfill the corporate social responsibility, develop the Green Logistics program to protect the environment and save energy costs.

Sincerely,

**ON BEHALF OF THE EXECUTIVE BOARD**



**LE DUY HIEP**  
General Director/ CEO

# REPORT OF BOARD OF DIRECTORS IN 2022 AND BUSINESS PLAN IN 2023

## I. BUSINESS PERFORMANCE OF THE CORPORATION IN 2022

The (consolidated) business performance of Transimex in the fiscal year 2022 is as follows:

Currency: VND million

No.	Items	2021 Result	2022 Result		% 2022 result compare with	
			2022 Plan	2022 Result	2021 Result	2022 Plan
1	Net revenue	6,381,266	3,455,210	3,648,088	57.2%	105.6%
2	Profit before tax (PBT)	695,851	497,842	774,230	111.3%	155.5%
3	PBT to total revenue	10.9%	14.4%	21.2%	194.6%	147.3%
4	Dividend (Cash and/or in stock)	15%	20%	-		

## II. ACTIVITIES OF THE BOARD OF DIRECTORS (BOD) IN 2022:

### 1 Members and the structure of the BOD:

- The Annual General Meeting of Shareholders (AGM) convened in 2018 elected the BOD for 5<sup>th</sup> (2018-2023) consisting of seven members, and the BOD elected the Chairman and Vice Chairman.
- The AGM in 2022 elected Mr. Toshiyuki Matsuda – Member of the BOD for the remainder of the 5<sup>th</sup> term to replace Mr. Masafumi Inoue who submitted his resignation letter on March 11<sup>th</sup>, 2022.
- The members of the BOD listed on December 31<sup>st</sup>, 2022; as below:

No.	Full name	Position	Holding of voting shares as at December 31 <sup>st</sup> , 2022
1.	Mr. Bui Tuan Ngoc	Chairman of the Board of Directors	0.59%
2.	Mr. Le Duy Hiep	Vice Chairman of the Board of Directors	0.44%
3.	Mr. Vu Chinh	Member of the Board	0.47%
4.	Mr. Bui Minh Tuan	Member of the Board of Directors	0
5.	Mr. Nguyen Bich Lan	Member of the Board of Directors	0.2%
6.	Mr. Masafumi Inoue	Member of the Board of Directors	0.14%
7.	Mr. Charvanin Bunditkitsada	Member of the Board of Directors	14.49%

- The Committees under the Board, namely:
  - Committee for Personnel And Wage, Bonus
  - Committee for Business Administration And Finance
  - Committee for Investment And Development Policies
  - Committee for Joint Venture And Association

## 2 Activities of the BOD in 2022:

- (a) In order to perform the tasks assigned by the AGM, the BOD carried out activities under the provisions of the Corporation's Charter and in compliance with the Enterprises Law and other applicable laws
- (b) All meetings of the BOD were held and conducted in accordance with the Corporation's Charter, and attended by the Executive Board, the head of the Supervisory Board, the Chief Financial Officer;
- (c) The BOD directly discussed and decided on the affairs to be submitted to the General Meeting of Shareholders for voting at each time. The BOD also decided on other issues within its authority, approved the Executive Board's report, and received the Executive Board's report on the Corporation's business situation and results;
- (d) The voting results showed a high consensus on the above affairs, all the minutes and resolutions of the BOD have been agreed by members, properly filed and disclosed in accordance with relevant regulations;
- (e) Restructured business departments to streamline the Company's organizational structure and increase efficiency in business operations and corporate governance, specifically, the Company merged the Logistics Department into the Transimex Corporation (formerly known as Transimex Transportation Joint Stock Company).
- (f) Renamed Transimex Transportation Joint Stock Company to Transimex Logistics Corporation in order to increase the brand identity and expand the logistics services of the Company and its subsidiaries.
- (g) Allocated and restructured the human resource situation and made timely and accurate transfers and appointments to senior management positions in order to strengthen the human resource management system, raise the management level of the managers in corporate and business administration activities of the Company.
- (h) There are 16 Meetings have been held by BOD in 2022 and whereby there are 18 Resolutions (in which including 56 Decisions) have been issued accordingly, concretely as follows:
  - (1) Approval of the plan to sell shares of Cho Lon Investment And Import Export Corporation (CLX);
  - (2) Approval of the Executive Board report on business results in 2021 and business plan in 2022;
  - (3) Approval of the report on financial and investment activities in 2021;
  - (4) Approval of the report on project investment in 2021 and plan in 2022;
  - (5) Approve the Progress Report on the transfer and lease of Transimex DC warehouse.
  - (6) Approval of the salary fund for implementation in 2021 and the plan for the salary fund in 2022;
  - (7) Approval of the appropriation of the Board of Directors fund, bonus and welfare fund in 2021 and the operation fund of the Board of Directors and Supervisory Board in 2022;
  - (8) Approval of the expenditure of the Board of Director fund in 2021;
  - (9) Approval of the subsistence expenses of members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board and the Company Secretary;
  - (10) Approval of extension of Nippon Express (Vietnam) Joint Venture Company Limited operation term;
  - (11) Approval of change of ICD Port and Transimex Shipping Center into a joint stock company;
  - (12) Approval of transferring part of Transimex Corporation business activities to its member companies;
  - (13) Approval of transforming Transimex Hi Tech Park Logistics Co., Ltd. into a public company;
  - (14) Approval of owner change of Long An Investment One Member Limited Liability Company;
  - (15) Approval of increase of charter capital at Transimex Hi Tech Park Logistics Co., Ltd;
  - (16) Approval of investment to increase the ownership ratio in Mipec Port Joint Stock Company (MPC);
  - (17) Approval of the document on offering of convertible bonds to existing shareholders.
  - (18) Approval of the continued implementation of the plan to offer convertible bonds to existing shareholders and the plan to use the proceeds from the offering.
  - (19) Approval of the establishment of the Company representative office in Vinh Long province.
  - (20) Approval of the plan to hold the Annual General Meeting of Shareholders in 2022
  - (21) The Board of Directors approved a number of documents for the 2022 Annual General Meeting of Shareholders.
  - (22) Approval of representative change of Transimex Corporation at Nippon Express (Vietnam) Joint Venture Company Limited.
  - (23) Approval of the head office address change of Long An Investment Company Limited.
  - (24) Approval of appointment of Deputy General Director
  - (25) Approval of the continued implementation of the plan to offer convertible bonds to existing shareholders and the plan to use the proceeds from the offering.
  - (26) Approval of the guarantee for Long An Investment One Member Limited Company to borrow medium and long-term loans at Shinhan Bank Vietnam Ltd.
  - (27) Approval of capital contribution to Transimex Hi Tech Logistics Corporation to invest in the construction of Cold Storage Project at Vinh Loc 2 Industrial Park under Long An Investment One Member Company Limited.
  - (28) Approval of the plan to use profits after fulfilling tax obligations and other financial obligations of subsidiaries including Transimex Real Estate One Member Limited Company, Transimex Distribution Center One Member Limited Company and Transimex Hi Tech Logistics Corporation.
  - (29) Approval of the document on offering of convertible bonds to existing shareholders.
  - (30) Approval of implementing the transformation of business types and governance models for subsidiaries including Transimex Hi Tech Logistics Corporation and Long An Investment One Member Limited Company.
  - (31) Approval of selecting an audit firm for the fiscal year 2022.
  - (32) Approval of implementing registration for investment in the project of the Hi-Tech Park Logistics Center in the Hi-Tech Park of Ho Chi Minh City in 2022.
  - (33) Approval of the plan to issue clean bonds.
  - (34) Approval of adjusting the guarantee plan for Long An Investment One Member Limited Company to borrow medium and long-term loans to invest in the Long An Cold Storage project in accordance with the bank's financing plan.
  - (35) Approval of adjusting and amending the plan to offer convertible bonds to the public for existing shareholders.
  - (36) Approval of the document on offering of convertible bonds to existing shareholders.
  - (37) Approval of increasing contributed capital at Transimex Hi Tech Logistics Corporation according to the stock purchase plan issued by Transimex Hi Tech Logistics for existing shareholders.
  - (38) Approval of leasing the land use rights in Binh Chieu Industrial Park in order to expand and develop logistics, warehouse, container yard and repair business.
  - (39) Implement the plan to issue shares to pay dividends for 2021 and issue shares to increase share capital from equity that has been approved by the 2022 Annual General Meeting of Shareholders.
  - (40) Approval of implementing the contents related to the transfer of contributed capital in ECPVN Binh Duong 1 Company Limited ("ECPVN").
  - (41) Approval of the Executive Board Report on the business results of the first 9 months of 2022 and the estimate of the whole year 2022.
  - (42) Approval of the report on financial and investment activities in 2022.
  - (43) Approval of the report on project investment in the first 9 months of 2022 and the implementation plan for the last 3 months of 2022
  - (44) Approve the Progress Report on the transfer and lease of Transimex DC warehouse.
  - (45) Approval of the Proposal on the increase of short-term credit limit at Standard Chartered Bank.
  - (46) Approval of the re-appointment of Finance Director of Transimex Corporation.
  - (47) Approval of the re-appointment of Chief Accountant of Transimex Corporation.
  - (48) Approval of the Internal Audit Regulations of Transimex Corporation.
  - (49) Approval of the Regulation on Capital Representative of Transimex Corporation
  - (50) Approval of the new organizational chart of Transimex Corporation.
  - (51) Approval of increasing contributed capital at Mipec Port Joint Stock Company ("Mipec") according to the share purchase plan offered by Mipec to sell shares to existing shareholders.
  - (52) Approval of the implementation order of securities issuance plans approved by the General Meeting of Shareholders in the Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders in 2022.
  - (53) Approval of the loan between Transimex Corporation – Parent Company (borrower) and Long An Investment One Member Company Limited – Subsidiary (lender).
  - (54) Approval of amending the implementation order of securities issuance plans approved in the Board of Directors Resolution No. 57/NQHĐQT NK5-TMS dated November 21, 2022
  - (55) Approval of the plan to issue shares to increase share capital from equity sources approved by the 2022 Annual General Meeting of Shareholders.
  - (56) Approve the adjustment of the securities type for the private placement of shares in 2021 after the end of the transfer restriction period as regulated.

### III. RESULTS OF IMPLEMENTATION OF THE RESOLUTION OF THE 2022 ANUAL GENERAL MEETING

Decisions of the AGM	Result
Authorizing the Board of Directors to select an independent auditing company for the financial statements for the fiscal year 2022.	Selected Ernst & Young Vietnam Co., Ltd (EY).
The plan for profit distribution in 2021, the plan for setting up funds for the Board of Directors (BOD), the Supervisory Board (BOS) in 2021 and the plan for setting up the operation fund of the Board of Directors and the Supervisory Board in 2022.	Completed
The plan to issue shares to pay dividends and the plan to issue shares to increase share capital from owners' equity.	The issuance registration is also expected to be approved by the State Securities Commission in December 2022. However, similar to the application document for issuance of convertible bonds, the company's share issuance record is also under strict scrutiny. As a result, the Company only obtained approval for the plan to issue shares to increase capital from equity in 2022 (Issuing shares to pay dividends in 2021 at the rate of 15% not yet realized in 2022). In the plan of issuing shares to pay dividends in 2021, the Company will report to the General Meeting of Shareholders in the 2022 annual meeting and submit to approve the dividend payment of 2021 along with the payment of dividends of 2022.
Divestment of investment in Nippon Express (Vietnam) Joint Venture Company Limited.	Processing
Supplement the company business line.	Completed
The company shall continue to implement the plan for issuing convertible bonds.	The bond offering registration dossier was submitted to the State Securities Commission in March 2022, after completing the private placement, in order of priority for the implementation of securities offering plans approved by the Board of Directors in Resolution No. 38/NQHĐQT NK5-TMS dated November 3, 2021. The company has continuously conducted several rounds of explanation, adjustment, and supplementation of the registration dossier for bond issuance in May, August, October, and December 2022 at the State Securities Commission. Although it was expected to complete the application for a bond issuance license by the end of December 2022, due to the tightened policy on registration dossiers, especially for bonds, during the past time, the company's application has been delayed and has not been completed in 2022. After the financial statement ended 2022, the Company updated the application to submit to the State Securities Commission. According to the planned roadmap, the resubmission is expected to be completed in four months.
Amending and supplementing the Charter and internal management regulations of the Company.	Completed
Transactions to receive and transfer TMS shares to increase the ownership rate without having to conduct a public bid procedure.	Completed

### IV. MONITORING RESULTS AND SUPPORT FROM THE BOARD OF DIRECTORS TO THE EXECUTIVE BOARD

- The monitoring activities of the Board of Directors (BOD) for the Executive Board (EB) are carried out through the questioning of the EB on the business results during regular meetings, as well as monitoring various other activities. The Board of Directors always monitors the implementation of the 2022 business plan, strengthens corporate governance activities, internal control activities, and risk management within the company. The Chairman of the Board of Directors regularly attends the company's weekly meetings to monitor and provide timely guidance on business operations.
- All Resolutions of the Board of Directors are delegated to the BOD of the company to implement and report to the Board of Directors.
- The Board of Directors evaluates the performance of the EB in 2022 as follows:
  - The EB has fully and effectively implemented all resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, actively carried out the company's investment projects and put them into highly effective operation.
  - The EB has managed the company in accordance with its functions, duties, internal governance regulations, the Charter of Company, and legal regulations.
  - Strictly and fully comply with periodic or ad-hoc reports as required by state management agencies.
  - The training of managerial and professional capacity of the company's employees has been focused and improved.
  - Financial management activities have been well implemented, ensuring the balance of capital sources to serve investment and business development.
  - The company has strengthened and effectively implemented the application of information technology in logistics management, company management, and digitization of operational management of services.
  - The company has invested in a solar power system at Transimex Hi Tech Parks Logistics Limited Company, Transimex Port Corporation, Vinatrans Logistics Center in Da Nang, Thang Long Logistics Corporation, and has operated the power supply effectively, resulting in significant savings on electricity costs.
  - The company has been and is effectively implementing various programs and activities to celebrate its 40th anniversary (1983-2023). On February 18, 2023, the company successfully organized a Fun-Run event with the participation of partners, customers, and over 400 employees throughout the corporation.

### V. REPORT ON THE REMUNERATION OF BOARD OF DIRECTORS MEMBERS IN 2022

In 2022, the members of the Board of Directors were paid remuneration in accordance with regulations and within the approved limit of the Annual General Meeting of Shareholders. Specifically, the remuneration of the Board of Directors in 2022 is as follows:

No.	Full Name	Position	Remuneration (The Pre-PIT) (VND)	Notes
1.	Mr. Bui Tuan Ngoc	Chairman of the Board of Directors	440,000,000	
2.	Mr. Le Duy Hiep	Vice Chairman of the Board of Directors	240,000,000	
3.	Mr. Vu Chinh	Member of the Board	153,333,336	
4.	Mr. Bui Minh Tuan	Member of the Board of Directors	153,333,336	
5.	Mr. Nguyen Bich Lan	Member of the Board of Directors	153,333,336	
6.	Mr. Masafumi Inoue	Member of the Board of Directors	57,500,000	Decrease from May 2022
7.	Mr. Charvanin Bundikitsada	Member of the Board of Directors	172,500,000	
8.	Mr. Toshiyuki Matsuda	Member of the Board of Directors	115,000,000	Increase from May 2022
<b>Total</b>			<b>1,485,000,008</b>	



## VI. BUSINESS PLAN OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2023

Strive to implement the business plan for the 2023 fiscal year as follow:

		Currency: VND million
No.	Items	Total Amount
1	Consolidated net revenue	2,521,420
2	Consolidated profit before tax (PBT)	317,050
3	PBT/Total revenue ratio	12.57%
4	Dividend for 2023 (cash and/or share)	15% - 20%

- Successfully organize the AGM, proposing to the General Meeting of Shareholders issues under the authority to decide.
- Organize commemorative activities for the 40th anniversary of the Company's establishment to mark the milestone of 40 years of sustainable development, show gratitude to customers and employees, as well as promote the Company's brand on a broader market.
- Continue to implement the sustainable logistics development strategy through the development of green logistics and the improvement of the logistics service supply chain expanded nationwide, focusing on investing in the core business of the Company.
- Continue to monitor and provide timely guidance to the Executive Board to implement the second phase investment of the Thang Long Logistics Center.
- Continue to restructure both services and personnel at subsidiary companies.
- Continue to focus on developing business and restructuring both services and personnel at other companies where Transimex is a controlling shareholder, including the parent company in the northern region such as Mipecc Port Joint Stock Company, Van Cargoes And Foreign Trade Logistics Joint Stock Company, and Transport and Trade Services Joint Stock Company.
- Improve the organizational structure and business administration at newly established companies, including Transimex Shipping Joint Stock Company and Transimex Port Joint Stock Company.
- Work with partners to accelerate the implementation progress of the Vinh Loc Logistics Center project, cold storage in Ben Luc, Long An, as well as prepare for the exploitation of services after completion.
- Collaborate with major shareholders in the same service industry to develop and add new services to the Company.
- Collaborate with major shareholders in the same service industry to develop and add new services to the Company.
- Continue to invest in potential companies in the same industry with complementary services to the Company, cooperate with these companies to invest in building warehouses, and effectively exploit existing land funds of partners.
- Effectively manage investments in joint ventures, alliances through service connection, business cooperation, and participate in management activities to improve investment efficiency.
- Continue to direct and support the Board of Directors in finding new projects, researching investment in logistics centers, warehouses in potential locations, and enhancing the Company's logistics service supply capacity to complete the national logistics service supply chain, especially in key provinces and cities.

- Implement activities to enhance the effectiveness of risk management in the Company's business operations.
- Continue to promote the application of modern information technology systems in business operations, warehouse management, cost management, etc.
- Negotiate and carry out tasks to divest investment capital from the Nippon Express (Vietnam) Joint Venture Company Limited.
- Human resources are identified as an important factor to ensure sustainable development of the Company in the coming year as well as in the future. The Board of Directors will focus on the human resources development policy by promoting training, development, and human resource planning for the Company.

The Board of Directors appreciates and thanks the Executive Board, all staffs of the Company for their contributions to the successful completion of the business plan in 2022. The Board of Directors shall continue to propose measures, plans, and strategies to implement the business plan in 2023, in collaboration with the Executive Board.

Yours Sincerely,

**ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTOR**

**MR. BUI TUAN NGOC**  
Chairman Of The Board

# REPORT OF THE BOARD OF SUPERVISORS FOR THE YEAR 2022

Based on the duties, powers, and responsibilities of the Board of Supervisors as specified in the Charter and Regulations of the Board of Supervisors of Transimex Corporation

The Board of Supervisors (Controllers) respectfully submits the following report to the 2022 Annual General Meeting of Shareholders (AGM) on the evaluation of the company's operational performance in 2022:

## I. ACTIVITIES OF THE BOARD OF SUPERVISORS

1. Participating in regular meetings of the Board of Directors.
2. Verifying the reasonableness, integrity, and compliance with internal regulations and legal provisions of the company's accounting, statistical, and financial reporting activities. Reviewing the semi-annual and 2022 financial statements audited by Ernst & Young Vietnam Limited Company.
3. Checking the implementation of resolutions of the Shareholders' General Meeting and the Board of Directors.
4. Inspecting investment, capital use, and management activities.
5. During the performance of their duties, the Board of Supervisors was provided with favorable conditions by the Board of Directors and the Executive Board to fulfill their tasks.

## II. THE RESULTS OF THE SUPERVISION BY THE BOARD OF SUPERVISORS

### 1 Evaluation of the Board of Directors' activities

- (i) The meetings of the Board of Directors were convened and organized in accordance with the provisions of the Enterprise Law and the Charter of Company.
- (ii) In 2022, the Board of Directors and the Executive Board provided sufficient information to the Audit Committee on the company's business activities, investment plans, and financial situation through direct meetings and email communication.
- (iii) The Board of Directors monitored the activities of the Executive Board through regular reports on business performance, personnel changes, business development directions, and short- and long-term investments. The Board of Directors cooperated well with the Executive Board to comprehensively manage all activities of the company.

### 2 Evaluation of the performance of the Executive Board:

- (iv) The Executive Board has implemented and executed the resolutions of the annual shareholders' meeting and those of the Board of Directors in 2022.
- (v) The Executive Board regularly meets with departments within the company; promptly grasps arising issues to make effective decisions in production and business activities.
- (vi) The Executive Board has diligently reported full business results, investment situation, and sought guidance and direction from the Board of Directors.
- (vii) The internal control board recognizes that the Executive Board has made many efforts and always complied with the requirements of the company's internal management system.

## 3 Evaluation of the 2022 financial report:

- (i) The 2022 financial report was audited by Ernst & Young Vietnam Company Limited and received an unqualified audit opinion.

- (ii) **The summary of the consolidated business operations for 2022 is as follows:**

Currency: VND Billion

% 2022 result compare with

No.	INDICATORS	2022 Plan	2022 Result	2021 Result	Plan of year	Period in 2021
1	Total revenue	3,455	3,648	6,381	106%	57%
2	Profit before tax	498	774	696	155%	111%

- (iii) The figures above show that the revenue and pre-tax profit of the Company both exceeded the set targets. However, the revenue target reached only 57% compared to 2021 mainly due to the fact that the subsidiary, International Air Freight Services Company, had its agency contract with an airline expired in 2022, resulting in a decrease in revenue for 2022.

- (iv) **Regarding investments:**

- (a) The Company has acquired an additional 15,931,550 shares of Mipec Port Joint Stock Company, increasing its ownership ratio from 35.86% to 38.34%.
- (b) The Company has transferred 4,254,200 shares of Cho Lon Investment and Import-Export Corporation (CLX), equivalent to a 4.91% ownership ratio.
- (c) The Company has purchased 249,700 shares of Van Cargoes And Foreign Trade Logistics Joint Stock Company (VNT), increasing its ownership ratio from 31.33% to 33.87%.
- (d) The Company has purchased 1,421,780 shares of Transport and Trading Service Joint Stock Company (TJC), increasing its ownership ratio from 32.98% to 49.51%.
- (v) Despite the difficult market conditions in 2022, the Company achieved commendable business results thanks to the efforts of the Board of Directors, the Executive Board, and all employees of the Company.

## III. CONCLUSIONS AND RECOMMENDATIONS

1. The activities of company in the past year have complied with the Enterprise Law, Securities Law, Company Charter, related regulations, and followed the resolutions of the General Meeting of Shareholders and Board of Directors. The company's information disclosure activities also comply with applicable regulations for listed companies.
2. Our Proposal: Along with the company's fast growth, to maximize the results of 2022 and achieve the target plan for 2023, the Board of Supervisors has the following proposals:
  - (i) There needs to be better cooperation between departments to maximize the company's existing human resources and have specific strategies to attract and retain long-term talent for the company.
  - (ii) Strengthening debt management to avoid customers who are utilizing company's capital for long periods, and assessing customer capacity before trading to limit bad debt risks.
  - (iii) Continue to enhance the management and evaluation of the operations of subsidiaries and departments to improve overall efficiency throughout the company.
  - (iv) In addition, the warehouse and logistics market in Vietnam has developed rapidly after the Covid pandemic due to the increase in online trading demand. Therefore, the trend in recent years has seen many companies investing in warehouse real estate, which will increase competition in the market. In light of this situation, the company should focus on the following issues:
    - (a) E-commerce logistics is developing, so investing in technology and aggressively developing an online service strategy is an advantage.

- (b) Currently, there is fierce competition between Vietnamese and foreign companies. Therefore, to create a good service quality system to increase competitiveness, the company should focus on developing personnel with good expertise in management, security, operations, import-export, etc.
- (c) Advertising and reaching potential customers through various channels, such as organizing events, investing in the company website, advertising on social media channels, etc.

This is the report of the Board of Supervisors for the year 2022 to be presented at the 2023 annual general meeting. On behalf of the Board of Supervisors, I sincerely thank the Board of Directors, Executive Board, and Departments of Transimex Corporation for creating conditions to enable the Board of Supervisors to fulfill its duties in the past period.

Yours Sincerely,

**ON BEHALF OF THE BOARD OF SUPERVISORS**



**Mrs. Le Thi Ngoc Anh**  
Chief of The Board of Supervisors



# CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31  
December 2022

# INDEPENDENT AUDITORS' REPORT



Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam  
Số 02 Đường Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại: (028) 38525252 Fax: (028) 38315090  
Email: eyhcmc@vn.ey.com Website: www.ey.com/vn

Reference: 61712123/22990818/FN-HN

## To: The Shareholders of Transimex Corporation

We have audited the accompanying consolidated financial statements of Transimex Corporation and its subsidiaries (collectively referred to as "the Group"), as prepared on 30 March 2023 and set out on pages 118 to 162, which comprise the consolidated balance sheet as at 31 December 2022, the consolidated income statement and the consolidated cash flow statement for the year then ended and the notes thereto.

## Management's responsibility

The Company's management is responsible for the preparation and fair presentation of the consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of the consolidated financial statements, and for such internal control as management determines is necessary to enable the preparation and presentation of the consolidated financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

## Auditors' responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these consolidated financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the consolidated financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the consolidated financial statements. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the consolidated financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditors consider internal control relevant to the Group's preparation and fair presentation of the consolidated financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Group's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by management, as well as evaluating the overall presentation of the consolidated financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

## Opinion

In our opinion, the consolidated financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the consolidated financial position of the Group as at 31 December 2022 and of the consolidated results of its operations and its consolidated cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of the consolidated financial statements.

## Ernst & Young Vietnam Limited



## Hang Nhat Quang

Deputy General Director  
Audit Practicing Registration Certificate  
No. 1772-2023-004-1

## Pham Xuan Tuan

Auditor  
Audit Practicing Registration Certificate  
No. 4639-2023-004-1

Ho Chi Minh City, Vietnam

30 March 2023

# CONSOLIDATED BALANCE SHEET

as at 31 December 2022

				VND	
ASSETS	Code	Notes	Ending balance	Beginning balance	
<b>A. CURRENT ASSETS</b>	<b>100</b>		<b>1,744,350,322,596</b>	<b>2,430,451,915,331</b>	
<b>I. Cash and cash equivalents</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>556,774,624,464</b>	<b>1,073,681,032,249</b>	
1. Cash	111		377,274,624,464	847,681,032,249	
2. Cash equivalents	112		179,500,000,000	226,000,000,000	
<b>II. Short-term investments</b>	<b>120</b>		<b>551,148,209,885</b>	<b>197,798,809,187</b>	
1. Held-for-trading securities	121	6.2	215,391,919,946	79,646,809,187	
2. Provision for held-for-trading securities	122	6.2	(975,910,061)	-	
3. Held-to-maturity investments	123	6.1	336,732,200,000	118,152,000,000	
<b>III. Current accounts receivable</b>	<b>130</b>		<b>571,935,142,410</b>	<b>1,091,404,225,603</b>	
1. Short-term trade receivables	131	7	277,995,368,655	742,976,762,065	
2. Short-term advances to suppliers	132	8	91,621,708,717	24,141,378,712	
3. Other short-term receivables	136	9	210,083,011,832	328,746,498,173	
4. Provision for doubtful short-term receivables	137	7	(7,764,946,794)	(4,460,413,347)	
<b>IV. Inventories</b>	<b>140</b>		<b>15,394,505,094</b>	<b>10,230,876,303</b>	
1. Inventories	141		15,394,505,094	10,230,876,303	
<b>V. Other current assets</b>	<b>150</b>		<b>49,097,840,743</b>	<b>57,336,971,989</b>	
1. Short-term prepaid expenses	151	10	12,498,158,445	14,811,550,933	
2. Value-added tax deductible	152		35,447,369,600	36,853,358,663	
3. Tax and other receivables from the State	153		1,142,337,698	5,659,725,803	
4. Other current assets	155		9,975,000	12,336,590	

				VND	
ASSETS	Code	Notes	Ending balance	Beginning balance	
<b>B. NON-CURRENT ASSETS</b>	<b>200</b>		<b>3,826,253,041,059</b>	<b>3,303,632,049,425</b>	
<b>I. Long-term receivables</b>	<b>210</b>		<b>25,488,810,290</b>	<b>11,560,780,833</b>	
1. Other long-term receivables	216	9	25,488,810,290	11,560,780,833	
<b>II. Fixed assets</b>	<b>220</b>		<b>1,116,555,569,241</b>	<b>1,098,714,384,569</b>	
1. Tangible fixed assets	221	11	1,092,515,210,172	988,090,064,585	
Cost	222		1,726,970,228,840	1,562,183,136,732	
Accumulated depreciation	223		(634,455,018,668)	(574,093,072,147)	
2. Finance lease	224	14	6,204,414,413	20,781,135,507	
Cost	225		8,557,812,978	27,035,271,522	
Accumulated amortisation	226		(2,353,398,565)	(6,254,136,015)	
3. Intangible fixed assets	227	12	17,835,944,656	89,843,184,477	
Cost	228		26,745,066,603	108,360,832,663	
Accumulated amortisation	229		(8,909,121,947)	(18,517,648,186)	
<b>III. Investment property</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>43,609,887,430</b>	<b>46,892,345,012</b>	
1. Cost	231		88,395,738,648	85,949,359,948	
2. Accumulated depreciation	232		(44,785,851,218)	(39,057,014,936)	
<b>IV. Long-term asset in progress</b>	<b>240</b>		<b>102,996,085,240</b>	<b>94,511,111,882</b>	
1. Construction in progress	242	15	102,996,085,240	94,511,111,882	
<b>V. Long-term investments</b>	<b>250</b>	<b>16</b>	<b>2,357,605,205,601</b>	<b>1,975,815,767,050</b>	
1. Investment in a jointly controlled entity and associates	252		2,345,064,719,114	1,937,075,080,607	
2. Investment in other entities	253		11,540,486,487	11,540,486,443	
3. Held-to-maturity investments	255		1,000,000,000	27,200,200,000	
<b>VI. Other long-term assets</b>	<b>260</b>		<b>179,997,483,257</b>	<b>76,137,660,079</b>	
1. Long-term prepaid expenses	261	10	135,706,339,552	35,450,344,321	
2. Deferred tax assets	262	30.2	9,906,409,331	-	
3. Goodwill	269	17	34,384,734,374	40,687,315,758	
<b>TOTAL ASSETS</b>	<b>270</b>		<b>5,570,603,363,655</b>	<b>5,734,083,964,756</b>	

VND

RESOURCES	Code	Notes	31 December 2022	31 December 2021
<b>C. LIABILITIES</b>	<b>300</b>		<b>1,423,017,571,102</b>	<b>2,244,168,104,894</b>
<b>I. Current liabilities</b>	<b>310</b>		<b>858,786,213,245</b>	<b>1,643,209,181,351</b>
1. Short-term trade payables	311	18	127,174,081,298	424,265,596,266
2. Short-term advances from customers	312		7,050,748,218	3,763,384,194
3. Statutory obligations	313	19	93,411,789,136	36,152,355,167
4. Payables to employees	314		39,052,702,027	37,042,448,873
5. Short-term accrued expenses	315	20	36,588,646,955	32,100,664,891
6. Short-term unearned revenue	318		1,191,501,299	535,945,291
7. Other short-term payables	319	21	220,741,416,933	344,346,107,841
8. Short-term loans	320	23	278,622,398,176	716,762,034,731
9. Bonus and welfare fund	322	22	54,952,929,203	48,240,644,097
<b>II. Non-current liabilities</b>	<b>330</b>		<b>564,231,357,857</b>	<b>600,958,923,543</b>
1. Other long-term liabilities	337	21	18,695,607,789	17,694,328,319
2. Long-term loans	338	23	545,535,750,068	583,264,595,224
<b>D. OWNERS' EQUITY</b>	<b>400</b>		<b>4,147,585,792,553</b>	<b>3,489,915,859,862</b>
<b>I. Capital</b>	<b>410</b>		<b>4,147,585,792,553</b>	<b>3,489,915,859,862</b>
1. Share capital	411	24.1	1,058,715,480,000	1,058,715,480,000
- Shares with voting rights	411a		1,058,715,480,000	1,058,715,480,000
2. Share premium	412	24.1	716,705,756,123	716,705,756,123
3. Other owners' capital	414	24.1	47,701,198,595	9,959,446,608
4. Treasury shares	415	24.1	(189,990,900)	(189,990,900)
5. Investment and development fund	418	24.1	156,721,919,506	154,721,919,506
6. Undistributed earnings	421	24.1	1,773,271,320,172	1,165,728,934,021
- Undistributed earnings at the end of prior year	421a		1,115,476,908,135	595,114,514,960
- Undistributed earnings of the current year	421b		657,794,412,037	570,614,419,061
7. Non-controlling interests	429	24.4	394,660,109,057	384,274,314,504
<b>TOTAL LIABILITIES AND OWNERS' EQUITY</b>	<b>440</b>		<b>5,570,603,363,655</b>	<b>5,734,083,964,756</b>

Ho Chi Minh City, Vietnam  
30 March 2023





**Nguyen Thanh Tung**  
Preparer

**Nguyen Hong Kim Chi**  
Chief Accountant

**Bui Tuan Ngoc**  
Chairman

## CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

for the year ended 31 December 2022

VND

ITEMS	Code	Notes	Current year	Previous year
<b>1. Revenue from sale of goods and rendering of services</b>	<b>01</b>	<b>25.1</b>	<b>3,656,259,677,895</b>	<b>6,389,529,794,726</b>
<b>2. Deductions</b>	<b>02</b>	<b>25.1</b>	<b>(8,171,830,186)</b>	<b>(8,264,166,808)</b>
<b>3. Net revenue from sale of goods and rendering of services</b>	<b>10</b>		<b>3,648,087,847,709</b>	<b>6,381,265,627,918</b>
<b>4. Cost of services rendered</b>	<b>11</b>	<b>26,29</b>	<b>(3,098,145,979,664)</b>	<b>(5,835,008,777,835)</b>
<b>5. Gross profits from rendering of services</b>	<b>20</b>		<b>549,941,868,045</b>	<b>546,256,850,083</b>
<b>6. Finance income</b>	<b>21</b>	<b>25.2</b>	<b>160,207,863,911</b>	<b>79,970,631,211</b>
<b>7. Finance expenses</b>	<b>22</b>	<b>27</b>	<b>(88,695,338,812)</b>	<b>(91,507,536,349)</b>
<i>In which: Interest expense</i>	<i>23</i>		<i>(58,088,693,621)</i>	<i>(54,953,264,188)</i>
<b>8. Share pf profits of associates, joint-venture</b>	<b>24</b>		<b>353,783,843,815</b>	<b>372,115,579,719</b>
<b>9. Selling expenses</b>	<b>25</b>	<b>28,29</b>	<b>(29,783,011,326)</b>	<b>(55,162,502,579)</b>
<b>10. General and administrative expenses</b>	<b>26</b>	<b>28,29</b>	<b>(173,874,207,197)</b>	<b>(159,649,122,560)</b>
<b>11. Operating profit</b>	<b>30</b>		<b>771,581,018,436</b>	<b>692,023,899,525</b>
<b>12. Other income</b>	<b>31</b>		<b>11,263,499,641</b>	<b>6,610,300,387</b>
<b>13. Other expenses</b>	<b>32</b>		<b>(8,614,805,388)</b>	<b>(2,782,999,407)</b>
<b>14. Other profit</b>	<b>40</b>		<b>2,648,694,253</b>	<b>3,827,300,980</b>
<b>15. Accounting profit before tax</b>	<b>50</b>		<b>774,229,712,689</b>	<b>695,851,200,505</b>
<b>16. Current corporate income tax expense</b>	<b>51</b>	<b>30.1</b>	<b>(101,821,490,210)</b>	<b>(74,951,269,467)</b>
<b>17. Deferred tax income</b>	<b>52</b>	<b>30.1</b>	<b>9,906,409,331</b>	<b>-</b>
<b>18. Net profit after tax</b>	<b>60</b>		<b>682,314,631,810</b>	<b>620,899,931,038</b>
<b>19. Net profit after tax attributable to shareholders of the parent</b>	<b>61</b>		<b>660,744,996,699</b>	<b>570,614,419,061</b>
<b>20. Net profit after tax attributable to non-controlling interests</b>	<b>62</b>		<b>21,569,635,111</b>	<b>50,285,511,977</b>
<b>21. Basic earnings per share</b>	<b>70</b>	<b>24.5</b>	<b>5,427</b>	<b>5,208</b>
<b>22. Diluted earnings per share</b>	<b>71</b>	<b>24.5</b>	<b>5,427</b>	<b>5,208</b>

Ho Chi Minh City, Vietnam  
30 March 2023





**Nguyen Thanh Tung**  
Preparer

**Nguyen Hong Kim Chi**  
Chief Accountant

**Bui Tuan Ngoc**  
Chairman

# CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT

for the year ended 31 December 2022

VND

ITEMS	Code	Notes	Current year	Previous year
<b>I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES</b>				
<b>Accounting profit before tax</b>	<b>01</b>		<b>774,229,712,689</b>	<b>695,851,200,505</b>
<i>Adjustments for:</i>				
Depreciation and amortisation	02		124,576,484,435	108,302,173,336
Provisions	03		4,280,443,508	1,557,524,800
Foreign exchange gains arising from revaluation of monetary accounts denominated in foreign currency	04		(14,562,740,596)	(16,942,086,215)
Profits from investing activities	05		(470,697,735,032)	(379,165,167,685)
Borrowing costs	06		63,544,647,746	62,195,475,605
<b>Operating profit before changes in working capital</b>	<b>08</b>		<b>481,370,812,750</b>	<b>471,799,120,346</b>
Decrease (increase) in receivables	09		466,978,671,642	(502,008,616,910)
Increase in inventories	10		(5,163,628,791)	(4,932,582,406)
(Decrease) increase in payables	11		(321,058,014,409)	209,201,018,906
Increase in prepaid expenses	12		(61,255,054,488)	(230,146,514)
Increase in held-for-trading securities	13		(129,071,442,283)	(19,997,544,807)
Interest paid	14		(59,888,467,095)	(56,463,860,261)
Corporate income tax paid	15		(43,868,792,342)	(67,346,192,387)
Other cash outflows for operating activities	17		(37,156,943,324)	(15,572,245,756)
<b>Net cash flows from operating activities</b>	<b>20</b>		<b>290,887,141,660</b>	<b>14,448,950,211</b>
<b>II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES</b>				
Purchase and construction of fixed assets	21		(266,875,743,792)	(214,270,638,309)
Proceeds from disposal of fixed assets	22		171,207,497,815	12,856,516,297
Loans to other entities and placements in term deposits	23		(820,342,000,000)	(328,840,107,945)
Collections from borrowers	24		627,962,000,000	360,676,907,945
Payments for investment in other entities	25		(279,439,981,466)	(347,208,034,430)
Proceeds from sale of investments in other entities (net of cash held by entity being disposed)	26		171,462,490,000	43,123,920,601
Interest and dividend received	27		48,615,104,990	77,424,225,981
<b>Net cash flows used in investing activities</b>	<b>30</b>		<b>(347,410,632,453)</b>	<b>(396,237,209,860)</b>

VND

ITEMS	Code	Notes	Current year	Previous year
<b>III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES</b>				
Issuance of shares		24.1	-	488,532,880,000
Capital contribution from non-controlling interests	31	24.4	22,716,400,000	79,838,870,000
Drawdown of borrowings	33	23	1,105,558,355,908	2,799,129,764,772
Repayment of borrowings	34	23	(1,563,899,797,383)	(2,323,831,206,864)
Repayment of principal of finance lease liabilities	35	23	(7,147,566,236)	(7,534,404,670)
Dividends paid	36		(17,541,362,576)	(41,174,989,975)
<b>Net cash flows (used in) from financing activities</b>	<b>40</b>		<b>(460,313,970,287)</b>	<b>994,960,913,263</b>
<b>Net (decrease) increase in cash and cash equivalents</b>	<b>50</b>		<b>(516,837,461,080)</b>	<b>613,172,653,614</b>
<b>Cash and cash equivalents at beginning of the year</b>	<b>60</b>		<b>1,073,681,032,249</b>	<b>460,731,977,838</b>
Impact of exchange rate fluctuation	61		(68,946,705)	(223,599,203)
<b>Cash and cash equivalents at end of the year</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>556,774,624,464</b>	<b>1,073,681,032,249</b>

Ho Chi Minh City, Vietnam  
30 March 2023

**Nguyen Thanh Tung**  
Preparer

**Nguyen Hong Kim Chi**  
Chief Accountant

**Bui Tuan Ngoc**  
Chairman

# NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

as at 31 December 2022 and for the year then ended

## 1. CORPORATE INFORMATION

Transimex Corporation ("the Company") is a shareholding company incorporated under the Law on Enterprise of Vietnam pursuant to Enterprise Registration Certificate ("ERC") No. 0301874259 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City ("DPI") on 3 December 1999, and as subsequently amended.

The Company's shares are listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange ("HOSE") on 4 August 2000.

The current principal activities of the Company and its subsidiaries ("the Group") are to act as a forwarding agent and transport imported and exported goods; to provide bonded warehouse services, CFS warehouses, ICD warehouses; to engage in warehouse business, loading, and unloading, storing of goods for transshipment, including custom procedures; and to act as shipping agent and marine broker for domestic and foreign ships.

The Group's normal course of business cycle is 12 months.

The Company's registered head office is located at No. 172, Hai Ba Trung Street, Da Kao Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam.

The number of the Group's employees as at 31 December 2022 was 1,295 persons (31 December 2021: 1,384).

### Corporate structure

The Group's corporate structure includes 15 subsidiaries as follows:

Name of subsidiary	Business activities	Ownership interest		Voting right	
		Ending balance (%)	Beginning balance (%)	Ending balance	Beginning balance
1. Transimex Logistics Joint Stock Company ("TOT")	Transporting service	75.48	75.48	75.48	75.48
2. Transimex Real Estate Co., Ltd. ("BDS")	Office leasing	100	100	100	100
3. Transimex Distribution Center Co., Ltd. ("DC")	Warehouse leasing	100	100	100	100
4. Transimex Hi-Tech Park Logistics Co., Ltd. (SHTP)	Warehouse leasing	99.39	100	99.39	100
5. Thang Long Logistics Service Joint Stock Company ("TLL")	Logistics service	67.04	66.51	77.78	77.78
6. Vinh Loc Logistics Service Joint Stock Company ("VLL")	Logistics service	59.51	55.48	67.40	64.50
7. Vinafreight Corporation ("VNF")	International forwarding	57.05	54.92	57.05	54.92
8. Vector International Aviation Service Co., Ltd.	Freight service	51.34	49.43	90	90
9. Viet Way Investment Development Trading Company Limited	Freight service; air tickets agent	26.18	25.21	94.9	94.9
10. SFS Vietnam Global Logistics Company Limited	Forwarding service	57.05	54.92	100	100
11. Vietnam Xue Hang Logistics Company Limited	Forwarding service	29.01	28.01	51	51
12. Long An Investment Single Member Limited Liability Company ("LAI")	Warehouse leasing	99.39	100	99.39	100
13. Vinatrans Danang Joint Stock Company ("Vinatrans Da Nang")	International forwarding	38.40	37.80	50.38	50.38
14. Transimex Hi-Tech Logistics Joint Stock Company ("SHTL")	Warehouse leasing	99.39	-	99.39	-
15. ECPVN Binh Duong 1 Limited Liability Company (Note 4.1)	Warehouse leasing	-	100	-	100



## 2. BASIS OF PREPARATION

### 2.1 Accounting standards and system

The consolidated financial statements of the Group, expressed in Vietnam dong ("VND"), are prepared in accordance with the Vietnamese Enterprise Accounting System and other Vietnamese Accounting Standards issued by the Ministry of Finance as per:

- Decision No. 149/2001/QĐ-BTC dated 31 December 2001 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 1);
- Decision No. 165/2002/QĐ-BTC dated 31 December 2002 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 2);
- Decision No. 234/2003/QĐ-BTC dated 30 December 2003 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 3);
- Decision No. 12/2005/QĐ-BTC dated 15 February 2005 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 4); and
- Decision No. 100/2005/QĐ-BTC dated 28 December 2005 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 5).

Accordingly, the accompanying consolidated financial statements, including their utilisation are not designed for those who are not informed about Vietnam's accounting principles, procedures and practices and furthermore are not intended to present the consolidated financial position and consolidated results of operations and consolidated cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries other than Vietnam.

### 2.2 Applied accounting documentation system

The Group's applied accounting documentation system is the General Journal system.

### 2.3 Fiscal year

The Group's fiscal year applicable for the preparation of its consolidated financial statements starts on 1 January and ends on 31 December.

### 2.4 Accounting currency

The consolidated financial statements are prepared in VND which is also the Group's accounting currency.

### 2.5 Basis of consolidation

The consolidated financial statements comprise the financial statements of the Company and its subsidiaries for the year ended 31 December 2022.

Subsidiaries are fully consolidated from the date of acquisition, being the date on which the Group obtains control, and continued to be consolidated until the date that such control ceases.

The financial statements of the subsidiaries are prepared for the same reporting year as the Company, using consistent accounting policies.

All intra-company balances, income and expenses and unrealised gains or losses result from intra-company transactions are eliminated in full.

Non-controlling interests represent the portion of profit or loss and net assets not held by the Group and are presented separately in the consolidated income statement and within equity in the consolidated balance sheet, separately from parent shareholders' equity.

Impact of change in the ownership interest of a subsidiary, without a loss of control, is recorded in undistributed earnings.

## 3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

### 3.1 Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, cash in banks and short-term highly liquid investments with an original maturity of less than three months that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value.

### 3.2 Inventories

Inventories are stated at the lower of cost incurred in bringing each product to its present location and condition, and net realisable value.

Net realisable value represents the estimated selling price in the ordinary course of business less the estimated costs to complete and the estimated costs necessary to make the sale.

The perpetual method is used to record inventories, which are valued as follows:

Tools and supplies, fuel	- cost of purchase on a weighted average basis
Work-in-process	- external services and labor plus attributable overheads based on the normal operating capacity.

#### *Provision for obsolete inventories*

An inventory provision is created for the estimated loss arising due to the impairment of value (through diminution, damage, obsolescence, etc.) of raw materials, finished goods, and other inventories owned by the Group, based on appropriate evidence of impairment available at the balance sheet date.

Increases or decreases to the provision balance are recorded into the cost of goods sold account in the consolidated income statement.

### 3.3 Receivables

Receivables are presented in the consolidated financial statements at the carrying amounts due from customers and other debtors, after the provision for doubtful debts.

The provision for doubtful debts represents outstanding receivables at the balance sheet date which are doubtful of being recovered. Increases or decreases to the provision balance are recorded as general and administrative expense in the consolidated income statement.

### 3.4 Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.

The cost of a tangible fixed asset comprises its purchase price and any directly attributable costs of bringing the fixed asset to working condition for its intended use.

Expenditures for additions, improvements and renewals are added to the carrying amount of the assets and expenditures for maintenance and repairs are charged to the consolidated income statement as incurred.

When tangible fixed assets are sold or retired, any gain or loss resulting from their disposal (the difference between the net disposal proceeds and the carrying amount) is included in the consolidated income statement.

### 3.5 Leased assets

The determination of whether an arrangement is, or contains a lease is based on the substance of the arrangement at inception date and requires an assessment of whether the fulfillment of the arrangement is dependent on the use of a specific asset and the arrangement conveys a right to use the asset.

A lease is classified as a finance lease whenever the terms of the lease transfer substantially all the risks and rewards of ownership of the asset to the lessee. All other leases are classified as operating leases.

*Where the Group is the lessee*

Assets held under finance leases are capitalised in the consolidated balance sheet at the inception of the lease at the fair value of the leased assets or, if lower, at the net present value of the minimum lease payments. The principal amount included in future lease payments under finance leases are recorded as a liability. The interest amounts included in lease payments are charged to the consolidated income statement over the lease term to achieve a constant rate on interest on the remaining balance of the finance lease liability.

Capitalised financial leased assets are depreciated using straight-line basis over the shorter of the estimated useful lives of the asset and the lease term, if there is no reasonable certainty that the Group will obtain ownership by the end of the lease term.

Rentals under operating leases are charged to the consolidated income statement on a straight-line basis over the lease term.

*Where the Group is the lessor*

Assets subject to operating leases are included as the Group's fixed assets in the consolidated balance sheet. Lease income is recognised in the consolidated income statement on a straight-line basis over the lease term.

### 3.6 Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are stated at cost less accumulated amortisation.

The cost of an intangible fixed asset comprises its purchase price and any directly attributable costs of preparing the intangible asset for its intended use.

Expenditures for additions, improvements are added to the carrying amount of the assets and other expenditures are charged to the consolidated income statement as incurred.

When intangible fixed assets are sold or retired, any gain or loss resulting from their disposal (the difference between the net disposal proceeds and the carrying amount) is included in the consolidated income statement.

*Land use rights*

Land use rights are recorded as intangible fixed assets representing the value of the right to use the land acquired by the Group.

### 3.7 Depreciation and amortisation

Depreciation of tangible fixed assets and amortisation of intangible fixed assets are calculated on a straight-line basis over the estimated useful life of each asset as follows:

Buildings and structures	5 – 30 years
Machinery and equipment	3 – 15 years
Means of transportation	4 – 20 years
Office equipment	3 – 6 years
Computer software	3 – 6 years
Land use rights with indefinite useful life	are not amortised.

### 3.8 Investment property

Investment property is stated at cost including transaction costs less accumulated depreciation. Investment property held for capital appreciation is not depreciated but subject to impairment review.

Subsequent expenditure relating to an investment property that has already been recognised is added to the net book value of the investment property when it is probable that future economic benefits, in excess of the originally assessed standard of performance of the existing investment property, will flow to the Group.

Depreciation and amortisation of investment properties are calculated on a straight-line basis over the estimated useful life of each asset as follows:

Building and structures	25-30 years .
-------------------------	---------------

Investment properties are derecognised when either they have been disposed of or when the investment properties are permanently withdrawn from use and no future economic benefit is expected from its disposal. The difference between the net disposal proceeds and the carrying amount of the assets is recognised in the consolidated income statement in the period of retirement or disposal.

Transfers are made to investment properties when, and only when, there is a change in use, evidenced by ending of owner-occupation, commencement of an operating lease to another party or ending of construction or development. Transfers are made from investment properties when, and only when, there is change in use, evidenced by commencement of owner-occupation or commencement of development with a view to sale. The transfer from investment property to owner-occupied property or inventories does not change the cost or the carrying value of the property for subsequent accounting at the date of change in use.

### 3.9 Borrowing costs

Borrowing costs consist of interest and other costs that the Group incurs in connection with the borrowing of funds. Borrowing costs are recorded as expense during the year in which they are incurred, except to the extent that they are capitalised as explained in the following paragraph.

Borrowing costs that are directly attributable to the acquisition, construction or production of an asset that necessarily take a substantial period of time to get ready for its intended use or sale are capitalised as part of the cost of the respective asset.

### 3.10 Prepaid expenses

Prepaid expenses are reported as short-term or long-term prepaid expenses in the consolidated balance sheet and amortised over the period for which the amounts are paid or the period in which economic benefits are generated in relation to these expenses. Typical expenses are as follows:

- Tools and consumables with large value issued into construction and can be used for more than one year;
- Prepaid land rental;
- Prepaid insurance premium; and
- Land clearance,

*Prepaid land rental*

The prepaid land rental represents the unamortised balance of advance payment made in accordance with the lease contract. According to Circular 45/2013/TT-BTC issued by Ministry of Finance dated on 25 April 2013 guiding the management, use and depreciation of fixed assets ("Circular 45"), such prepaid rental is recognised as a long-term prepaid expense for allocation to the consolidated income statement over the remaining lease period.

### 3.11 Business combinations and goodwill

Business combinations are accounted for using the purchase method. The cost of a business combination is measured as the fair value of assets given, equity instruments issued and liabilities incurred or assumed at the date of exchange plus any costs directly attributable to the business combination. Identifiable assets and liabilities and contingent liabilities assumed in a business combination are measured initially at fair values at the date.

Goodwill acquired in a business combination is initially measured at cost being the excess of the cost the business combination over the Group's interest in the net fair value of the acquiree's identifiable assets, liabilities and contingent liabilities. If the cost of a business combination is less than the fair value of the net assets of the subsidiary acquired, the difference is recognised directly in the consolidated income statement. After initial recognition, goodwill is measured at cost less any accumulated amortisation.

Goodwill is amortised over a 10-year period on a straight-line basis. The parent company conducts the periodical review for impairment of goodwill of investment in subsidiaries. If there are indicators of impairment loss incurred is higher than the yearly allocated amount of goodwill on the straight-line basis, the higher amount will be recorded in the consolidated income statement.

### 3.12 Investments

#### *Investment in associates*

The Group's investment in associates is accounted for using the equity method of accounting. An associate is an entity in which the Group has significant influence that is neither subsidiary nor joint venture. The Group generally deems they have significant influence if they have over 20% of the voting rights.

Under the equity method, the investment is carried in the consolidated balance sheet at cost plus post acquisition changes in the Group's share of net assets in the associates. Goodwill arising on acquisition of the associate is included in the carrying amount of the investment. Goodwill is not amortised and subject to annual review for impairment. The consolidated income statement reflects the share of the post-acquisition results of operation of the associate.

The share of post-acquisition profit (loss) in the associates is presented the face of the consolidated income statement and its share of post-acquisition movements in reserves is recognised in reserves. The cumulative post-acquisition movements are adjusted against the carrying amount of the investment. Dividend receivable from associates reduces the carrying amount of the investment.

The financial statements of the associates are prepared for the same reporting period and accounting policies as the Group. Where necessary, adjustments are made to bring the accounting policies in line with those of the Group.

#### *Investment in joint ventures*

The Group's investment in a jointly controlled entity is accounted for using the equity method of accounting. Under the equity method, the investment is carried in the consolidated balance sheet at cost plus post joint venture changes in the Group's share of net assets of the jointly controlled entity. The consolidated income statement reflects the share of the post-acquisition results of operation of the jointly controlled entity.

The share of profit (loss) in the jointly controlled entity is presented on face of the consolidated income statement and its share of post-acquisition movements in reserves is recognised in reserves. The cumulative post-acquisition movements are adjusted against the carrying amount of the investment. Dividend and profit sharing receivable from jointly controlled entities reduces the carrying amount of the investment.

The financial statements of the jointly controlled entities are prepared for the same reporting period and use the same accounting policies as the Group. Where necessary, adjustments are made to bring the accounting policies in line with those of the Group.

#### *Held-for-trading securities and investment in other entities.*

Held-for-trading securities and investment in other entities is stated at their acquisition costs.

#### *Held-to-maturity investment*

Held-to-maturity investment is stated at acquisition cost. After initial recognition, held-to-maturity investment is measured at recoverable amount. Any impairment loss incurred is recognised as expense in the consolidated financial statements and deducted against the value of such investment.

#### *Provision for diminution in value of investments*

Provision for the investments is made when there are reliable evidences of the diminution in value of those investments at the balance sheet date. Increases or decreases to the provision balance are recorded as finance expenses in the consolidated income statement.

### 3.13 Payables and accruals

Payables and accruals are recognised for amounts to be paid in the future for goods and services received, whether or not billed to the Group.

### 3.14 Foreign currency transactions

Transactions in currencies other than the Group's reporting currency of VND are recorded at the actual exchange rates at transaction dates which are determined as follows:

- Transactions resulting in receivables are recorded at the buying exchange rate of the commercial bank designated for collection;
- Transactions resulting in liabilities are recorded at the selling exchange rate of the commercial bank designated for payment; and
- Payments for assets or expenses without liabilities initially being recognised are recorded at the buying exchange rate of the commercial bank that processed these payments.

At the end of the year, monetary balances denominated in foreign currencies are translated at the actual exchange rates at the balance sheet date which are determined as follows:

- Monetary assets are translated at buying exchange rate of the commercial bank where the Group conducts transactions regularly; and
- Monetary liabilities are translated at selling exchange rate of the commercial bank where the Group conducts transactions regularly.

All foreign exchange differences incurred are taken to the consolidated income statement.

### 3.15 Treasury shares

Own equity instruments which are reacquired (treasury shares) are recognised at cost and deducted from equity. No gain or loss is recognised in profit or loss upon purchase, sale, issue or cancellation of the Group's own equity instruments.

### 3.16 Appropriation of net profit

Net profit after tax (excluding negative goodwill arising from a bargain purchase) is available for appropriation to shareholders after approval in the annual general meeting, and after making appropriation to reserve funds in accordance with the Company's Charter and Vietnam's regulatory requirements.

The Group maintains the following reserve funds which are appropriated from the Group's net profit as proposed by the Board of Directors and subject to approval by shareholders at the annual general meeting:

- *Investment and development fund*  
This fund is set aside for use in the Group's expansion of its operation or of in-depth investments.
- *Bonus and welfare fund*  
This fund is set aside for the purpose of pecuniary rewarding and encouragement, common benefits and improvement of the employees' benefits, and presented as a liability in the consolidated balance sheet.

### 3.17 Earnings per share

Basic earnings per share is calculated by dividing net profit after tax attributable to ordinary shareholders of the Company (after adjusting for the bonus and welfare fund) by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year.

Diluted earnings per share amounts are calculated by dividing the net profit after tax attributable to ordinary equity holders of the Group (after adjusting for interest on the convertible preference shares) by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year plus the weighted average number of ordinary shares that would be issued on conversion of all the dilutive potential ordinary shares into ordinary shares.

### 3.18 Revenue recognition

Revenue is recognised to the extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Group and the revenue can be reliably measured. Revenue is measured at the fair value of the consideration received or receivable, excluding trade discount, rebate and sales return. The following specific recognition criteria must also be met before revenue is recognised:

#### *Sale of goods*

Revenue is recognised when the significant risks and rewards of ownership of the goods have passed to the buyer, usually upon the delivery of the goods.

#### Rendering of services

Revenue is recognized when the services had been performed and completed.

#### Interest

Revenue is recognised as the interest accrues (taking into account the effective yield on the asset) unless collectability is in doubt.

#### Rental income

Rental income arising from operating leases is accounted for on a straight-line basis over the lease term.

#### Dividend

Income is recognised when the Group's entitlement as an investor to receive the dividend is established.

### 3.19 Taxation

#### Current income tax

Current income tax assets and liabilities for the current and prior year are measured at the amount expected to be recovered from or paid to the taxation authorities. The tax rates and tax laws used to compute the amount are those that are enacted as at the balance sheet date.

Current income tax is charged or credited to the consolidated income statement, except when it relates to items recognised directly to equity, in which case the current income tax is also dealt with in equity.

Current income tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Group to offset current tax assets against current tax liabilities and when the Group intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

#### Deferred tax

Deferred tax is provided using the liability method on temporary differences at the balance sheet date between the tax base of assets and liabilities and their carrying amount for financial reporting purposes.

Deferred tax liabilities are recognised for all taxable temporary differences.

Deferred tax assets are recognised for all deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses, to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses can be utilised.

The carrying amount of deferred tax assets is reviewed at each balance sheet date and reduced to the extent that it is no longer probable that sufficient taxable profit will be available to allow all or part of the deferred tax asset to be utilised. Previously unrecognised deferred tax assets are re-assessed at each balance sheet date and are recognised to the extent that it has become probable that future taxable profit will allow the deferred tax assets to be recovered.

Deferred tax assets and liabilities are measured at the tax rates that are expected to apply in the period when the asset is realised or the liability is settled based on tax rates and tax laws that have been enacted at the balance sheet date.

Deferred tax is charged or credited to the consolidated income statement, except when it relates to items recognised directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in the equity account.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Group to offset current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same taxation authority on the same taxable entity or when the Group intends either to settle current tax liabilities and assets on a net basis or to realise the assets and settle the liabilities simultaneously, in each future period in which significant amounts of deferred tax liabilities or assets are expected to be settled or recovered.

### 3.20 Related parties

Parties are considered to be related parties of the Group if one party has the ability to control the other party or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions, or when the Group and other parties are under common control or under common significant influence. Related parties can be enterprise or individual, including close members of the family of any such individual.

### 3.21 Segment information

A segment is a component determined separately by the Group which is engaged in providing products or related services (business segment) or providing products or services in a particular economic environment (geographical segment), that is subject to risks and returns that are different from those of other segments.

The Group's current principal activities are to provide international and domestic freight services, forwarding and transporting goods, warehouse and office leasing. However, the financial position of office leasing and results of its operation were immaterial to the consolidated financial position of the Group and the consolidated results of its operations. As a result, management is of the view that there is only one segment for business logistics and transportation, therefore, presentation of segmental information is not required.

## 4. IMPORTANT EVENTS IN THE YEAR

### 4.1 Transfer of all contributed capital in ECPVN BD1

On 11 November 2022, the Group transferred its entire capital contribution in ECPVN BD 1 for a total amount of VND 45,000,000,000. Accordingly, ECPVN BD 1 is no longer a subsidiary of the Group from this date.

### 4.2 Change the ownership rate in VNF

On 6 May 2022, the Group registered to buy an additional 580,348 shares of VNF from existing shareholders with the amount of VND 12,554,320,075. Accordingly, the Group's ownership rate in VNF increased from 54.92% to 57.11%.

On 16 September 2022, VNF completed the issuance of 5,277,279 ordinary shares to pay dividends to existing shareholders at par value of VND 10,000/share in accordance with the VNF's Resolution of the Annual Meeting of Shareholders No. 01/2022/NQ-DHĐCD dated 21 April 2022, and other related Resolutions of Board of Directors. Accordingly, the Group received 3,015,830 shares from this issuance.

On 7 December 2022, VNF issued 36,400 shares under the Employee Share Ownership Plan program for key executive members of VNF. Accordingly, the Group's ownership ratio in VNF decreased from 57.11% to 57.05%.

The difference between the value of the Group's investment in VNF and the carrying amount corresponding to the share of net asset value of VNF and its subsidiaries changed at the transaction date in the amount of VND 176,844,177 recorded a decrease in undistributed profit after tax on the consolidated balance sheet.

### 4.3 Fire occurred at Nippon

On 26 July 2022, a fire was caught at a warehouse of Nippon, the Group's joint-venture, located in Di An City, Binh Duong Province. At the date of the consolidated financial statements, Nippon, the insurance company and Nippon's affected customers are still in the process of estimating the damage of the fire, if any.

## 5. CASH AND CASH EQUIVALENTS

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Cash on hand	5,344,243,263	7,564,880,279
Cash in banks	368,745,381,201	840,116,151,970
Cash in transit	3,185,000,000	-
Cash equivalents (*)	179,500,000,000	226,000,000,000
<b>TOTAL</b>	<b>556,774,624,464</b>	<b>1,073,681,032,249</b>

(\*) The ending balance represented deposits at commercial banks with original maturity of less than three (3) months and earn interest at rates ranging from 4.6% to 6.0% per annum.

## 6. SHORT-TERM INVESTMENTS

### 6.1 Held-to-maturity investments

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Bank deposits (*)	311,532,000,000	118,152,000,000
Bond (**) (Note 31)	25,200,200,000	-
<b>TOTAL</b>	<b>336,732,200,000</b>	<b>118,152,000,000</b>

(\*) The ending balance represented bank deposits in commercial banks maturing from three (3) months to twelve (12) months, earned interest at the rates ranging from 4.6% to 8.3% per annum.

(\*\*) The ending balance represented bonds issued by The Van Cargoes and Foreign Trade Logistics Joint Stock Company ("VNT"), earned interest of 7% per annum. The bond will mature on 29 January 2023.

On 27 January 2023, VNT converted its bonds into VNT share for the Group. Accordingly, the number of VNT shares owned the Group increased from 5,135,140 to 7,103,747 shares.

### 6.2 Held-for-trading securities

	Ending balance			Beginning balance		
	Cost of investment	Fair value	Provision	Cost of investment	Fair value	Provision
Dong Nai Port Joint Stock Company ("PDN") (*)	136,705,160,694	153,515,778,000	-	26,433,280,643	50,225,588,000	-
Noi Bai Cargo Terminal Services Joint Stock Company ("NCT")	40,256,385,685	40,579,908,000	-	20,795,852,860	21,298,020,000	-
Da Nang Port Joint Stock Corporation ("CDN")	19,270,679,211	18,904,690,000	(365,989,211)	-	-	-
Vinafco Joint Stock Corporation (VFC)	9,403,585,990	13,157,760,000	-	3,955,486,080	4,546,700,000	-
Long Hau Joint Stock Company ("LHG")	5,403,189,731	6,868,295,000	-	-	-	-
Investment and Trading of Real Estate Joint Stock Company ("ITC")	2,325,451,130	1,715,530,280	(609,920,850)	2,325,451,130	3,022,039,000	-
Searefico Corporation ("SFR")	1,670,673,261	1,677,520,000	-	-	-	-
Vinalink Logistics Corporation ("VNL")	247,699,994	312,000,000	-	247,699,994	399,000,000	-
Song Ba Corporation ("SBA")	66,029,750	66,029,750	-	66,029,750	171,462,500	-
Hiep Phuoc Industrial Park Joint Stock Company ("HPI")	43,064,500	46,600,000	-	-	-	-
Cat Lai Port Joint Stock Company ("CLL")	-	-	-	25,823,008,730	33,135,185,000	-
<b>TOTAL</b>	<b>215,391,919,946</b>	<b>236,844,111,030</b>	<b>(975,910,061)</b>	<b>79,646,809,187</b>	<b>112,797,994,500</b>	<b>-</b>

(\*) The Group pledged certain number of PDN shares as collaterals to the bank to secure the bonds (Note 22.5).

## 7. SHORT-TERM TRADE RECEIVABLES

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Due from other parties	275,115,620,946	740,271,889,220
- Shibushawa Logistics Co., Ltd.	21,502,530,318	19,488,232,633
- Henkel Adhesive Technologies Vietnam Co., Ltd.	18,651,324,009	19,266,253,346
- Maersk Line A/S	12,611,298,067	6,860,063,105
- North Kinh Do One Member Company Limited	10,935,292,981	8,536,399,145
- EB Services Company Limited	6,694,437,206	6,789,904,064
- Thoresen Vinama Logistics Co., Ltd	3,441,985,920	55,425,439,976
- DHL Global Forwarding (Vietnam) Corporation	-	59,120,669,216
- Samsung SDS Vietnam Co., Ltd	-	44,468,181,172
- ALS SDS Joint Stock Company	-	42,898,950,301
- Agility Logistics Co., Ltd	-	26,249,529,820
- Viettrans Co., Ltd	1,794,076,967	20,882,726,113
- Other customers	199,484,675,478	430,285,540,329
Due from related parties (Note 31)	2,879,747,709	2,704,872,845
<b>TOTAL</b>	<b>277,995,368,655</b>	<b>742,976,762,065</b>
Provision for short-term receivables	(7,764,946,794)	(4,460,413,347)
<b>NET</b>	<b>270,230,421,861</b>	<b>738,516,348,718</b>

Details of movements of provision for doubtful trade receivables are as follows:

	VND	
	Current year	Previous year
Beginning balance	4,460,413,347	2,902,888,547
Provision created during the year	3,507,036,736	1,557,524,800
Reversal of provision during the year	(202,503,289)	-
Ending balance	7,764,946,794	4,460,413,347

## 8. SHORT-TERM ADVANCES TO SUPPLIERS

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Searefico Corporation	42,000,000,000	-
Viettravel Airlines Joint Stock Company	19,897,868,642	-
Other suppliers	29,723,840,075	24,038,114,712
Advance to related parties (Note 31)	-	103,264,000
<b>TOTAL</b>	<b>91,621,708,717</b>	<b>24,141,378,712</b>

## 9. OTHER RECEIVABLES

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
<b>Short-term</b>		
Advances to employees	77,498,174,067	29,001,332,451
Deposits (*)	55,047,396,689	204,355,171,816
Payments on behalf	30,403,225,889	45,805,611,761
Interest income	7,348,897,766	3,059,673,011
Due from related parties (Note 31)	616,114,123	729,480,882
Others	39,169,203,298	45,795,228,252
	210,083,011,832	328,746,498,173
<b>Long-term</b>		
Deposits	14,384,571,890	10,984,909,680
Others	11,104,238,400	575,871,153
	25,488,810,290	11,560,780,833
<b>TOTAL</b>	<b>235,571,822,122</b>	<b>340,307,279,006</b>

(\*) The ending balance represented bank deposits as payment guarantees as required by the airlines for international freights and was used as collaterals of the Group's short-term loans from a commercial bank (Note 22).

## 10. PREPAID EXPENSES

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
<b>Short-term</b>	<b>12,498,158,445</b>	<b>14,811,550,933</b>
Repair expenses	4,307,035,862	3,642,827,355
Tools and supplies	3,296,719,217	2,540,529,182
Insurance premium	1,577,246,055	1,528,878,186
Prepaid bond issuance cost	-	4,200,000,000
Others	3,317,157,311	2,899,316,210
<b>Long-term</b>	<b>135,706,339,552</b>	<b>35,450,344,321</b>
Land rental	101,672,399,413	6,748,258,716
Repair expenses	13,406,619,719	9,613,518,380
Land compensation and clearance	8,037,392,920	8,212,435,960
Tools and supplies	3,783,541,865	3,392,752,486
Others	8,806,385,635	7,483,378,779
<b>TOTAL</b>	<b>148,204,497,997</b>	<b>50,261,895,254</b>

## 11. TANGIBLE FIXED ASSETS

						VND
	Buildings and structures	Machinery and equipment	Means of transportation	Office equipment	Other fixed assets	Total
<b>Cost:</b>						
Beginning balance	776,951,977,796	74,696,226,272	591,680,187,238	12,391,777,799	106,462,967,627	1,562,183,136,732
New purchases	6,029,828,800	9,293,833,209	118,398,903,328	154,409,091	456,000,000	134,332,974,428
Transfer from construction in progress	90,950,907,217	28,816,510,089	750,000,000	-	-	120,517,417,306
Transferred from financial lease	-	-	7,894,394,632	-	-	7,894,394,632
Disposals, write-off	(35,004,750,428)	(2,429,356,427)	(55,956,293,325)	(4,402,294,078)	(165,000,000)	(97,957,694,258)
Ending balance	838,927,963,385	110,377,213,143	662,767,191,873	8,143,892,812	106,753,967,627	1,726,970,228,840
<i>In which:</i>						
Fully depreciated	57,936,327,897	505,052,500	117,326,162,653	3,314,519,950	23,236,441,907	202,318,504,907
<b>Accumulated depreciation:</b>						
Beginning balance	(205,868,324,101)	(15,902,648,076)	(298,304,648,863)	(8,142,708,076)	(45,874,743,031)	(574,093,072,147)
Depreciation for the year	(30,622,600,512)	(8,903,743,939)	(58,906,676,161)	(2,906,013,321)	(5,459,920,150)	(106,798,954,083)
Transferred from financial lease	-	-	(2,434,105,013)	-	-	(2,434,105,013)
Disposals, write-off	14,093,471,214	81,742,568	31,424,487,101	3,111,911,634	159,500,058	48,871,112,575
Ending balance	(222,397,453,399)	(24,724,649,447)	(328,220,942,936)	(7,936,809,763)	(51,175,163,123)	(634,455,018,668)
<b>Net carrying amount:</b>						
Beginning balance	571,083,653,695	58,793,578,196	293,375,538,375	4,249,069,723	60,588,224,596	988,090,064,585
Ending balance	616,530,509,986	85,652,563,696	334,546,248,938	207,083,049	55,578,804,504	1,092,515,210,172

As disclosed in Note 22, certain tangible fixed assets have been mortgaged to secure the Group's bank loans.

## 12. INTANGIBLE ASSETS

	VND			
	Land use rights	Computer software	Website	Total
<b>Cost:</b>				
Beginning balance	97,334,381,074	10,993,951,589	32,500,000	108,360,832,663
New purchases	900,000,000	194,000,000	-	1,094,000,000
Disposal	(44,285,400,000)	-	-	(44,285,400,000)
Reclassification	(38,424,366,060)	-	-	(38,424,366,060)
Ending balance	15,524,615,014	11,187,951,589	32,500,000	26,745,066,603
<i>In which:</i>				
Fully amortised	-	3,047,065,220	32,500,000	3,079,565,220
<b>Accumulated amortisation:</b>				
Beginning balance	(10,610,043,796)	(7,875,104,390)	(32,500,000)	(18,517,648,186)
Amortisation for the year	-	(1,001,517,557)	-	(1,001,517,557)
Disposal	10,610,043,796	-	-	10,610,043,796
Ending balance	-	(8,876,621,947)	(32,500,000)	(8,909,121,947)
<b>Net carrying amount:</b>				
Beginning balance	86,724,337,278	3,118,847,199	-	89,843,184,477
Ending balance	15,524,615,014	2,311,329,642	-	17,835,944,656

As disclosed in Note 22, the Group had pledged certain land use rights to secure its bank loans.

## 13. INVESTMENT PROPERTY

	VND	
	Buildings and structures	
<b>Cost:</b>		
Beginning balance	85,949,359,948	
New purchases	2,446,378,700	
Ending balance	88,395,738,648	
<b>Accumulated depreciation:</b>		
Beginning balance	(39,057,014,936)	
Depreciation for the year	(5,728,836,282)	
Ending balance	(44,785,851,218)	
<b>Net carrying amount:</b>		
Beginning balance	46,892,345,012	
Ending balance	43,609,887,430	

The Group's investment property is TMS Building located at 172 Hai Ba Trung Street, Da Kao Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam.

The rental income and operating expenses information relating to the investment property is presented at Note 25.1 and Note 26.

The fair value of the investment property was not formally assessed and determined as at 31 December 2022. However, based on the current occupancy rate and the market value of the property, management believes that its fair value is higher than the carrying value at the balance sheet date.

## 14. FINANCE LEASES

	VND	
	Forklift trucks	
<b>Cost:</b>		
Beginning balance	27,035,271,522	
Disposal	(10,583,063,912)	
Transferred to tangible fixed assets	(7,894,394,632)	
Ending balance	8,557,812,978	
<b>Accumulated depreciation:</b>		
Beginning balance	(6,254,136,015)	
Depreciation for the year	(2,310,490,116)	
Disposal	3,777,122,553	
Transferred to tangible fixed assets	2,434,105,013	
Ending balance	(2,353,398,565)	
<b>Net carrying amount:</b>		
Beginning balance	20,781,135,507	
Ending balance	6,204,414,413	

## 15. CONSTRUCTION IN PROGRESS

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Cool stores	75,680,646,811	-
Vinatrans Da Nang Logistics Centre	-	85,377,107,614
Others	27,315,438,429	9,134,004,268
<b>TOTAL</b>	<b>102,996,085,240</b>	<b>94,511,111,882</b>

## 16. LONG-TERM INVESTMENTS

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Investments in associates and joint-venture (Note 16.1)	2,345,064,719,114	1,937,075,080,607
Investment in other entities (Note 16.2)	11,540,486,487	11,540,486,443
Held-to-maturity investments (Note 16.3)	1,000,000,000	27,200,200,000
<b>TOTAL</b>	<b>2,357,605,205,601</b>	<b>1,975,815,767,050</b>



## 16.1 Investments in a joint venture and associates

Name	Relationship	Business activities	Status	Ending balance		Beginning balance	
				Investment value VND	% interest %	Investment value VND	% interest %
Nippon Express (Vietnam) Co., Ltd ("Nippon")	Joint venture	Logistics services	Operating	841,873,722,908	50.00	683,561,022,030	50.00
Mipec Port Joint Stock Company ("MIPEC") (i)	Associate	Warehousing and storage of goods	Operating	570,866,799,923	38.34	424,729,752,213	35.86
Cho Lon Investment and Import Export Corporation ("Cholimex") (ii)	Associate	Trading and services	Operating	465,636,188,291	30.11	494,829,587,230	35.02
Hai An Container Transport Company Limited ("HATC")	Associate	Onshore and offshore transporting services	Operating	169,004,660,875	20.00	98,354,735,026	20.00
The Van Cargoes and Foreign Trade Logistics Joint Stock Company ("VNT") (iii)	Associate	Freight services	Operating	162,574,867,039	33.87	147,904,188,289	31.33
Transportation and Trading Services Joint Stock Company ("TJC") (iv)	Associate	Trading and services	Operating	83,324,287,753	49.51	35,799,312,560	32.98
Special Aquatic Products Joint Stock Company ("Seaspimex")	Associate	Manufacturing and trading	Operating	48,254,099,570	20.00	47,028,728,383	20.00
Vinh Loc Industrial Parks Power Joint Stock Company	Associate	Manufacturing and trading	Operating	3,530,092,755	20.00	4,867,754,876	20.00
<b>TOTAL</b>				<b>2,345,064,719,114</b>		<b>1,937,075,080,607</b>	

(i) On 23 August 2022, MIPEC issued 30,000,000 shares to its existing shareholders at the price of VND 10,000 per share. Accordingly, the Group subscribed 15,931,550 shares at the subscription amount of VND 175,247,050,000, and its direct ownership increased from 35.86% to 38.34%.

(ii) In 2022, the Group partially disposed 4,254,200 shares, equivalent to 4.91% interests in CLX for the total proceed of VND 126,463,230,200. Gains from this transaction of VND 70,346,221,176 were recognised in finance income account (Note 25.2).

The Group pledged the certain number of CLX shares as collaterals to the bank to secure the bonds (Note 22.5).

(iii) In 2022, the Group acquired an additional 249,700 shares of VNT at a total consideration amount of VND 21,713,851,995, and its direct ownership increased from 31.33% to 33.87%.

(iv) In 2022, the Group acquired a net additional 1,421,780 shares of TJC at a total consideration amount of VND 27,667,143,442, and its direct ownership increased from 32.98% to 49.51%.

Movements of the investment in a joint venture and associates are as follows:

	VND
<b>Cost of investment:</b>	
Beginning balance	1,020,954,631,417
Additions	266,885,661,347
Disposal	(42,542,000,000)
Ending balance	1,245,298,292,764
<b>Accumulated share in post-acquisition profit of the joint venture and associates:</b>	
Beginning balance	916,120,449,190
Share in the profit for the year	353,783,843,815
Dividends	(140,340,760,000)
Disposal	(29,797,106,655)
Ending balance	1,099,766,426,350
<b>Net carrying amount:</b>	
Beginning balance	1,937,075,080,607
Ending balance	2,345,064,719,114

### 16.2 Investment in other entities

	VND	
Investee	Ending balance	Beginning balance
Konoike Vinatrans Logistics Company Limited (Konoike Vina)	4,917,335,327	4,917,335,283
Kintetsu World Express Vietnam Company Limited	4,246,950,000	4,246,950,000
Logistics Vinalink Joint Stock Company	1,650,000,000	1,650,000,000
Vina Vinatrans Trucking Company Limited	726,150,000	726,150,000
Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company	51,160	51,160
<b>TOTAL</b>	<b>11,540,486,487</b>	<b>11,540,486,443</b>

### 16.3 Held-to-maturity investments

The ending balance represented the value of 10,000 non-convertible bonds issued by Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Ho Chi Minh City Branch with par value of VND 100,000/bond and earning interest at reference interest rate plus 0.7% per annum. These bonds will mature on 28 November 2024.

## 17. GOODWILL

	VND
<b>Cost:</b>	
Beginning and Ending balance	51,870,626,212
<b>Accumulated amortisation:</b>	
Beginning balance	(11,183,310,454)
Amortisation for the year	(6,302,581,384)
Ending balance	(17,485,891,838)
<b>Net carrying amount:</b>	
Beginning balance	40,687,315,758
Ending balance	34,384,734,374

## 18. SHORT-TERM TRADE PAYABLES

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Due to other parties	125,642,374,679	422,577,764,283
- An Tam Construction and Trading Co., Ltd	14,694,226,350	-
- Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	11,451,724,051	13,819,458,997
- Etihad Airways	-	193,061,537,301
- Thoresen Vinama Vietnam Logistics Co., Ltd	455,488,562	22,827,330,658
- Other parties	99,040,935,716	192,869,437,327
Due to related parties (Note 31)	1,531,706,619	1,687,831,983
<b>TOTAL</b>	<b>127,174,081,298</b>	<b>424,265,596,266</b>

## 19. STATUTORY OBLIGATIONS

	VND			
	Beginning balance	Increase in year	Decrease in year	Ending balance
Value-added tax	2,548,614,897	75,100,989,307	(74,351,214,311)	3,298,389,893
Corporate income tax	21,872,064,123	101,821,490,210	(43,868,792,342)	79,824,761,991
Personal income tax	4,998,309,004	19,338,413,503	(21,465,606,533)	2,871,115,974
Property tax, land rental	4,697,264,041	2,367,373,863	(18,741,843)	7,045,896,061
Withholding tax	2,036,103,102	40,698,644,533	(42,366,122,418)	368,625,217
Others	-	283,733,002	(280,733,002)	3,000,000
<b>TOTAL</b>	<b>36,152,355,167</b>	<b>239,610,644,418</b>	<b>(182,351,210,449)</b>	<b>93,411,789,136</b>

## 20. SHORT-TERM ACCRUED EXPENSES

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Transporting and forwarding expenses	18,835,103,753	20,204,183,236
Warehouse rental fee	9,972,067,403	-
Loan interest	3,022,651,929	3,322,425,403
Others	4,758,823,870	8,574,056,252
<b>TOTAL</b>	<b>36,588,646,955</b>	<b>32,100,664,891</b>

## 21. OTHER PAYABLES

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
<b>Short-term</b>	<b>220,741,416,933</b>	<b>344,346,107,841</b>
Receipt on behalf of shipping agencies	107,650,784,662	129,640,753,449
Tickets and international freight collected on behalf	71,139,623,319	93,639,228,127
Deposits received	13,723,035,370	77,529,469,691
Interest expense	12,499,025,620	93,317,225
Dividend	6,175,703,632	1,302,700,985
Commission	670,526,450	18,785,282,772
Others	8,882,717,880	23,355,355,592
<b>Long-term</b>	<b>18,695,607,789</b>	<b>17,694,328,319</b>
Deposit received	18,695,607,789	17,694,328,319
<b>TOTAL</b>	<b>239,437,024,722</b>	<b>362,040,436,160</b>
In which:		
Payables to related parties (Note 31)	763,824,376	-
Payables to third parties	238,673,200,346	362,040,436,160

## 22. LOANS AND BORROWINGS

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
<b>Short-term</b>	<b>278,622,398,176</b>	<b>716,762,034,731</b>
Bank loans (Note 22.2)	179,082,576,379	469,039,213,226
Current portion of long-term finance leases (Note 22.1)	923,351,984	7,147,575,240
Current portion of long-term loans (Note 22.2)	52,875,606,788	71,000,054,700
Current portion of loans from a related party (Note 22.3)	41,445,679,100	15,280,007,640
Current portion of bonds	-	150,000,000,000
Other loans	4,295,183,925	4,295,183,925
<b>Long-term</b>	<b>545,535,750,068</b>	<b>583,264,595,224</b>
Bank loans (Note 22.2)	150,533,350,074	134,324,699,150
Loans from a related party (Note 22.3)	102,502,400,000	157,562,007,640
Financial leases (Note 22.1)	-	923,342,980
Bonds (Note 22.4)	292,499,999,994	290,454,545,454
<b>TOTAL</b>	<b>824,158,148,244</b>	<b>1,300,026,629,955</b>

Movements of loans and bonds are as follows:

	VND		
	Short-term	Long-term	Total
Beginning balance	716,762,034,731	583,264,595,224	1,300,026,629,955
Drawdown of loans	1,035,770,640,711	69,787,715,197	1,105,558,355,908
Revaluation	1,189,000,000	(13,613,928,540)	(12,424,928,540)
Allocation of bonds' issuance costs	-	2,045,454,540	2,045,454,540
Repayment of loans and bonds	(1,570,343,906,134)	(703,457,485)	(1,571,047,363,619)
Current portion of long-term loans and bonds	95,244,628,868	(95,244,628,868)	-
Ending balance	278,622,398,176	545,535,750,068	824,158,148,244

### 22.1 Finance leases

Details of the Group's finance leases are as follows:

Name	Ending balance (VND)	Maturity date	Interest rate % p.a.
<b>Chailease International Leasing Co., Ltd</b>			
Loan 1	923,351,984	20 June 2023	9 - 9.3
In which:			
Current portion	923,351,984		
Non-current portion	-		

## 22.2 Short-term bank loans

Details of short-term bank loans to finance the Group's working capital are as follows:

Bank	Ending balance		Maturity date	Interest rate	Description of collateral
	(VND)	(USD)			
<b>Standard Chartered Bank Limited</b>					
Loan 1	137,634,000,000	5,800,000	26 December 2023	9.09	Unsecured
<b>Woori Bank Vietnam Limited</b>					
Loan 1	36,820,768,005	-	27 April 2023	4.54	Unsecured
<b>Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade</b>					
Loan 1	4,627,808,374		24 February 2023	4.8	Bank deposits of VND 135,000,000,000 and deposits (Note 6.1 and Note 9)
<b>TOTAL</b>	<b>179,082,576,379</b>				

## 22.2 Long-term bank loans

Details of long-term bank loans to finance the Group's working capital requirements are as follows:

Bank	Ending balance	Maturity date	Interest rate	Description of collateral
<b>Shinhan Bank Vietnam Limited</b>				
Loan 1	82,625,000,000	23 July 2026	7.00	Receivables; machinery and means of transport
Loan 2	3,653,000,000	10 July 2023	6.99	Land use right, associated properties at Saigon Hi-tech Park
Loan 3	80,466,278,074	From 26 November 2028 to 6 December 2028	7.00	Land use rights at No. 49 Phan Dang Luu, Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau District, Da Nang City and No. 184 Tran Phu Street, Phuoc Ninh Ward, Hai Chau District, Da Nang City
Loan 4	28,781,699,150	6 January 2025	6.99	On-grid solar power system
<b>TOTAL</b>	<b>195,525,977,224</b>			

In which:

Current portion	51,191,699,150
Non-current portion	144,334,278,074

## Woori Bank Vietnam Limited

Loan 1	7,882,979,638	1 March 2029	7.2	Land use right, building, facilities, machineries and equipment
--------	---------------	--------------	-----	---

**TOTAL 7,882,979,638**

In which:

Current portion	1,683,907,638
Non-current portion	6,199,072,000

## 22.3 Loans from a related party

The Group obtained loans from Ryobi Holdings Co., Ltd., a related party, as follows:

Name	Ending balance		Maturity date	Interest rate	Description of collateral
	(VND)	(JPY) / (USD)			
<b>Ryobi Holdings Co., Ltd.</b>					
Loan 1 - JPY	128,128,000,000	700,000,000	From 29 March 2023 to 29 March 2027	1.75	Machinery and equipment of Central Port Warehouse ICD and Logistics Center Transimex Da Nang; 1,500,000 shares of VNT
Loan 2 - USD	15,820,079,100	666,670	From 29 September 2022 to 29 September 2023	3.16	Assets at Central Port Warehouse ICD
<b>TOTAL</b>	<b>143,948,079,100</b>				

In which:

Current portion	41,445,679,100
Non-current portion	102,502,400,000

## 22.4 Long-term bonds

Details of long-term bonds from banks to finance the Group's investment and working capital requirements are as follows:

Buyers	Ending balance	Maturity date	Interest rate	Description of collateral (*)
	(VND)		% p.a.	
Date of issuance: 13 August 2021	300,000,000,000	13 August 2026	8.3	17,300,000 shares of CLX and 16,500,000 shares of VNF
Un-allocated bond issuance cost	(7,500,000,006)			
<b>TOTAL</b>	<b>292,499,999,994</b>			

In which:

Keb Hana Bank - Ho Chi Minh City Branch	175,499,999,996
Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd	116,999,999,998

(\*) On 13 February 2023, the Group added 200,000 shares held in PDN as additional collateral to secure the above bonds.

## 23. BONUS AND WELFARE FUND

VND

	Beginning balance	Appropriation from profit	Utilization in year	Ending balance
Bonus and welfare fund	38,154,577,556	24,927,918,663	(28,428,564,534)	34,653,931,685
Welfare fund has established fixed assets	114,352,977	-	-	114,352,977
Operation and bonus funds of the Board of Directors, Board of Supervision and management	9,971,713,564	18,941,309,767	(8,728,378,790)	20,184,644,541
<b>TOTAL</b>	<b>48,240,644,097</b>	<b>43,869,228,430</b>	<b>(37,156,943,324)</b>	<b>54,952,929,203</b>

(\*) Appropriation from profits comprises the operation and bonus funds of Board of Directors, Board of Supervision and management from undistributed earnings of VND 7,361,835,968 in accordance with the Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 01/2022-BB DHDCD on 28 April 2022 and from 2022 pre-tax profit of VND 15,753,305,262 for the bonus and welfare fund and VND 11,579,473,799 for the operation and bonus funds of Board of Directors, Board of Supervision and management in accordance with the Resolution of BOD No. 65/NQ HDQT NK5-TMS dated 6 March 2023, which is in line with the appropriation ratio approved by the shareholders in accordance with the Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 01/2022-BB DHDCD on 28 April 2022, and the appropriation for bonus and welfare funds of the Group's subsidiaries of VND 9,174,613,401.

## 24. OWNERS' EQUITY

### 24.1 Movements in owners' equity

VND

	Share capital	Share premium	Treasury shares	Investment and development fund	Other owners' equity	Undistributed earnings	Total
<b>Previous year</b>							
Beginning balance	708,221,610,000	350,319,846,123	(189,990,900)	133,757,049,998	-	918,573,313,290	2,346,510,165,476
Dividend shares	228,346,900,000	-	-	-	-	(228,346,900,000)	-
Private placement	122,146,970,000	366,385,910,000	-	-	-	-	488,532,880,000
Net profit for the year	-	-	-	-	-	570,614,419,061	620,899,931,038
Dividend declared	-	-	-	-	9,959,446,608	(40,715,658,000)	(32,899,461,392)
Fund appropriation	-	-	-	20,962,000,000	-	(43,947,181,070)	(26,695,176,960)
Shares acquisition and capital contribution	-	-	-	2,869,508	-	(10,524,508,664)	88,165,272,296
Others	-	-	-	-	-	75,449,404	5,402,249,404
<b>Ending balance</b>	<b>1,058,715,480,000</b>	<b>716,705,756,123</b>	<b>(189,990,900)</b>	<b>154,721,919,506</b>	<b>9,959,446,608</b>	<b>1,165,728,934,021</b>	<b>3,489,915,859,862</b>
<b>Current year</b>							
Beginning balance	1,058,715,480,000	716,705,756,123	(189,990,900)	154,721,919,506	9,959,446,608	1,165,728,934,021	3,105,641,545,358
Dividend shares	-	-	-	-	37,336,222,100	(37,336,222,100)	-
Contribution from non-controlling interest	-	-	-	-	-	(176,844,177)	(176,844,177)
Net profit for the year	-	-	-	-	-	660,744,996,699	660,744,996,699
Fund appropriation	-	-	-	2,000,000,000	405,529,887	(15,076,001,068)	(12,670,471,181)
Others	-	-	-	-	-	(613,543,203)	(613,543,203)
<b>Ending balance</b>	<b>1,058,715,480,000</b>	<b>716,705,756,123</b>	<b>(189,990,900)</b>	<b>156,721,919,506</b>	<b>47,701,198,595</b>	<b>1,773,271,320,172</b>	<b>3,752,925,683,496</b>

## 24.2 Capital transactions with owners

	VND	
	Current year	Previous year
<b>Contributed share capital</b>		
Beginning balance	1,058,715,480,000	708,221,610,000
Dividend shares	-	228,346,900,000
Private placement	-	122,146,970,000
Ending balance	<b>1,058,715,480,000</b>	<b>1,058,715,480,000</b>
<b>Dividends during the year</b>	<b>-</b>	<b>268,578,639,975</b>
Stock dividend	-	41,174,989,975
Cash dividend	-	227,403,650,000

## 24.3 Ordinary shares

	Ending balance	Beginning balance
	Number of shares	Number of shares
Shares authorised to be issued	105,871,548	105,871,548
Shares issued and fully paid	105,871,548	105,871,548
Ordinary shares	105,871,548	105,871,548
Treasury shares	(11,619)	(11,619)
Ordinary shares	(11,619)	(11,619)
Shares in circulation	105,859,929	105,859,929
Ordinary shares	105,859,929	105,859,929

The Company's shares are issued with par value of VND 10,000 per share. The holders of the ordinary shares are entitled to receive dividends as and when declared by the Company. Each ordinary share carries one vote per share without restriction.

## 24.4 Non-controlling interest

	VND	
	Current year	Previous year
Beginning balance	384,274,314,504	235,828,336,965
Contribution from non-controlling interest	22,838,949,748	79,838,870,000
Increase interest in subsidiaries	(12,500,025,646)	18,848,041,452
Net profit for the year	21,569,635,111	50,285,511,977
Dividend declared	(17,541,362,576)	(2,143,250,000)
Fund appropriation	(3,988,848,273)	(3,709,995,890)
Others	7,446,189	5,326,800,000
<b>Ending balance</b>	<b>394,660,109,057</b>	<b>384,274,314,504</b>

## 24.5 Earnings per share

Basic and diluted earnings per share are calculated as follows:

	Current year	Previous year
<b>Net profit after tax attributable to ordinary shareholders (VND)</b>	<b>660,744,996,699</b>	<b>563,252,583,093</b>
Weighted average number of ordinary shares	121,738,226	105,859,929
Basic earnings per share (VND/share)	5,427	5,208
Diluted earnings per share (VND/share)	5,427	5,208

Weighted average number of ordinary shares for earnings per share computation for the year ended 31 December 2021 as presented in the consolidated financial statements for the same year was restated to reflect the issuance of 15,878,297 shares to increase its share capital from its share premium in February 2023 (Note 34).

There have been no dilutive potential ordinary shares during the year and up to the date of these consolidated financial statements.

## 25. REVENUE

### 25.1 Revenue from sale of goods and rendering of services

	VND	
	Current year	Previous year
<b>Gross revenue</b>	<b>3,656,259,677,895</b>	<b>6,389,529,794,726</b>
Transportation charges, air tickets and forwarding services	2,752,050,132,335	5,628,760,230,228
Warehousing and barge services	542,990,545,819	570,170,178,730
Leasing offices	60,188,144,481	54,402,736,103
Revenue from selling real estate	187,000,000,000	-
Other services	114,030,855,260	136,196,649,665
<b>Deductions</b>		
Sales deductions	(8,171,830,186)	(8,264,166,808)
<b>Net revenue</b>	<b>3,648,067,847,709</b>	<b>6,381,265,627,918</b>
<i>In which:</i>		
Sales to related parties	23,420,727,803	13,933,480,950
Sales to other parties	3,624,667,119,906	6,367,332,146,968

## 25.2 Finance income

	VND	
	Current year	Previous year
Gains from disposal of investments	70,346,221,176	-
Foreign exchange gains	36,957,312,990	42,859,189,747
Interest income	33,186,340,801	21,603,794,439
Dividends and profit shared	19,572,775,527	8,523,804,113
Others	145,213,417	6,983,842,912
<b>TOTAL</b>	<b>160,207,863,911</b>	<b>79,970,631,211</b>

## 26. COST OF SERVICES RENDERED

	VND	
	Current year	Previous year
Cost of transportation charges, air tickets and forwarding services	2,448,782,825,923	5,253,493,590,015
Cost of warehousing and barge services	372,908,420,174	486,247,186,105
Cost of leasing offices	27,744,193,416	32,469,941,499
Cost of selling investment real estate	52,469,830,889	-
Cost of other services	196,240,709,262	62,798,060,216
<b>TOTAL</b>	<b>3,098,145,979,664</b>	<b>5,835,008,777,835</b>

## 27. FINANCE EXPENSES

	VND	
	Current year	Previous year
Interest expense	58,401,732,021	54,953,264,188
Foreign exchange losses	23,803,412,371	9,572,416,109
Bond issuance costs	5,455,954,125	6,019,118,181
Provision for held-for-trading securities losses	975,910,062	-
Loss from disposal of investments	-	19,739,644,635
Others	58,330,233	1,223,093,236
<b>TOTAL</b>	<b>88,695,338,812</b>	<b>91,507,536,349</b>

## 28. SELLING EXPENSES AND GENERAL AND ADMINISTRATIVE EXPENSES

	VND	
	Current year	Previous year
<b>Selling expenses</b>	<b>29,783,011,326</b>	<b>55,162,502,579</b>
Commission expense	28,779,590,819	54,658,962,568
Others	1,003,420,507	503,540,011
<b>General and administrative expenses</b>	<b>173,874,207,197</b>	<b>159,649,122,560</b>
Labour cost	96,592,004,535	99,146,578,908
External services	43,515,604,624	39,650,480,322
Depreciation	2,419,514,917	2,457,518,342
Provision for doubtful debts	1,604,095,837	-
Office stationery	928,150,206	1,069,717,602
Others	28,814,837,078	17,324,827,386
<b>TOTAL</b>	<b>203,657,218,523</b>	<b>214,811,625,139</b>

## 29. OPERATING COSTS

	VND	
	Current year	Previous year
Expenses for external services	2,632,770,989,961	5,362,360,241,005
Labour costs	326,713,016,584	399,065,455,966
Raw materials	149,001,634,636	126,008,668,434
Depreciation and amortisation	118,273,903,051	108,302,173,336
Other expenses	75,043,653,955	54,083,864,233
<b>TOTAL</b>	<b>3,301,803,198,187</b>	<b>6,049,820,402,974</b>

## 30. CORPORATE INCOME TAX

The statutory corporate income tax ("CIT") rate applicable to the Company and its subsidiaries is 20% of taxable profits.

The tax returns filed by the Company and its subsidiaries are subject to examination by the tax authorities. As the application of tax laws and regulations are susceptible to varying interpretations, amounts reported in the consolidated financial statements could be changed at a later date upon final determination by the tax authorities.

### 30.1 CIT expense

	VND	
	Current year	Previous year
Current CIT expense	95,436,963,692	74,086,973,387
Deferred tax income	(9,906,409,331)	-
Adjustment for under-accrual of CIT in previous year	6,384,526,518	864,296,080
<b>TOTAL</b>	<b>91,915,080,879</b>	<b>74,951,269,467</b>

The reconciliation between CIT expense and the accounting profit multiplied by CIT rate is presented below:

	VND	
	Current year	Previous year
<b>Accounting profit before tax</b>	<b>774,229,712,689</b>	<b>695,851,200,505</b>
At CIT rate of 20%	154,845,942,538	139,170,240,101
Adjustments:		
Consolidation adjustments	8,956,120,826	9,993,155,033
Non-deductible expenses	4,237,383,337	5,243,731,553
Amortisation of goodwill	1,260,516,277	1,260,516,278
Adjustment for under-accrual of CIT from prior year	6,384,526,518	864,296,080
30% reduction of CIT under Decree No. 114/2020/ND-CP dated 25 September 2020	(760,507,552)	-
Dividends	(3,914,555,105)	(1,704,760,823)
Provisions for investments in associates	(8,337,577,197)	-
Shared in profit of associates	(70,756,768,763)	(79,875,908,755)
<b>CIT expense</b>	<b>91,915,080,879</b>	<b>74,951,269,467</b>

### 30.2 Current expense

The current CIT payable is based on taxable profit for the current year. The taxable profit of the Group for the period differs from the profit as reported in the consolidated income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other periods and it further excludes items that are not taxable or deductible. The Group's liability for current tax is calculated using tax rates that have been enacted at the balance sheet date.

### 30.3 Deferred tax

The following are the deferred tax assets and deferred tax liabilities recognised by the Company, and the movements thereon, during the current and previous years.

	VND			
	Consolidate balance sheet		Consolidate income statement	
	Ending balance	Beginning balance	Current year	Previous year
Unrealized profit	1,568,832,134	-	1,568,832,134	-
Provision for long-term investments	8,337,577,197	-	8,337,577,197	-
<b>Deferred tax assets</b>	<b>9,906,409,331</b>	<b>-</b>		
<b>Deferred tax income</b>			<b>9,906,409,331</b>	<b>-</b>

## 31. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES

List of related parties as at 31 December 2022 is as follows:

Related parties	Relationship
Mr Bui Tuan Ngoc	Chairman
Mr Le Duy Hiep	Vice Chairman cum General Director
Mr Nguyen Bich Lan	BOD's member
Mr Toshiyuki Matsuda	Member
Mr Charvanin Bunditkitsada	Member
Mr Vu Chinh	BOD's independent member
Mr Bui Minh Tuan	BOD's independent member
Mr Ton That Hung	Deputy General Director
Mr Nguyen Chi Duc	Deputy General Director
Mr Le Phuc Tung	Deputy General Director
Mr Nguyen Hoang Hai	Deputy General Director (from to 6 March 2023)
Mr Le Van Hung	Chief Finance Officer
Ms Nguyen Hong Kim Chi	Chief Accountant
Mr Nguyen Bao Trung	Deputy General Director (up to 13 February 2023)
Ms Le Thi Ngoc Anh	Head of Board of Supervisors
Ms Nguyen Kim Hau	Member of Board of Supervisors
Ms Phan Phuong Tuyen	Member of Board of Supervisors
Ms Nguyen Thi Thai Nhi	Administrator
SHTL	Direct Subsidiary
SHTP	Indirect Subsidiary
VNF	Direct Subsidiary
TLL	Direct Subsidiary
BDS	Direct Subsidiary
TOT (formerly Transimex Transportation Joint Stock Company)	Direct Subsidiary
Vinatrans Da Nang	Direct Subsidiary
VLL	Direct Subsidiary
DC	Direct Subsidiary
LAI	Indirect Subsidiary
Vector Aviation Co., Ltd.	Indirect Subsidiary
Vietway Trade Development Investment Company Limited	Indirect Subsidiary
SFS Vietnam Global Logistics Company Limited	Indirect Subsidiary
Vietnam Xue Hang Logistics Company Limited	Indirect Subsidiary



### 31. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES (CONTINUED)

List of related parties as at 31 December 2022 is as follows: (continued)

Related parties	Relationship
Mipec	Associate
CLX	Associate
VNT	Associate
TJC	Associate
SPV	Associate
HACT	Associate
Nippon	Joint venture
Vinh Loc Industrial Park Electrical Joint Stock Company	Associate
Ryobi Holdings Co.Ltd. ("Ryobi")	Shareholder
Ryobi International Logistics Vietnam Joint Stock Company	Related company of BOD's member
JWD InfoLogistics Public Company Limited	Shareholder
Thien Hai Investment and Trading Co., Ltd	Related company of Chairman
Toan Viet Investment Joint Stock Company	Related company of Chairman
Phu Nhuan Trading Joint Stock Company	Related company of Chairman
Hoc Mon Trading Joint Stock Company	Related company of Chairman
Vinaprint Corporation	Related company of Chairman
MACS Shipping Corporation	Related company of Vice Chairman
Vina Investment Joint Stock Company	Related company of BOD's member
Garmex Saigon Joint Stock Company	Related company of BOD's member
Merufa Joint Stock Company	Related company of BOD's member
Haneco Import-Export Joint Stock Company	Related company of BOD's member
Prosper Logistics Joint Stock Company	Related company of BOD's member
Vinalink Logistics Joint Stock Company	Related company of the Head of Board of Supervision
Viet Nhat Transport Co., Ltd	Related company of the Member of Board of Supervision
Ben Thanh Service Joint Stock Company	Related company of Chief Finance Officer

Significant transactions with related parties during the year were as follows:

Related party	Relationship	Nature of transaction	VND	
			Current year	Previous year
Nippon	Associate	Dividend	116,500,000,000	41,500,000,000
		Rendering of services	13,810,006,377	6,425,154,436
VNT	Associate	Capital contribution	21,713,851,995	-
		Purchase of services	11,221,500	16,219,512,440
		Rendering of services	145,088,566	2,816,881,299
		Interest income	653,471,001	606,922,382
HACT	Associate	Dividend income	8,000,000,000	8,000,000,000
		Purchase of services	70,612,458	2,092,864,431
		Rendering of services	1,732,531,746	1,289,627,273
Seaspimex	Associate	Rendering of services	7,733,101,114	3,401,817,942
CLX	Associate	Purchase services	193,412,727	-
		Dividend income	7,822,140,000	-
TJC	Associate	Purchase services	6,685,540,437	-
		Capital contribution	27,667,143,442	-

Amounts due from related parties at the balance sheet date were as follows:

Related party	Relationship	Nature of transaction	VND	
			Ending balance	Beginning balance
<b>Held-to-maturity investments</b>				
VNT	Associate	Bonds	25,200,200,000	-
<b>Short-term trade receivables</b>				
HACT	Associate	Rendering of services	445,175,840	-
Nippon	Joint venture	Rendering of services	1,791,013,816	1,370,058,762
Seaspimex	Associate	Rendering of services	643,558,053	1,219,704,308
VNT	Associate	Rendering of services	-	103,790,000
Vinalink	Associate	Rendering of services	-	11,319,775
			<b>2,879,747,709</b>	<b>2,704,872,845</b>
<b>Other short-term receivables</b>				
Nippon	Joint venture	Collect on behalf	9,191,740	610,422,382
VNT	Associate	Collect on behalf	606,922,383	119,058,500
			<b>616,114,123</b>	<b>729,480,882</b>

### 31. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES (CONTINUED)

Amounts due to related parties at the balance sheet date were as follows:

			VND	
Related party	Relationship	Nature of transaction	Ending balance	Beginning balance
<b>Short-term trade payables</b>				
VNT	Associate	Purchase of services	1,214,156,619	1,169,546,524
VT&TM	Associate	Purchase of services	-	482,965,900
Vinalink	Associate	Purchase of services	-	35,319,559
Hai An	Associate	Purchase of services	317,550,000	-
			<b>1,531,706,619</b>	<b>1,687,831,983</b>

#### Other short-term trade payables

Ryobi Holdings Co. Ltd.	Shareholder	Interest expense	763,824,376	-
-------------------------	-------------	------------------	-------------	---

#### Advance to suppliers

CLX	Associate	Purchase of goods	-	103,264,000
-----	-----------	-------------------	---	-------------

#### Loan

Ryobi Holdings Co. Ltd.	Shareholder	Loans	143,948,079,100	172,842,015,280
-------------------------	-------------	-------	-----------------	-----------------

#### Other transactions with related parties

Remuneration to members of the Board of Directors, Board of Supervision and Management comprises:

				VND	
	Position	Current year	Previous year		
Mr Bui Tuan Ngoc	Chairman of BOD	4,162,378,408	2,283,913,134		
Mr Le Duy Hiep	Vice Chairman of BOD General Director	3,237,291,880	1,972,170,399		
Mr Vu Chinh	Member of BOD	512,095,738	99,999,996		
Mr Bui Minh Tuan	Member of BOD	512,095,738	99,999,996		
Mr Nguyen Bich Lan	Member of BOD	512,095,738	99,999,996		
Mr Toshiyuki Matsuda	Member of BOD	115,000,000	-		
Mr Charvanin Bunditkitsada	Member of BOD	526,600,000	112,500,000		
Mr Masafumi Inoue	Member of BOD	411,600,000	112,500,000		
Ms Le Thi Ngoc Anh	Head of BOS	272,911,803	99,999,996		
Ms Nguyen Kim Hau	Member of BOS	215,669,974	80,000,004		
Ms Phan Phuong Tuyen	Member of BOS	215,669,974	80,000,004		
Mr Le Phuc Tung	Deputy General Director	1,591,858,013	1,133,978,566		
Mr Nguyen Bao Trung	Deputy General Director	1,498,458,348	1,010,940,419		
Mr Nguyen Chi Duc	Deputy General Director	704,691,619	1,129,352,171		
Mr Ton That Hung	Deputy General Director	660,180,362	-		
Mr Nguyen Hong Son	Deputy General Director	-	1,099,674,200		
Mr Le Van Hung	Finance Director	1,203,609,157	795,135,941		
Ms Nguyen Hong Kim Chi	Chief Accountant	940,383,148	678,546,936		
<b>TOTAL</b>		<b>17,292,589,900</b>	<b>10,888,711,758</b>		

### 32. OPERATING LEASE COMMITMENTS

#### Operating lease out commitments

The Group leases out assets under an operating lease arrangement, with future minimum rent receivables at the balance sheet date is as follows:

			VND	
	Ending balance	Beginning balance		
Less than 1 year	34,573,788,174	33,128,814,924		
From 1 to 5 years	56,203,928,006	69,798,505,044		
More than 5 years	-	79,800,000,000		
<b>TOTAL</b>	<b>90,777,716,180</b>	<b>182,727,319,968</b>		

#### Operating lease commitments

The Group leases office premises under an operating lease arrangement, with future minimum lease payables as at balance sheet date due as follows:

			VND	
	Ending balance	Beginning balance		
Less than 1 year	33,554,219,032	28,871,613,850		
From 1 to 5 years	92,354,889,247	91,147,102,733		
Over 5 years	147,397,738,464	171,722,671,631		
<b>TOTAL</b>	<b>273,306,846,743</b>	<b>291,741,388,214</b>		

### 33. OFF BALANCE SHEET ITEM

			VND	
	Ending balance	Beginning balance		
Foreign currencies				
- United States dollar (USD)	6,202,220	2,234,538		
- Hong Kong dollar (HKD)	2,500	2,500		

### 34. EVENT AFTER THE BALANCE SHEET DATE

#### Capital contribution to form the subsidiaries

On 16 and 19 January 2023, the Group, together with other founders, formed Transimex Shipping Corporation and Transimex Port Corporation.

#### Stock dividends

In accordance with the Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders No. 01/2022-BB DHDCD-TMS on 28 April 2022, and the Resolution of the Board of Directors ("BOD") No.59/NQHĐQT NK5-TMS on 23 December 2022, the General Meeting of Shareholders and the BOD approved the plan to increase share capital by issuing the number of 15,878,989 shares (equivalent to a ratio of 100:15 on the number of outstanding shares) with a par value of VND 10,000/share to shareholders from the Group's share premium as at 31 December 2021.

### 34. EVENT AFTER THE BALANCE SHEET DATE (CONTINUED)

On 8 February 2023, the Company issued 15,878,297 shares, with a performance ratio of 15%, to increase the share capital in accordance with the above resolutions. Accordingly, the Company's share capital increased from VND 1,058,715,480,000 to VND 1,217,498,450,000 on this date. On 17 February 2023, the Company received the amended Enterprise Registration Certificate issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City approving this increase in charter capital.

*Purchase more shares issued by MIPEC*

On 7 February 2023, the Group subscribed 5,411,200 shares issued by MIPEC with the total amount of VND 59,523,200,000. Accordingly, the Group's ownership ratio in MIPEC increased from 38.34% to 38.83%.

Except for the above events and events disclosed at Note 6.1 and Note 23, there have been no other significant events occurring after the balance sheet date which would require adjustments or disclosures to be made in the consolidated financial statements of the Group.

Ho Chi Minh City, Vietnam  
30 March 2023

**Nguyen Thanh Tung**  
Preparer

**Nguyen Hong Kim Chi**  
Chief Accountant



**Bui Tuan Ngoc**  
Chairman





**HEAD OFFICE**

9<sup>th</sup> - 12<sup>th</sup> Floor, TMS Building,  
172 Hai Ba Trung, DaKao Ward,  
District 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam

T: (84-28) 2220 2888

F: (84-28) 2220 2889

E: [info@transimex.com.vn](mailto:info@transimex.com.vn)

[www.transimex.com.vn](http://www.transimex.com.vn)